

PHAN VĂN GIUỖNG



MODERN VIETNAMESE

Tiếng Việt Hiện Đại

Vietnamese
for overseas Vietnamese
& Foreigners

Stage 4
Students' Book
With 2 CDs



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Tiếng Việt Hiện Đại
Modern Vietnamese

4

Phan Văn Giưỡng

MODERN VIETNAMESE
TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI

*Vietnamese for overseas Vietnamese
and Foreigners*

Stage 4
Students' Book

MODERN VIETNAMESE 4

TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI 4

First published 1995

Revision 2000, 2002, 2004, 2007, 2009

© Copyright@ Phan Van Giuong

Illustrated by Trần Anh Kiệt

Modern Vietnamese 4

Tiếng Việt Hiện Đại 4

ISBN 1 86 272 471 7

ACKNOWLEDGEMENTS

I wish to acknowledge the dedication and commitment of the Department of Employment, Education and Training who administered and funded this project as one of the Innovative Languages Other Than English (ILOTES) program. Particularly, I would like to thank the Assistant Secretary and staff of the Language and Literacy Branch for their strong support in developing Vietnamese teaching and learning materials.

I would like to express my appreciation to the Board of Studies in Victoria, New South Wales and South Australia who produced Study Design of Years 11 & 12 from which I derive in writing Vietnamese syllabus for Years 11 & 12.

Very special thanks are due to Professor Stephanie Fahey, foundation Director of the Centre for Asia Pacific Studies and now Deputy Vice-Chancellor Monash University for her great effort and dedication to Vietnamese curriculum and teaching material development since the Centre for Asia Pacific Studies was established in 1989. It is now a key national provider of Vietnamese language and studies.

I am grateful to the members of the Advisory Committee for this project: Professor Kee Pookong, Ms Erol Byrol, Sister Marie Trần Thị Niên, Mr Thong Phoumirath, Brother Võ Liêm, Mr Frank Nhut Trinh, Mr Nguyễn Xuân Định and Mr Thái Đắc Nhượng who have consistently advised and supported me in carrying out the task of the project.

Much appreciation is extended to the Vietnamese Community leaders, Vietnamese Teachers' Association, language-teaching experts, and Vietnamese educators who provided invaluable comments and advice.

I am also grateful to Mr Nguyễn Xuân Định and Mr Nguyễn Hưng Quốc for their assistance in proof-reading the textbook.

Thanks are also due to Ms Jane Clohessy, Mr Trần Anh Kiệt, Mr Nguyễn Bình Trị, Ms Trần Kiều Thu, Ms Nguyễn Văn Anh and Ms Phạm Thị Minh Nguyệt who worked so hard to complete the project.

Phan Văn Giương
Senior Lecturer
Project Officer

FOREWORD

The book "*Modern Vietnamese 4*" is an outcome of the Innovative Languages Other Than English in Schools (ILOTES) project, funded by the Language and Literacy Branch, Department of Employment, Education and Training.

This book, accompanied by a workbook and audio-cassettes, is a series of Vietnamese teaching materials for second language learners at the senior secondary school level. The materials are activities-based. A communicative approach is adopted in which the activity is the central focus of teaching and learning.

There are nine modules for one year of study. Each module consists of a variety of receptive and productive activities which aim to improve the four language skills: listening, speaking, reading and writing.

This course assists learners to use Vietnamese in a variety of practical and real-life situations and to understand Vietnamese culture and society.

Students should use Part A of the workbook to assess their performance and Part B for extending exercises and activities on linguistic elements.

All instructions in this book are written in Vietnamese because students are expected to have finished the "*Modern Vietnamese 1 & 2 & 3*" or studied Vietnamese at least 450 hours before they start to use this book. It is believed that this process will advance students' competence in Vietnamese.

I trust this series of Vietnamese learning and teaching materials will fulfill the growing need of students, teachers and providers of Vietnamese language study across Australia. I congratulate Mr Phan Van Giuong, the project leader, and his co-workers for their foresight and diligence in producing an internationally unique set of language resource.

Professor Kee Pookong

Director, Centre for Asia Pacific Studies

MỤC LỤC

CONTENTS

Acknowledgements	v
Foreword	vi
Contents	vii
Bài học 1 : Giáo dục	1
<i>Education</i>	
Bài học 2 : Văn chương Việt Nam	21
<i>Vietnamese Literature</i>	
Bài học 3 : Quan hệ xã hội	46
<i>Social Relationships</i>	
Bài học 4 : Kinh nghiệm di dân	60
<i>Migrant's Experience</i>	
Bài học 5 : Hệ thống chính quyền Úc	81
<i>Australian Government System</i>	
Bài học 6 : Phụ nữ Việt Nam	99
<i>Vietnamese Women</i>	
Bài học 7 : Các ngày lễ, tết của người Việt	115
<i>Vietnamese Festivals and Holidays</i>	
Bài học 8 : Môi trường sinh sống	137
<i>The environment</i>	
Bài học 9 : Bài ôn: Đánh giá chung	152
<i>Review: Common Assessment Tasks</i>	
References :	176

1. Xem bản đồ hệ thống giáo dục tại Việt Nam và trả lời các câu hỏi.

HỆ THỐNG GIÁO DỤC

HẬU ĐẠI HỌC POST-GRADUATE EDUCATION		
ĐẠI HỌC và CAO ĐẲNG UNIVERSITY AND COLLEGE		
TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP VOCATIONAL SECONDARY EDUCATION		
PHỔ THÔNG TRUNG HỌC GENERAL SECONDARY EDUCATION	CẤP 3 (Senior secondary)	Lớp 12 Classes
		Lớp 11
		Lớp 10
PHỔ THÔNG CƠ SỞ BASIC GENERAL EDUCATION	CẤP 2 (Junior secondary)	Lớp 9
		Lớp 8
		Lớp 7
		Lớp 6
	Tiểu học CẤP 1 (Primary school)	Lớp 5
		Lớp 4
		Lớp 3
		Lớp 2
		Lớp 1
MẪU GIÁO KINDERGARTEN		
NHÀ TRẺ CRECHE		

TUỔI

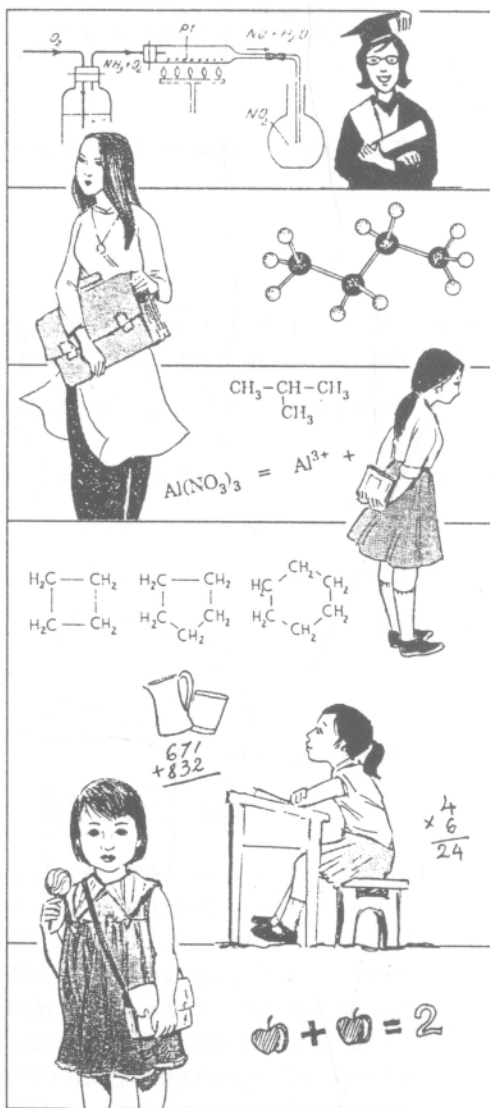
25

18

15

10

6



1.1. Ở Việt Nam, bậc tiểu học gồm mấy năm?

.....

1.2. Ở Việt Nam, bậc trung học bắt đầu từ lớp mấy?

.....

1.3. Trường phổ thông trung học cấp 3 bắt đầu từ lớp mấy?

.....

1.4. Ở Việt Nam, trẻ em mấy tuổi mới được vào lớp một?

.....

1.5. Học sinh phải mất bao nhiêu năm để học xong trung học?

.....

2. Mỗi sinh viên viết lại quá trình học của mình bằng cách trả lời các câu hỏi sau đây: Năm nào? Lớp mấy? Trường nào? Ai dạy?

Ví dụ: Năm 1989, tôi học lớp 8 trường Debney Park với cô An.

2.1

2.2

2.3

2.4

3. Đọc bài sau đây:

GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

Ở Việt Nam, việc giáo dục được chia thành nhiều giai đoạn. Trước hết là giáo dục vỡ lòng, rồi đến tiểu học, trung học, và cuối cùng là đại học. Về phương diện hành chính, nền giáo dục quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Cũng như các quốc gia khác, Việt Nam có nhiều hình thức giáo dục khác nhau như giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp. Chính sách cưỡng bách giáo dục chỉ áp dụng cho trẻ em ở bậc tiểu học.



Giáo dục vỡ lòng do các nhà trẻ và trường mẫu giáo đảm nhiệm. Bậc tiểu học ở Việt Nam kéo dài 5 năm và bậc trung học kéo dài 7 năm.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo còn cung cấp các chương trình giáo dục đặc biệt cho trẻ em khuyết tật và trẻ em có năng khiếu thiên phú. Giáo dục tráng niên thì dành cho những người muốn tiếp tục việc học sau một thời gian gián đoạn. Để chống nạn mù chữ, Việt Nam vẫn đang phát triển các trường dạy cho người trưởng thành biết đọc và viết.



4. Tìm các từ trong bài đọc ở (3) tương đương với các từ tiếng Anh sau đây:

- 4.1 *education* :
- 4.2 *early-childhood education* :
- 4.3 *Ministry for Education and Training* :
- 4.4 *to administer* :
- 4.5 *universal education* :
- 4.6 *compulsory education* :
- 4.7 *kindergarten* :
- 4.8 *handicapped children* :
- 4.9 *inborn talent* :
- 4.10 *adult education* :
- 4.11 *period of interruption* :
- 4.12 *illiteracy* :

5. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

Đ	S
---	---

5.1 Giáo dục ở Việt Nam được chia thành nhiều giai đoạn: trước hết là giáo dục vỡ lòng và cuối cùng là giáo dục trung học

--	--

5.2 Ở Việt Nam, giáo dục luôn luôn được chính phủ quản lý toàn bộ.

--	--

5.3 Chính sách cưỡng bách giáo dục ở Việt Nam được áp dụng đến hết bậc tiểu học.

--	--

5.4 Ở Việt Nam, bậc tiểu học và trung học kéo dài cả thảy 12 năm.

--	--

5.5 Trẻ em khuyết tật và trẻ em có khả năng thiên phú được theo học chương trình giáo dục đặc biệt.

--	--

5.6 Chương trình chống nạn mù chữ ở Việt Nam được phát triển nhằm mục đích dạy cho người trưởng thành biết đọc và viết.

--	--

6. Dịch ra tiếng Việt:

6.1 *Education in Vietnam can be divided into stages: it begins with early-childhood education and continues through primary, secondary and higher education.*

.....

.....

6.2 *The education system in Vietnam is completely administered by the government.*

.....

6.3 *The level of compulsory education varies from one country to another.*

.....

6.4 *In Vietnam, children are required to attend school for 5 years.*

.....

6.5 *In almost every nation, primary education is compulsory and free.*

.....

6.6 *Students who attend private schools have to pay tuition fees.*

.....

6.7 *Special education provides educational opportunities for handicapped and gifted children.*

.....

.....

7. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: *giáo dục, môn học, rèn luyện, mục đích, công dân, trang bị, chuyên nghiệp, phổ thông.*

GIÁO DỤC

Có hai hình thức : giáo dục
và giáo dục

Giáo dục phổ thông có truyền thụ
di sản văn hóa và đào tạo những công dân tốt, có kiến
thức và có trách nhiệm hơn là đào tạo những chuyên
viên.

Giáo dục tiểu học thường là giáo dục phổ thông.
Học sinh được học những kỹ năng cần thiết cho đời sống
như đọc, viết và làm toán. Các em còn được học các giá
trị luân lý, quyền lợi và bổn phận của
cũng như một số môn học khác như sử, địa và khoa học...
Giáo dục trung học phần lớn cũng là giáo dục phổ thông.

Giáo dục chuyên nghiệp chú trọng việc
khả năng nghề nghiệp cho học sinh một cách cụ thể như
dạy nghề sửa xe hơi, nghề mộc, nghề điện... Tuy nhiên,
tại các trường trung học chuyên nghiệp, học sinh cũng
được yêu cầu phải chọn một vài giáo dục
phổ thông.

Đại học có nhiệm vụ kiến thức cho
sinh viên trong nhiều khoa học chuyên môn như kiến
trúc, thương mại, y khoa, dược khoa, sư phạm...

8. Viết chính tả bài sau đây:

CÁC BẬC HỌC

Năm nay, Việt mười bảy tuổi. Việt sắp học xong bậc
trung học. Sang năm, sau khi hoàn tất các kỳ thi để lấy
bằng Tốt nghiệp Trung học, Việt lên bậc đại học. Từ
đây, Việt bước vào bậc học chuyên khoa: tùy môn, ngành
chọn học, Việt sẽ học từ ba đến năm để thành tài.

Bề học mệnh mỏng thật, nhưng nếu ta quyết chí
học hành thì thế nào ta cũng tốt nghiệp đại học trước tuổi



hai mươi lăm.

Mới ngày nào Việt còn rụt rè theo mẹ tới lớp mẫu giáo, thế mà nay Việt đã lên lớp mười hai rồi! Việt đã được nhiều giáo viên tận tâm dạy dỗ, được thấy ông hiệu trưởng luôn luôn bận rộn với công việc nhà trường và Việt cũng đã làm quen với những chú lao công hiền lành. Hằng ngày, Việt cùng học tập với những học sinh ngoan ngoãn và chăm chỉ.

Không bao giờ Việt quên rằng trường tiểu học là nơi đầu tiên dạy dỗ em nên người.



9. Chọn và viết lại câu giải nghĩa thích hợp ở B sau mỗi từ ở A.

A

9.1 lớp mẫu giáo :

9.2 hiệu trưởng :

9.3 lao công :

9.4 phổ thông :

9.5 chuyên khoa :

9.6 tốt nghiệp :



- dạy chuyên về một môn.
- dạy cho người ta những điều hiểu biết thông thường đủ loại.
- lớp dạy cho trẻ em chưa đủ tuổi vào lớp một bậc tiểu học.
- người trông coi, quét dọn trường học.
- học xong một bậc học và đạt được kết quả.
- người đứng đầu một trường học.

10. Đặt câu với các từ sau đây để phân biệt từ bắt đầu bằng s và x.

- 10.1 sắp sửa :
- 10.2 xấp xỉ :
- 10.3 xong việc :
- 10.4 song song :
- 10.5 sẵn sàng :

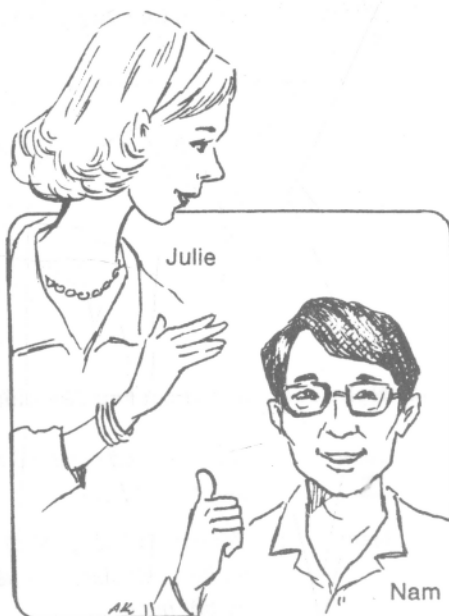
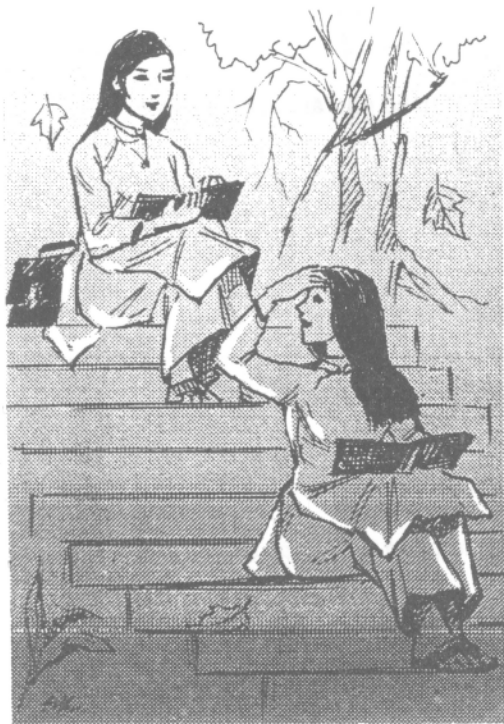
11. Đặt câu với các từ sau đây để phân biệt từ có phụ âm cuối là t và c.

- 11.1 bậc học :
- 11.2 bật lửa :
- 10.3 bậc thang :
- 10.4 tất bật :

12. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Julie và Nam.

- Julie : *Này anh, mẫu giáo có nằm trong hệ thống giáo dục tiểu học không?*
- Nam : *Tôi nghĩ là không. Vì đi học mẫu giáo có tính cách tự nguyện và bán thời gian, còn tiểu học là giai đoạn giáo dục toàn thời gian và bắt buộc.*

- Julie : Năm học ở Việt Nam bắt đầu vào tháng hai, phải không?
- Nam : Không. Năm học ở Việt Nam bắt đầu vào tháng chín.
- Julie : Các trường ở Việt Nam có yêu cầu học sinh mặc đồng phục không?
- Nam : Nói chung là có. Tuy nhiên một vài trường vẫn còn phải khuyến khích phụ huynh cho con em mặc đồng phục.
- Julie : Phụ huynh có thường được mời đi họp không?
- Nam : Có chứ! Trong các buổi họp, phụ huynh sẽ gặp các giáo viên và có thể thảo luận về sự tiến bộ của con cái họ.
- Julie : Các trường ở Việt Nam có thường tổ chức cho học sinh đi chơi học hỏi bên ngoài không?
- Nam : Có nhưng ít lắm. Lý do là Việt Nam thiếu phương tiện. Ở Úc, các cuộc đi chơi cắm trại, đi thăm các viện bảo tàng hoặc sở thú là một phần quan trọng trong việc giáo dục trẻ em.
- Julie : Julie có cảm tưởng trẻ em ở đây chơi nhiều hơn học.
- Nam : Có lẽ Julie lầm rồi. Trẻ em học được rất nhiều trong khi chơi.



13. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

13.1	<i>voluntary</i>	:		viện bảo tàng
13.2.	<i>part time</i>	:		sự tiến bộ
13.3	<i>school year</i>	:		tổ chức
13.4	<i>uniform</i>	:		sở thú
13.5	<i>to encourage</i>	:		đồng phục
13.6	<i>to discuss</i>	:		đi thăm
13.7	<i>progress</i>	:		cắm trại
13.8	<i>full time</i>	:		thảo luận
13.9	<i>museum</i>	:		năm học
13.10	<i>camping</i>	:		bán thời gian
13.11	<i>zoo</i>	:		tự nguyện
13.12	<i>to visit</i>	:		khuyến khích
13.13	<i>to organise</i>	:		toàn thời gian

14. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

	Đ	S
14.1 Nam nghĩ rằng mẫu giáo nằm trong hệ thống giáo dục tiểu học.	☐	☐
14.2 Tất cả trẻ em ở Việt Nam bắt buộc phải học xong bậc tiểu học.	☐	☐
14.3 Năm học ở Việt Nam bắt đầu vào tháng Hai.	☐	☐
14.4 Ở Việt Nam, tất cả các trường đều bắt buộc học sinh mặc đồng phục.	☐	☐
14.5 Khi họp, phụ huynh thảo luận với giáo viên về sự tiến bộ của con cái.	☐	☐
14.6 Julie có cảm tưởng là trẻ em ở Úc chơi nhiều hơn học.	☐	☐
14.7 Nam cho rằng trong khi chơi các em học được rất nhiều.	☐	☐

15. Nghe bài sau đây:

GIÁO DỤC Ở ÚC

Tuổi đi học:

Theo luật lệ hiện hành, tất cả trẻ em ở lứa tuổi từ 6 đến 15 đều phải đi học. Riêng ở tiểu bang Tasmania thì từ 6 đến 16 tuổi. Ở Úc có cả trường công lẫn trường tư.

Sự khác biệt giữa các tiểu bang:

Giáo dục là vấn đề thuộc trách nhiệm của tiểu bang nên hệ thống giáo dục ở mỗi tiểu bang có hơi khác nhau. Tuy nhiên mỗi tiểu bang đều soạn chương trình giáo dục theo tiêu chuẩn căn bản phù hợp với chính sách chung của chính phủ.

Phụ huynh học sinh và trường học:

Theo quan niệm giáo dục mới, trường học là của cộng đồng và là nơi đào tạo nhân tài cho xã hội. Vì thế hầu hết các trường đều có Hội Phụ huynh Học sinh và Giáo chức để đôi bên có thể thảo luận và xây dựng trường trên cả hai lãnh vực sinh hoạt học đường và chương trình giảng huấn. Muốn biết thêm chi tiết về Hội, xin quý vị gặp hiệu trưởng.

Ghi danh học:

Trong một số tiểu bang, trẻ em thường đi học tại các trường trong khu vực các em đang sinh sống. Bộ Giáo dục Tiểu bang sẽ cho quý vị biết danh sách các trường công quý vị có thể ghi danh cho con em theo học. Lúc đi ghi danh, quý vị nhớ mang theo một số giấy tờ cần thiết như giấy khai sinh, học bạ. Nếu muốn biết các trường tư thục trong tiểu bang, quý vị cũng có thể liên lạc với Bộ Giáo dục Tiểu bang.

Thời khóa biểu học:

Niên học thường kéo dài từ tháng 2 đến tháng 12, gồm 3-4 học kỳ; giữa các học kỳ là các ngày lễ và nghỉ hè. Giờ học thường bắt đầu từ 9 giờ sáng và kéo dài đến 4 giờ chiều, từ thứ Hai tới thứ Sáu. Có giờ nghỉ để ăn trưa và học sinh có thể mang thức ăn theo hoặc mua tại phòng ăn của trường. Học sinh cũng có thể về nhà ăn trưa, nếu nhà trường cho phép.

Lớp mẫu giáo:

Lớp mẫu giáo, dành cho trẻ em từ 4 đến 5 tuổi, là lớp chuẩn bị cho các em vào bậc tiểu học. Tuy nhiên ở Úc, lớp này không bắt buộc. Các em chỉ học vài giờ một ngày và vài ngày một tuần. Trường mẫu giáo thường được mở chung với các trường tiểu học.



Trường tiểu học:

Trường tiểu học dành cho trẻ em từ 6-7 đến 11-12 tuổi. Bậc tiểu học là thời điểm của nền giáo dục cưỡng bách ở Úc. Các em sẽ học đọc, học viết, học toán căn bản, thể thao và một số các môn học khác. Lớp học được sắp xếp theo tuổi, và thường chỉ có một thầy / cô giáo đảm trách tất cả các môn học.

Trường trung học hay kỹ thuật:

Trường trung học hay kỹ thuật dành cho học sinh từ 11-12 đến 18 tuổi. Những hạn tuổi này không áp dụng đối với người tị nạn.

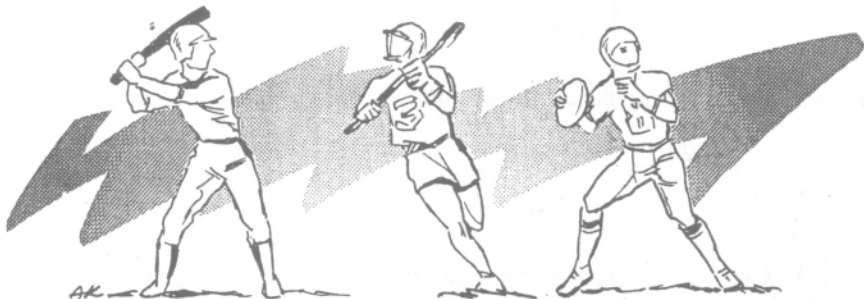
Học sinh không phải thi tuyển vào bậc trung học. Trẻ em bắt buộc phải đi học cho tới 15 tuổi (16 tuổi tại tiểu bang Tasmania). Đa số học sinh tiếp tục đi học cho tới năm 18 tuổi. Ở bậc trung học, chương trình học có tính cách tổng quát trong 3 hay 4 năm đầu: học sinh thường bắt buộc phải học Anh văn, Toán và Khoa học. Sau đó, học sinh có thể học chuyên về một số môn. Ở trường trung học kỹ thuật, trong 3 năm đầu, học sinh cũng học chương trình tổng quát giống như trên. Trong những năm kế tiếp, học sinh bắt đầu học chuyên về kỹ thuật hay thương mại, thí dụ như làm đồ gỗ, xây cất, làm đồ kim khí, thương mại, đánh máy, kinh tế gia đình v.v...

Sinh hoạt học đường:

Ngoài giờ học thường xuyên trong lớp, học sinh phải tham gia các hoạt động thể thao và những buổi du khảo do nhà trường tổ chức.

- Du khảo: là những buổi đi tham quan Viện Bảo tàng, Công ty sản xuất, hoặc những buổi khảo cứu đối với các môn khoa học v.v... do giáo sư phụ trách hướng dẫn. Thường thì học sinh phải đóng lệ phí như tiền chuyên chở, tiền vào cửa. Những buổi du khảo này không bắt buộc và nhà trường luôn luôn hỏi ý kiến phụ huynh trước. Tuy nhiên hầu hết mọi người đều công nhận là những buổi du khảo này rất có ích trong việc giáo dục học sinh.

- Thể thao: Giáo dục ở Úc cũng chú trọng đến việc rèn luyện thể chất. Do đó thể thao là một phần quan trọng trong chương trình học, vì chơi thể thao giúp cho thân thể tráng kiện và nâng cao niềm tự tin. Tất cả các trường trung và tiểu học đều quy định dành một buổi chiều mỗi tuần cho học sinh sinh hoạt thể thao. Nam sinh và nữ sinh đều phải tham gia, trừ phi có lý do chính đáng như sức khỏe yếu...



16. Viết ra 5 điểm giống nhau giữa giáo dục ở Úc và ở Việt Nam.

16.1

16.2

16.3

16.4

16.5

17. Viết ra 5 điểm khác biệt giữa giáo dục ở Úc và ở Việt Nam.

17.1

17.2

17.3

17.4

17.5

18. Phân biệt hai thành phần chính (chủ ngữ và vị ngữ) của các câu sau đây:

18.1 Lớp mẫu giáo dành cho trẻ em từ 4 đến 5 tuổi.

- Chủ ngữ :

- Vị ngữ :

18.2 Trẻ em thường đi học tại các trường trong khu vực các em đang sinh sống.

- Chủ ngữ :

- Vị ngữ :

18.3 Học sinh phải tham gia các hoạt động thể thao và những buổi du khảo do nhà trường tổ chức.

- Chủ ngữ :
- Vị ngữ :

- * Ghi chú:
- Câu đơn gồm có 2 bộ phận chính: chủ ngữ và vị ngữ.
 - Khi viết hết câu phải ghi dấu chấm.
 - Chữ cái đầu câu phải được viết hoa.

19. Thêm thành phần vị ngữ vào các chủ ngữ sau đây:

- 19.1 Thấy giáo em
- 19.2 Ngôi trường em
- 19.3 Máy bạn học cùng lớp em
- 19.4 Học sinh lớp em

20. Đặt câu với các từ sau đây để phân biệt phụ âm đầu d và v.

- 20.1 màu vàng :
- 20.2 dễ dàng :
- 20.3 dở dang :
- 20.4 vỗ vế :

21. Đọc bài sau đây và tập ngắt câu. (Dấu chấm đặt ở cuối câu, báo hiệu câu đó đã kết thúc. Khi đọc, gặp dấu chấm phải hạ giọng và nghỉ hơi.)

TÔI ĐI HỌC

Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm lấy tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh đều thay đổi và chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tuổi tôi, áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghi thật chặt nhưng một quyển cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở thật nhiều lại kèm cả bút thước nữa nhưng họ không lộ vẻ khó khăn gì hết.

Trước sân trường Mỹ Lý đầy đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt cũng vui tươi và sáng sủa... Trường trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy cậu học trò bờ ngõ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa, hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thăm ước ao được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Thanh Tịnh (Quê Mẹ)



22. Xếp các từ ghép sau đây thành 2 cột (cột A dành cho danh từ và cột B dành cho động từ): *náo nức, cảm giác, nẩy nở, ý tưởng, rộn rã, âu yếm, sách vở, áo quần.*

A: Danh từ

B: Động từ

.....	
.....	
.....	
.....	

23. Từng nhóm 3 đến 5 học sinh đọc và thảo luận về bài sau đây:

HỘI ĐỒNG NHÀ TRƯỜNG

Theo luật định, tất cả mọi trường học ở Úc phải có một hội đồng nhà trường (school council). Hội đồng nhà trường là cơ quan quản trị nhà trường, đưa ra chính sách giáo dục và quản trị tài chánh.

Nhiệm vụ của hội đồng nhà trường

Hội đồng nhà trường có nhiệm vụ:

- hoạch định chính sách của nhà trường
- triển khai chính sách giáo dục chiếu theo quy định của mỗi tiểu bang
- quản trị tài chánh nhà trường
- triển khai kỷ luật để học sinh phải tuân hành.
- giúp tuyển chọn hiệu trưởng khi chức vụ này trống và cho ý kiến về sự bổ nhiệm lên Bộ Giáo dục
- tuyển dụng nhân viên dịch vụ, hành chánh
- tường trình hàng năm trước cộng đồng nhà trường
- phát triển và duy trì trường ốc.

Thành phần hội đồng nhà trường

Hội đồng nhà trường phải có từ sáu đến mười lăm thành viên. Đa số các thành viên của hội đồng phải là phụ huynh học sinh. Nhân viên của Bộ Giáo dục, nếu tham gia hội đồng nhà trường, thì không được quá một phần ba số của hội đồng. Những thành viên được bầu chọn vào hội đồng hoặc là phụ huynh học sinh hoặc là nhân viên của nhà trường.

Hội đồng nhà trường còn có thể mời các thành viên khác trong cộng đồng địa phương tham gia hội đồng nhà trường. Những đóng góp đáng kể của nhiều thành viên đó sẽ mang lại lợi ích cho nhà trường. Những thành viên này do không phải qua thủ tục bầu cử nên được gọi là thành viên tuyển.

**Tham gia hội đồng là điều tự nguyện,
tại sao không tình nguyện tham gia?**

Vai trò của phụ huynh đóng góp rất nhiều vào việc học của con em mình và một trong những phương cách đóng góp đó là phụ huynh trở thành hội viên của hội đồng nhà trường. Điều kiện cần thiết duy nhất để một người có thể trở thành hội viên là: người ấy là phụ huynh có con em học ở trường. Nhà trường sẽ hướng dẫn phụ huynh cách thức để tham gia hội đồng nhà trường.

Phụ huynh cũng có thể tham gia những kỳ họp thường kỳ của hội đồng nhà trường với tư cách bằng thỉnh viên.



Hàng năm một kỳ tổng đại hội sẽ được tổ chức để hội đồng nhà trường tường trình báo cáo thường niên. Phụ huynh học sinh sẽ được thông báo về cuộc họp thường niên này.

Việc bầu cử cũng được tổ chức hàng năm và mỗi lần bầu cử như vậy sẽ có một nửa số thành viên của hội đồng được thay đổi. Ngoại trừ hiệu trưởng, mỗi thành viên hội đồng sẽ đảm nhận vai trò của mình trong nhiệm kỳ hai năm. Điều này nhằm bảo đảm tính liên tục của thành viên hội đồng. Thành viên được đề bạt hằng năm.

AI có quyền bỏ phiếu bầu chọn?

Trong những kỳ bầu cử hội đồng nhà trường, tất cả thành viên của cộng đồng nhà trường đều có quyền bỏ phiếu. Trong trường, hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức và thông báo việc bầu cử cho toàn trường vào tháng ba mỗi năm.

Hãy tham gia hội đồng nhà trường!

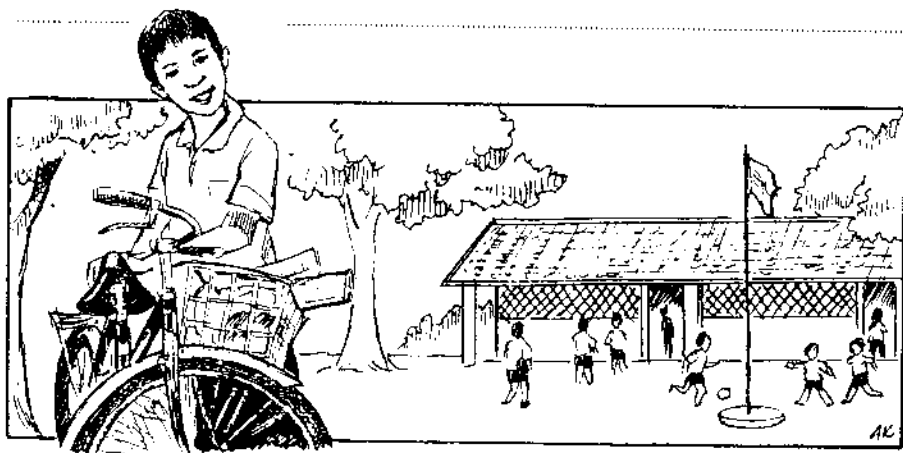
Có nhiều cách để phụ huynh học sinh tham gia vào hoạt động của hội đồng nhà trường như là:

- tham dự các buổi họp của hội đồng nhà trường
- tham gia bỏ phiếu trong các kỳ bầu cử hội đồng nhà trường
- cho hiệu trưởng biết là mình lưu tâm đến các công việc của hội đồng nhà trường
- làm quen với các thành viên của hội đồng nhà trường và yêu cầu được thông báo về những quyết định của hội đồng nhà trường
- tham gia một tiểu ban hoặc một nhóm hoạt động nào đó của hội đồng nhà trường.

Muốn biết rõ thêm về hội đồng nhà trường, xin liên lạc với hiệu trưởng hoặc hội trưởng hoặc những thành viên khác của hội đồng. Nhà trường sẵn sàng sắp xếp thông dịch viên để giúp những phụ huynh gặp khó khăn khi tiếp xúc bằng tiếng Anh.

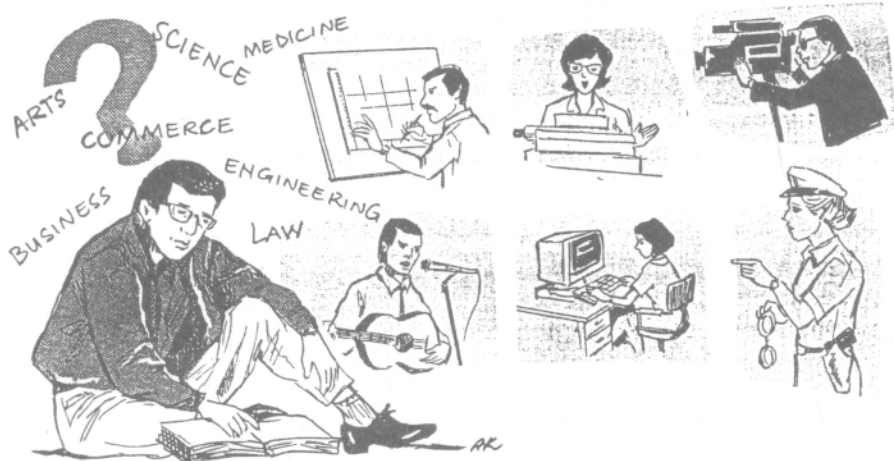
24. Viết một lá thư cho một người bạn ở Việt Nam nói về hệ thống giáo dục ở Úc. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- Ở Úc, trẻ em mấy tuổi bắt đầu đi học trường tiểu học?
- Bậc tiểu học kéo dài bao nhiêu năm?
- Bậc trung học kéo dài bao nhiêu năm?
- Có trường tư và trường công không?
- Trường công do ai quản lý?
- Học sinh có phải mặc đồng phục không?
- Học xong lớp 12, học sinh có phải qua một kỳ thi tốt nghiệp không?



25. Đọc thêm bài sau đây:

CHỌN MÔN HỌC ĐỂ CHUẨN BỊ VÀO ĐẠI HỌC



Sự chọn lựa môn học trong chương trình lớp 11 và 12 có ảnh hưởng quyết định đến ngành học ở bậc đại học. Để chọn môn học đúng hướng, đúng ngành, các em có thể dựa vào hai yếu tố chủ quan và khách quan sau đây:

A. Yếu tố chủ quan

1. Sở thích hay năng khiếu:

Khi bắt đầu chọn môn học, các em phải tự đặt những câu hỏi như: Mình thích làm gì trong tương lai? Mình có năng khiếu gì? Về phương diện tâm lý và đời sống, điều này rất quan trọng vì suốt đời phải làm công việc không mấy thích thú thì thật là khổ hình. Đồng thời, nếu cảm thấy thích thú với việc học và việc làm, các em mới phát triển khả năng của mình được.

2. Khả năng:

Để cho ước mơ trở thành sự thật, các em nên xem xét lại khả năng của mình khi chọn lựa môn học. Ví dụ, nếu các em không có khả năng về toán mà chỉ có khả năng về xã hội, nhân văn mà cứ chọn toán và khoa học thì sẽ không thể nào đạt được kết quả như ý. Thậm chí có nhiều em phải bỏ dở việc học. Thực tế, những em vừa mới đến Úc thì yếu về Anh văn nhưng thường giỏi toán, trong khi các em ở Úc lâu thì giỏi Anh văn nhưng lại yếu về khoa học. Ngoài ra, một số em, do việc học bị gián đoạn, thường gặp khó khăn trong nhiều môn khi đi học trở lại.

Hai yếu tố sở thích và khả năng đôi khi đối chọi nhau. Ví dụ, có em thích sau này lái máy bay nhưng khả năng về toán và vật lý lại kém. Như vậy, sự chọn lựa hay nhất vẫn nên dựa trên khả năng và hạn chế sở thích.

B. Yếu tố khách quan

Sự chọn lựa đôi khi không do mình mà phải dựa vào điều kiện bên ngoài, gọi là yếu tố khách quan. Khi chọn môn học cho lớp 11-12, các em phải nghĩ đến việc sẽ theo ngành gì khi vào đại học.

1. Điều kiện vào ngành học:

Ở Victoria, hàng năm, trung tâm Tuyển sinh đại học (VTAC) đều ấn hành tập hướng dẫn về những chi tiết và điều kiện vào đại học. Phải dựa vào điều kiện vào ngành học để có thể chọn đúng hướng. Ví dụ 1: Muốn học Y khoa, ở lớp 11 các em phải chọn môn hóa học (Chemistry) vì hóa học là môn bắt buộc để vào ngành Y. Ví dụ 2: Muốn học Kỹ sư Cơ khí hoặc Điện, các em phải học toán và vật lý (Maths and Physics).

Do đó, muốn chọn môn học ở lớp 11-12 đúng với ngành học ở bậc đại học, các em nên tham khảo tập hướng dẫn của VTAC (Tập này phát không ở VTAC hay tại các trường).

2. Nhu cầu việc làm hiện nay: (Prospective employment)

Hàng năm, vào mùa thi hay ngay sau khi kết quả tú tài được công bố, Nha Thống kê thường phổ biến một bản liệt kê nhu cầu các ngành nghề hiện nay (thường được đăng trên tờ *The Age*). Trong bản này, các em sẽ thấy ngành nào thừa, ngành nào thiếu người, do đó có thể chọn ngành đang có nhu cầu để khi vừa tốt nghiệp là có thể có công ăn việc làm ngay. Ví dụ trong bản ngành nghề phổ biến năm ngoái, chúng tôi được biết ngành Cán sự Y tế thiếu người, ngành Nha vừa đủ, ngành Giáo dục thiếu...

Tóm lại, để chọn môn học đúng sở thích, khả năng và ngành học khi lên đại học, các em nên chú ý những yếu tố vừa nêu trên.





• Văn Miếu - Hà Nội

1. Đọc bài sau đây:

CHỮ QUỐC NGŨ



NGUYÊN NHÂN XUẤT HIỆN CHỮ QUỐC NGŨ

Trải qua mấy ngàn năm, văn học Việt Nam mang nặng ảnh hưởng của văn học Trung quốc. Sĩ phu Việt Nam chỉ quen biết, ngưỡng mộ cơ Trung quốc, chỉ học và hành theo khuôn khổ Trung quốc nên việc phổ thông giáo dục trong dân chúng gặp rất nhiều trở ngại. Mấy trở lực lớn nhất là:

- Cuộc sống cách biệt giữa giới thượng lưu trí thức và quần đại quần chúng chân lấm tay bùn: Đại đa số nhân dân sống âm thầm trong cảnh nghèo khó tối tăm, lo được cơm áo đã là may, nên ít người dám nghĩ đến việc học hành hay cho con em đi học.

- Sự khiếm khuyết một thứ chữ viết giản dị và dễ học: Chữ Hán, thứ chữ chính thức được dùng trong hành chánh và giáo dục suốt mười mấy thế kỷ, thường khó học;

chữ Nôm, thứ chữ được chế biến từ chữ Hán để ghi tiếng Việt, lại càng khó học, hơn nữa, nó không được triều đình công nhận (trừ dưới triều Hồ Quý Ly và Quang Trung). Vì vậy việc phổ thông giáo dục không có điều kiện phát triển.

Sang thế kỷ XVII, các giáo sĩ Thiên Chúa giáo vì muốn việc truyền đạo được dễ dàng, đã lấy mẫu tự La Tinh phiên âm tiếng Việt để sáng tác nên chữ quốc ngữ ngày nay.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỮ QUỐC NGỮ

Những bước đầu:

Từ khi xuất hiện cho tới năm 1862, chữ quốc ngữ chỉ được dùng trong các tu viện. Năm 1862, Pháp chiếm hẳn Sài Gòn và các tỉnh lân cận, các giáo sĩ được tự do truyền đạo, số giáo sĩ tăng lên nhiều, các sách viết bằng chữ quốc ngữ được in ở Sétempore (Ấn Độ), Bangkok (Thái Lan) rồi ở ngay Nam Việt... khiến phạm vi hoạt động của thứ chữ mới này càng ngày càng được mở rộng. Những nhà viết truyện, tuồng, làm thơ, sáng tác nhạc xuất hiện nhiều tại các giáo khu. Tác phẩm của họ thường mang nặng tính chất tôn giáo. Tuy không có giá trị lớn, song các tác phẩm đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ này đã mở đường cho sự phát triển và sự thắng lợi sau này của chữ quốc ngữ.

Những người có công nhất trong việc gây dựng sự ưu thắng của chữ quốc ngữ buổi ban đầu là hai học giả miền Nam: Huỳnh Tịnh Của và Trương Vĩnh Ký.

Thời tiệm tiến:

Năm 1906, các cụ Lương Văn Can, Tăng Bạt Hổ và Nguyễn Quyền hợp nhau lập nên Đông Kinh Nghĩa Thục với mục đích canh tân xứ sở và khai trí cho dân chúng. Các cụ đã dùng chữ quốc ngữ để giảng dạy trong các lớp học.

Nhờ Đông Kinh Nghĩa Thục mà chữ quốc ngữ được nhiều người để ý tới, kể cả những người cựu học.

Nhưng Đông Kinh Nghĩa Thục đang phát triển mạnh thì bị chính phủ Pháp nghi kỵ, hạ lệnh đóng cửa, rồi khủng bố các nhân viên nhà trường. Nghĩa Thục bị tan rã sau non một năm hoạt động. Tuy mục đích chưa đạt, song nó đã gây được nhiều ảnh hưởng sâu đậm trong quần chúng. Tiếng vang của nó đã phần nào dẫn đến sự sụp đổ nhanh chóng của nền cựu học.



cổ động cho phong trào duy tân và tạo cơ sở vững vàng cho nền quốc văn phát triển trong mấy chục năm sau.

Từ đó, chữ quốc ngữ đã tiến bộ rất nhiều qua những ngành mới xuất hiện ở nước ta như báo chí, dịch thuật, biên khảo và tiểu thuyết.

2. Tìm các từ tiếng Anh đồng nghĩa với các từ tiếng Việt sau đây:

- 2.1 nguyên nhân :
- 2.2 chữ quốc ngữ :
- 2.3 văn học :
- 2.4 sĩ phu :
- 2.5 giới thượng lưu trí thức :
- 2.6 sự khiếm khuyết :
- 2.7 phát triển :
- 2.8 phong trào duy tân :
- 2.9 biên khảo :
- 2.10 tiểu thuyết :

3. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

Đ	S
---	---

3.1 Văn học Việt Nam thời xưa chịu ảnh hưởng rất nặng của văn học Trung quốc.

--	--

3.2 Việc học và hành theo Trung quốc được mọi người dân tiếp nhận một cách dễ dàng.

--	--

3.3 Ngày xưa, việc học chỉ dành riêng cho giai cấp thượng lưu mà thôi.

--	--

3.4 Chữ Hán là một thứ chữ rất dễ học.

--	--

3.5 Chữ Nôm không phải được biến chế từ chữ Hán.

--	--

3.6 Chữ quốc ngữ là thứ chữ dùng mẫu tự La Tinh để phiên âm tiếng Việt.

--	--

3.7 Chữ quốc ngữ ra đời do nhu cầu truyền giáo của các giáo sĩ người Pháp.

--	--

3.8 Trước năm 1862, chữ quốc ngữ đã được dùng rộng rãi khắp nơi.

--	--

3.9 Hai người có công nhất trong việc làm nên sự ưu thắng của chữ quốc ngữ buổi ban đầu là Huỳnh Tịnh Của và Trương Vĩnh Ký.

--	--

3.10 Nhờ Đồng Kinh Nghĩa Thục mà chữ quốc ngữ được nhiều người học.

--	--

4. Trả lời các câu hỏi sau đây:

4.1 Kể ra các trở ngại của việc giáo dục phổ thông trong dân chúng ngày xưa.

.....

4.2 Tại sao chữ Nôm không được phát triển?

.....

4.3 Ai đã sáng chế ra chữ quốc ngữ và từ lúc nào?

.....

4.4 Các tác phẩm văn chương đầu tiên bằng chữ quốc ngữ do ai viết và mang tính chất gì?

.....

.....

4.5 Ai có công nhất trong việc phát triển ban đầu của chữ quốc ngữ?

.....

4.6 Ai đã thành lập Đồng Kinh Nghĩa Thục?

.....

4.7 Mục đích của Đồng Kinh Nghĩa Thục là gì?

.....

4.8 Tại sao người Pháp đóng cửa Đồng Kinh Nghĩa Thục?

.....

5. Đọc lớn và thảo luận về bài sau đây:

ĐẶC TÍNH CHUNG CỦA VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

Vì sự biến chuyển đặc biệt của hoàn cảnh lịch sử nên văn chương Việt Nam đầu thế kỷ XX có những sắc thái khác hẳn với văn chương những thế kỷ trước về cả hai phương diện hình thức và nội dung.

HÌNH THỨC

Chịu ảnh hưởng của Âu học, hình thức văn chương Việt Nam thời kỳ này có nhiều về mới lạ:

- **Về văn xuôi**, người ta đã bỏ lối văn biền ngẫu, thi phú xưa, và dùng thể văn xuôi giản dị, trong sáng, dùng câu ngắn theo lối Tây phương. Đồng thời có nhiều ngành mới xuất hiện: báo chí, dịch thuật, biên khảo, phê bình, kịch bản, tiểu thuyết...

- **Về văn vần**, thơ Đường ít được lưu ý. Các thi sĩ Việt Nam bắt đầu dùng các loại thơ vượt ra ngoài khuôn khổ gò bó cho hợp với trào lưu tiến hóa của dân tộc: thơ 8 chữ, 12 chữ, thơ tự do (không hạn định số chữ). Thơ lục bát, thất ngôn, tứ tuyệt vẫn còn thông dụng ở thời kỳ này.

NỘI DUNG

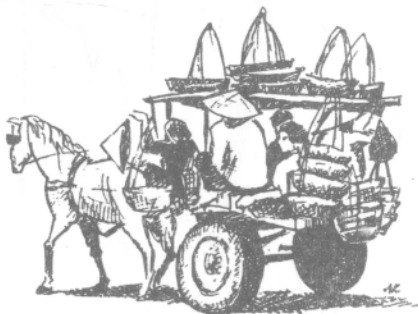
Chịu ảnh hưởng của Tây phương, văn chương Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đã có nhiều sự thay đổi sâu sắc về phương diện tư tưởng. Người ta bắt đầu bỏ quan niệm "văn dĩ tải đạo" thời Nho học xưa mà theo quan niệm "nghệ thuật vị nghệ thuật" hoặc "nghệ thuật vị nhân sinh" của thời văn minh vật chất ngày nay: con người, với tất cả những tính tốt xấu đều được phơi trần trên trang giấy; những khát vọng "đục bản" của con người cũng không được người ta giấu giếm nữa... Tóm lại, nội dung của văn chương đầu thế kỷ XX có những đặc điểm sau đây:

- Ảnh hưởng của đạo giáo (Phật, Lão, Trang, Nho) nói chung bị lu mờ, tuy còn rơi rớt lại chút ít trong tác phẩm của một vài người cựu học như Nguyễn Khắc Hiếu, Lâm Tấn Phác, Nguyễn Trọng Thuật...

- Cá nhân chủ nghĩa được đề cao (*Đoạn tuyệt, Nửa chừng xuân...*).

- Tư tưởng tự do được phổ biến (*Đôi bạn, Đoạn tuyệt, Trước vành móng ngựa...*).

- Óc khoa học, nghiên cứu được đề cao (*Trại Bồ Tùng Linh, Con đường thiên lồi...*).



lưu ý tới giới quần chúng bình dân

- Tư tưởng cách mạng, lòng ái quốc được cổ vũ (*Đôi bạn, Đoạn tuyệt...*).
- Ái tình lý tưởng, lãng mạn, bi đát... được các văn sĩ thi vị hóa (*Tổ Tâm, Giọt lệ thu, Lệ ký...*).
- Các văn sĩ đặc biệt lưu ý tới giới quần chúng bình dân, chứ không còn gò bó văn chương trong khuôn khổ đài các như xưa.

KHUYNH HƯỚNG CỦA VĂN CHƯƠNG ĐẦU THẾ KỶ XX

Căn cứ vào nội dung văn chương, chúng ta có thể xếp các nhà văn đầu thế kỷ XX vào ba khuynh hướng chính:

- khuy nh hướng về học thuật:** Nguyễn Bá Học, Phan Kế Bính, Nguyễn Hữu Tiến, Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc.
- khuy nh hướng lãng mạn:** Tương Phố, Hoàng Ngọc Phách, Đông Hồ.
- khuy nh hướng tả thực:**
 - tả sự sinh hoạt của giới bình dân lao động: Nguyễn Công Hoan (*Kép Tư Bền*), Tam Lang (*Tôi kéo xe*), Lan Khai (*Lắm than*).
 - tả mặt trái của xã hội (cảnh ăn chơi trụy lạc): Vũ Trọng Phụng (*Giống tổ, Làm đĩ*), Trọng Lang (*Hà nội lắm than*), Nguyễn Hồng (*Bỉ vỏ*).
 - tả cảnh vật, phong tục và sinh hoạt ở thôn quê: Nguyễn Lân (*Cậu bé nhà quê*), Lan Khai (*Cố Dung*).



6. Nghe và ghi lại những điểm chính trong bài viết về Truyện Kiều sau đây:

NGUYỄN DU & TRUYỆN **KIỀU**

TIỂU SỬ NGUYỄN DU

Nguyễn Du sinh năm 1766 tại tỉnh Hà Tĩnh trong một gia đình nổi tiếng về văn học. Nguyễn Du đỗ tú tài năm 19 tuổi, sau đó nhận một chức quan nhỏ dưới triều vua Lê. Năm 1789, Quang Trung dẫn quân ra Bắc đánh tan quân Thanh, dẹp triều Lê, Nguyễn Du chạy về Thái Bình ở ẩn. Mãi đến năm 1802, khi Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, lập nên triều Nguyễn, Nguyễn Du mới ra làm quan cho đến lúc mất vào năm 1820.

Nguyễn Du sáng tác khá nhiều. Tác phẩm của ông hiện còn ba tập thơ bằng chữ Hán, một số bài thơ bằng chữ Nôm và đặc biệt là *Truyện Kiều*, một tác phẩm tuyệt vời đưa tên tuổi Nguyễn Du lên hàng đầu trong lịch sử văn học Việt Nam.

TÓM TẮT TRUYỆN KIỀU

Nhân vật chính trong truyện là Thuý Kiều, một cô gái trẻ, đẹp, thông minh, làm thơ hay, đánh đàn giỏi. Nhân một buổi cùng hai em là Thuý Vân và Vương Quan đi tảo mộ, Thuý Kiều gặp Kim Trọng. Sau đó, hai người yêu nhau và hẹn thề là sẽ chung thủy suốt đời với nhau.

Ít lâu sau, chú của Kim Trọng qua đời, chàng phải về quê thọ tang. Trong lúc ấy, gia đình của Thuý Kiều bất ngờ gặp tai họa: bị một người bán tơ vu khống, cha và em của Thuý Kiều bị quan huyện bắt giam. Để có tiền hối lộ quan huyện hầu cứu cha và em, Thuý Kiều đành bán mình về làm vợ bé Mã Giám Sinh. Đêm trước ngày rước dâu, Thuý Kiều dặn em là Thuý Vân thay mình lấy Kim Trọng để khỏi phụ lời thề ước với người yêu.

Nhưng Mã Giám Sinh mua Thuý Kiều về không phải để làm vợ bé. Mã Giám Sinh và vợ là Tú Bà có một động điểm. Cả hai bắt Thuý Kiều phải tiếp khách. Đau đớn, tủi nhục, Thuý Kiều tự tử nhưng được cứu thoát. Tú Bà bắt Thuý Kiều giam trong lầu Ngưng Bích. Một hôm, có một thanh niên tên là Sở Khanh đến lầu Ngưng Bích dụ

dỗ Thuý Kiều bỏ trốn. Kiều nhẹ dạ nghe theo. Trên đường bỏ trốn, Kiều bị gia nhân của Tú Bà bắt lại. Từ đó, Thuý Kiều bị bắt buộc phải tiếp khách làng chơi.

Trong số khách làng chơi có Thúc Sinh, một thanh niên đã có vợ, rất giàu có, đem lòng thương Thuý Kiều. Thúc Sinh bỏ tiền ra chuộc Thuý Kiều về làm vợ bé nhưng lại giấu vợ chính là Hoạn Thư. Sau, Hoạn Thư biết được, sai gia nhân đến bắt Thuý Kiều về làm đầy tớ trong nhà. Cả Thúc Sinh lẫn Thuý Kiều đều rất đau lòng nhưng cả hai đều sợ Hoạn Thư nên không dám tỏ lộ cho nhau. Hả giận, Hoạn Thư cho Thuý Kiều ra tu ở Quan Âm Các ở vườn sau; nhân đó, Thuý Kiều mới trốn đi.



Nàng đến một ngôi chùa gặp vãi Giác Duyên. Vãi lo ngại khi biết Kiều trốn từ nhà Hoạn Thư nên đem nàng sang gửi nhà Bạc Bà. Bạc Bà lại là một mụ trùm, lừa gạt nàng cho cháu là Bạc Hạnh để đem nàng sang Thái Châu. Tại Thái Châu, Thuý Kiều lại bị bắt làm điếm một lần nữa.

Cuối cùng, có một anh hùng tên là Từ Hải cứu Thuý Kiều ra khỏi lầu xanh để về làm vợ chàng. Từ Hải khởi nghĩa chống lại triều đình, hùng cứ một phương oai phong lẫm liệt. Thuý Kiều có cơ hội trả ân, trả oán. Triều đình sai Hồ Tôn Hiến cầm quân đánh dẹp Từ Hải nhưng đánh mãi không thắng. Hiến dùng mưu, sai người dút lốt, dụ dỗ Thuý Kiều. Kiều xiêu lòng, khuyên Từ Hải ra hàng để được bỏ làm quan, sống yên ổn trọn đời. Không ngờ Hồ Tôn Hiến trở mặt, giết Từ Hải, bắt Thuý Kiều gả cho một thổ quan. Đau khổ vì chồng chết, uất hận vì bị lừa gạt, Thuý Kiều bèn nhảy xuống sông Tiền đường tự tử. May, vãi Giác Duyên nhờ sư Tam Hợp báo trước nên vớt Thuý Kiều kịp thời và đem nàng về chùa.

Suốt thời gian Thuý Kiều lưu lạc, Kim Trọng không lúc nào không thương nhớ. Chàng đã cưới Thuý Vân theo lời dặn dò của Thuý Kiều nhưng luôn luôn dò la tin tức để tìm lại người yêu cũ. Cuối cùng, nghe tin Thuý Kiều nhảy xuống sông tự trầm, Kim Trọng đến đó để lập đàn cúng vái. Không ngờ lại gặp vãi Giác Duyên và nhờ vãi Giác Duyên cho hay, chàng biết Thuý Kiều còn sống. Hai người gặp lại nhau, mừng mừng tủi tủi.

Trong tiệc đoàn viên, ai cũng năn nỉ Thuý Kiều kết duyên cùng Kim Trọng nhưng nàng từ chối. Hai người coi nhau như bạn bè. Cuộc đời đoạn trường của Thuý Kiều chấm dứt từ đó.

7. Đọc bài sau đây và trình bày lại trước lớp về nhân vật Thuý Kiều.

THUÝ KIỀU

Về hình dáng, Kiều là một con người tài sắc. Cái đẹp của Thuý Kiều là cái đẹp sắc sảo, khác hẳn cái đẹp trang nhã của Thuý Vân, em nàng:

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Về tài năng, Kiều rất sành thơ và nhạc:

Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay tựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.



Bản chất Thuý Kiều là con người đa sầu, đa cảm, lại đa tình. Vừa thấy mộ Đạm Tiên, nghe em kể chuyện thì:

Thoát nghe Kiều đã đắm đắm châu sa

Khiến Thuý Vân phải trách:

Vân rằng: "Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!"

Về sau, tình đa tình của Kiều lại càng nổi rõ hơn. Vừa gặp Kim Trọng, Kiều đã tự hỏi:

Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không?

Để rồi một đêm nàng lên qua nhà Kim Trọng, nói lên một lời táo bạo.

Nàng rằng: "Khoảng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa".

Về mặt luân lý, Thuý Kiều là người con có hiếu, hành xử đúng với luân thường đạo lý (bán mình chuộc cha). Kiều còn là người chung thủy, nàng đã lo chu tất cho Kim Trọng, nhờ em thay thế mình mà kết duyên cùng Kim Trọng. Và suốt bao năm lưu lạc, Kiều không hề quên Kim Trọng.

Trong ngày tái hợp, Thuý Kiều lại xử sự cao thượng bằng cách đổi duyên cầm sắt ra nghĩa cầm kỳ. Đó cũng là lòng cao thượng không muốn trao tấm thân ô nhục cho người mình đã trao tình lúc xuân xanh.

8. Tham khảo bài bình luận sau đây và viết một lá thư ngắn giải thích cho một người bạn biết về giá trị *Truyện Kiều*.

GIÁ TRỊ TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều không những là tác phẩm hay nhất của Nguyễn Du mà còn là tác phẩm lớn nhất trong nền văn học cổ điển Việt Nam nói chung.

Truyện Kiều hay ở nội dung. Qua việc miêu tả cuộc đời đoạn trường, lênh đênh của Thuý Kiều, Nguyễn Du vẽ lại cả một xã hội đầy những oan khuất, trở trêu. Trong xã hội ấy, bao nhiêu người tài hoa bị vùi dập, bao nhiêu người trong trắng bị dày ải. Nhưng Nguyễn Du không phải là người bi quan. Dù trải qua vô vàn nghịch cảnh, Thuý Kiều vẫn là một người tốt, lúc nào cũng hiếu thảo với cha mẹ, chung thủy với người yêu. Hơn nữa, Nguyễn Du còn khắc họa nhân vật Từ Hải như một anh hùng dám đứng dậy chống lại bạo quyền. Ngòi bút của ông khi tả Từ Hải thật là sáng khoái.

Nhưng giá trị nổi bật của *Truyện Kiều* là ở khía cạnh nghệ thuật. Không có tác phẩm nào khác trong lịch sử văn học Việt Nam có thể sánh lại với *Truyện Kiều*. Ngôn ngữ của Nguyễn Du bao giờ cũng điêu luyện, thần tình. Câu chuyện được kết cấu một cách khéo léo, không có đoạn nào thừa. Nhịp điệu câu thơ lúc dồn dập, lúc khoan thai, lúc nồng cháy thiết tha, lúc ngậm ngùi sầu lắng song lúc nào cũng phù hợp với tâm trạng của nhân vật.

Nguyễn Du có tài tả cảnh. Với ông, cảnh bao giờ cũng là một phương tiện để bộc lộ tâm sự hoặc tính cách của nhân vật. Bởi vậy, đọc *Truyện Kiều*, có khi chỉ qua vài nét tả cảnh ngắn gọn, chúng ta hiểu ngay được những nỗi niềm gì đang xôn xao trong lòng nhân vật. Ví dụ, khi Thuý Kiều và Kim Trọng gặp nhau, "*ình trong như đã, mặt ngoài còn e*", phong cảnh bỗng như băng khuâng, vắng vưng:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Khi Kim Trọng tương tư Thuý Kiều, trở lại cảnh cũ thì cảnh lại có vẻ dừng đọng tình nghich:

*Một vùng cỏ mọc xanh rì
Nước ngâm trong vát thấy gì nữa đâu.*

Ngòi bút của Nguyễn Du không những tinh tế mà còn đa dạng và biến hóa vô cùng. Kiều bao nhiêu lần nhìn trăng nhưng cảnh trăng cứ mỗi lần một khác. Trong đêm Thanh Minh, ánh trăng đầy rạo rực; trong đêm Kiều và Kim Trọng hẹn hò với nhau, ánh trăng êm đềm, huyền ảo; trong đêm Kiều lìa nhà đi theo Mã Giám Sinh, ánh trăng hiu quạnh, xót xa; trong đêm ở lầu xanh, ánh trăng chán chường, lạnh ngắt v.v... Có thể nói phong cảnh trong *Truyện Kiều* muôn màu muôn vẻ. Có điều bao giờ nó cũng thấm đượm tình người: "*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*".



Tài tình hơn việc tả cảnh là lúc Nguyễn Du tả người. Ông không bao giờ rườm rà. Chỉ với vài nét chấm phá, vài câu miêu tả thật gọn, Nguyễn Du đã có thể vẽ ra ngay diện mạo và tính tình của một nhân vật. Mã Giám Sinh thì "*mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao*"; Tú Bà thì "*thoắt trông nhờn nhợt màu da*"; Sở Khanh thì "*hình dung chải chuốt*". Nhân vật nào cũng rất sống động. Sau này, rất nhiều tên nhân vật trong *Truyện Kiều* trở thành danh từ chung chỉ một hạng người hoặc một tính cách trong tiếng Việt, ví dụ Tú Bà chỉ những người làm chủ các lầu xanh; Mã Giám Sinh chỉ hạng ma cô vô lại; Sở Khanh chỉ hạng lưu manh chuyên lường gạt phụ nữ; Thúc Sinh chỉ người sợ vợ; Hoạn Thư chỉ những người phụ nữ hay ghen tuông v.v...

Không có nhân vật nào được Nguyễn Du mô tả kỹ lưỡng và đầy nâng niu như là Thuý Kiều. Bao nhiêu cảnh ngộ, bao nhiêu tâm tình của Thuý Kiều trong suốt 15 năm lưu lạc, kể từ khi băng khuâng gặp Kim Trọng đến khi nhục nhằn trong chốn lầu xanh và cuối cùng khi đoàn tụ với Kim Trọng được Kim Trọng đề nghị làm đám cưới đều được Nguyễn Du miêu tả một cách tinh tế. Đọc, chúng ta có cảm giác như Thuý Kiều là một con người thật. Chúng ta rạo rực với nàng, quay quắt nhớ thương với nàng, sôi sục căm giận với nàng.

Tổng hợp tất cả các phong cảnh, các nhân vật, các tình tiết trong *Truyện Kiều* lại, chúng ta có một thế giới phong phú, đa dạng như là chính cuộc đời thật. Nhiều người đã coi việc Nguyễn Du sáng tạo ra cái thế giới như thật ấy là tột đỉnh tài hoa Nguyễn Du. Từ 200 năm nay, người Việt Nam đã say mê *Truyện Kiều*, có người thuộc lòng cả 3.254 câu thơ trong *Truyện Kiều*. *Truyện Kiều* trở thành cảm hứng cho các nhà thơ,

[illegible]

9. Đặt câu để phân biệt các cặp từ sau đây:

9.1 ngồi và ngoài

Ví dụ: - Ngồi bút của Nguyễn Du hết sức điều luyện.

- Ngoài *Truyện Kiều*, Nguyễn Du còn có những bài thơ chữ Hán rất nổi tiếng.

- sông ngồi :

- ngoài đường :

9.2 ước và ướt

Ví dụ: - Trong đời sống, ai cũng có ước mơ hoặc lớn hoặc nhỏ.

- Thời tiết về mùa đông rất ẩm ướt.

- ao ước :

- ướt át :

9.3 dấu và giấu

Ví dụ: - Người ta đã tìm thấy dấu vết của chữ Nôm vào thế kỷ thứ 10.

- Người Pháp không che giấu được mưu đồ thôn tính Việt Nam.

- con dấu :

- giấu giếm :

9.4 than và thang

Ví dụ: - Việt Nam có mỏ than lộ thiên rất lớn ở tỉnh Quảng Ninh.

- Anh ấy đã đạt đến tột đỉnh của bậc thang danh vọng.

- than thở :

- lang thang :

10. Đọc và nhận xét dấu chấm hỏi trong đoạn văn sau đây:

"... Nàng nhicu đôi lông mày nhìn Tuất cúi rạp dưới chân nghĩ thầm: Người hay vật?

Rồi nàng quay lại nhìn Thân tự hỏi không biết trong óc Thân lúc đó có những cảm tưởng ra sao? Nàng tự hỏi không biết ái tình của Thân đối với người lạ mình nó sẽ là thứ ái tình gì?" (Nhất Linh, *Đoạn tuyệt*)

Nhận xét: - Sau câu hỏi, có dấu chấm hỏi (?).

- Khi đọc câu hỏi, đọc cao giọng ở cuối câu.

11. Đặt câu hỏi với các từ để hỏi sau đây:

11.1 gì thế? :

11.2 thế à? :

11.3 sao vậy? :

11.4 phải không? :

11.5 với ai? :

12. Đọc diễn cảm đoạn thơ sau đây:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Cỏ thơm lẫn giỏ trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.
Rằng: Năm Gia Tĩnh triều Minh
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai con thứ tốt lòng
Vương quan là chữ nối dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga
Thủy Kiều là chị, em là Thủy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.

(Truyện Kiều)



13. Từng nhóm 4 - 5 học sinh đọc tài liệu sau đây:

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Trong khoảng thời gian từ 1930 đến 1945, Tự Lực văn đoàn là một nhóm văn học mạnh nhất, quan trọng nhất và có nhiều đóng góp lớn lao nhất trong việc thúc đẩy quá trình phát triển của văn học Việt Nam.

Được thành lập năm 1933, Tự Lực văn đoàn bao gồm mấy thành viên chính: Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ), mấy năm sau, thêm Xuân Diệu (Ngô Xuân Diệu). Ngoài ra, Tự Lực văn đoàn còn được sự hợp tác chặt chẽ của nhiều họa sĩ nổi tiếng, tài năng lỗi lạc như Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Cát Tường.

Hoạt động của Tự Lực văn đoàn rất phong phú và đa dạng. Họ có cơ quan ngôn luận riêng: tuần báo Phong Hóa và tuần báo Ngày Nay. Họ lại có nhà xuất bản riêng: nhà xuất bản Đời Nay phần lớn in tác phẩm của những người trong nhóm. Họ còn có sáng kiến mở giải thưởng văn học để chọn lựa, giới thiệu và khuyến khích những tài năng mới. Những người được họ trao giải thưởng sau này đều nổi tiếng. Hơn nữa, họ còn thành lập Hội Ánh Sáng để cổ vũ cho những cải cách xã hội như đưa ra cách làm nhà mới vừa đẹp vừa bảo đảm vệ sinh, hồ hào mở trường học, lập sân vận động, tổ chức phát thuốc, giúp đỡ nông dân những lúc bị mất mùa, lụt lội.

Tôn chỉ của Tự Lực văn đoàn có thể được tóm tắt vào mấy điểm chính: thứ nhất, lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ; thứ hai, theo chủ nghĩa bình dân, không có tính cách trường giả quý phái; thứ ba, tôn trọng tự do cá nhân, làm cho người ta biết đạo Khổng không còn hợp thời nữa; thứ tư, đem phương pháp Tây phương ứng dụng vào văn học Việt Nam.

Dựa trên các tôn chỉ ấy, các nhà văn, nhà thơ trong nhóm Tự Lực văn đoàn đã sáng tác nhiều tác phẩm có ý nghĩa luận đề chống lại các hủ tục trong xã hội, đấu tranh cho sự giải phóng cá nhân, ca ngợi sự tự do và chân thực trong tình yêu cũng như hôn nhân, bênh vực quyền lợi của phụ nữ.

Những tư tưởng ấy được diễn tả một cách giàu sức thuyết phục. Truyện của họ nhẹ nhàng. Cách tả cảnh, tả người, tả tình cảm của họ rất đặc sắc và tinh tế. Thơ của Thế Lữ và Xuân Diệu, hai thành viên trong



rất gợi hình và gợi cảm.

nhóm, tràn đầy những cảm xúc tha thiết, sôi nổi. Nói chung, ngôn ngữ của họ, trong thơ cũng như trong văn xuôi, đều giản dị, trong sáng, dễ hiểu, rất gợi hình và gợi cảm.

Nhờ các hoạt động và tác phẩm của họ, nhóm Tự Lực văn đoàn gây được thanh thế lớn trong xã hội thời bấy giờ. Sách, báo của họ được đọc giả ái mộ, hoan nghênh nhiệt liệt. Vì thế, ảnh hưởng của họ càng ngày càng lan rộng. Về phương diện văn hóa, người ta tiếp nhận được các trào lưu tư tưởng của Tây phương một cách sâu sắc hơn. Về phương diện xã hội, người ta chú ý đến tự do của cá nhân hơn. Về phương diện văn học, dấu vết của lối văn biến ngẫu xưa cũ hoàn toàn bị loại bỏ, thế vào đó là một văn phong mới, hiện đại và đẹp đẽ hơn.

Có thể nói sự phát triển vượt bậc của văn học Việt Nam từ năm 1930 đến 1945 một phần lớn là do công sức của nhóm Tự Lực văn đoàn. Đó là lý do tại sao, đến nay, họ vẫn còn được nhắc nhở và kính phục.

14. Viết chính tả bài sau đây:

ĐỜI SỐNG DÂN QUÊ

Một buổi chiều về cuối năm, một buổi chiều êm như một giấc mộng, mấy cây thông ở đầu hiên nhà đứng lặng yên đợi gió.

Dũng và Độ, hai người thân thờ không nói, ngả đầu vào lưng ghế, ngấm khói thuốc lá từ từ lan ra ngoài nhà rồi tan vào quầng không. Trên bàn phủ vải trắng, có để một chai rượu mùi, hai cái cốc đầy rượu và một đĩa quả: sắc thủy tinh trong, pha với màu xanh, vàng, đỏ của trái cây, diễn ra một quang cảnh ấm áp.

Ngoài kia, ánh nắng vàng buổi chiều như tiếc ngày cuối cùng của một năm, còn lảng vảng trên các ngọn đồi, chòm cây lướt thướt trên những cánh đồng cỏ màu xanh già. Những thôn xóm rải rác dưới chân đồi hay bên bờ con sông trắng cong queo như bị đè nén dưới vẻ to tát của trời đất rộng rãi. Khói thổi cơm chiều ở một vài nhà gần như không có sức lên cao nữa, tỏa ra thành từng đám màu lam ôm lấy các mái tranh.

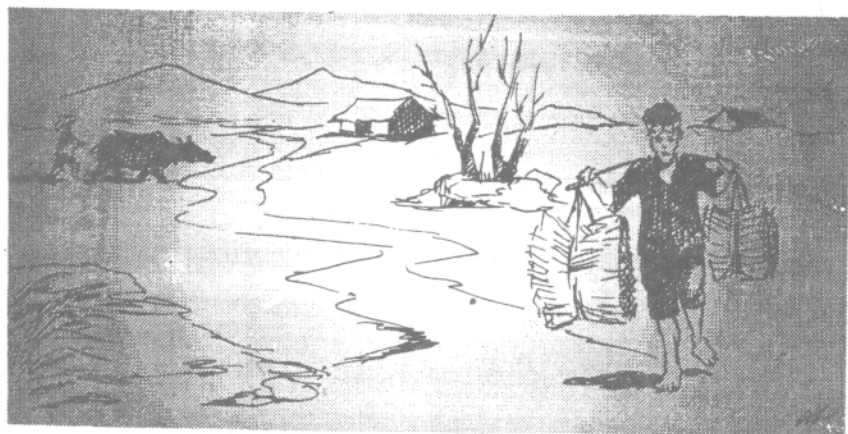
Tiếng người gọi nhau ở dưới đồng đưa lên khiến Dũng nghĩ đến cái đời của dân quê, cái đời lạnh lẽo, vô vị kéo dài đã mấy nghìn năm. Đã mấy nghìn năm họ sống như bám lấy mảnh đất già cỗi, xưa thế nào giờ vẫn thế, vui ít khổ nhiều, bao giờ cũng thâm đạm như buổi chiều đông này, không hề khao khát một cảnh đời sáng sủa hơn, mong ước một ngày mai tốt đẹp hơn ngày hôm nay.

Chiều hôm ấy, Dũng như cảm thấy tâm hồn của đất nước, mà biểu hiện cho đất nước ấy không phải là những bậc vua chúa danh nhân, chính là đám dân hèn không

tên không tuổi. Dân là nước. Yêu nước chính là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân.

Quanh năm xuôi ngược, dừng chân lại ít ngày ở đồn điền một người bạn thân, ngồi nhàn nhả uống cốc rượu tiễn năm trong một tòa nhà gạch sang trọng, Dũng vẫn thấy mình là một người dân nghèo và càng cảm thấy cái thú man mác được hòa với đám dân không tên không tuổi, sống cái đời họ sống, mong ước như họ mong ước, khác nào một cây cỏ lẫn vào trong muôn nghìn cây cỏ ngoài nội.

Nhất Linh (Đoạn Tuyệt)



15. Viết lại những câu tả cảnh trong bài văn trên.

15.1

15.2

15.3

15.4

15.5

16. Trả lời các câu hỏi sau đây:

16.1 Cho biết đại ý bài "Đời sống dân quê".

.....

.....

.....

16.2 Bài này có thể chia ra làm mấy đoạn? Cho biết ý chính của từng đoạn.

.....

.....

.....

16.3 Đối với Dũng, đời sống người dân quê như thế nào?

.....

16.4 Theo Dũng, thế nào là yêu nước?

.....

17. Đọc và thảo luận về cốt truyện Đoạn Tuyệt của Nhất Linh theo bản tóm lược sau đây:

NHẤT LINH VÀ ĐOẠN TUYỆT

TIỂU SỬ NHẤT LINH:

Nhất Linh tên thật là Nguyễn Tường Tam (1905-1963), quê làng Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, đậu Cử nhân Khoa học năm 1930. Tác phẩm của ông gồm nhiều loại: tiểu thuyết lý tưởng (*Nhơ phong*, *Người quay tơ*), tiểu thuyết luận đề (*Đoạn tuyệt*, *Lạnh lùng*, *Đôi bạn*) và tiểu thuyết tâm lý (*Bướm trắng*, *Nắng thu*, *Giòng sông Thanh Thủy*). Ngoài ra ông còn có một số truyện viết chung với Khái Hưng: *Gánh hàng hoa*, *Anh phải sống*, *Đời mưa gió*.

Nhất Linh là người sáng lập nhóm Tự Lực văn đoàn. Ông chủ trương tạp chí *Phong Hóa* và *Ngày Nay*. Ngày 7 tháng 7 năm 1963, ông tự tử tại Sài Gòn để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm.



NHẤT-LINH
TRONG TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

LƯỢC TRUYỆN ĐOẠN TUYỆT:

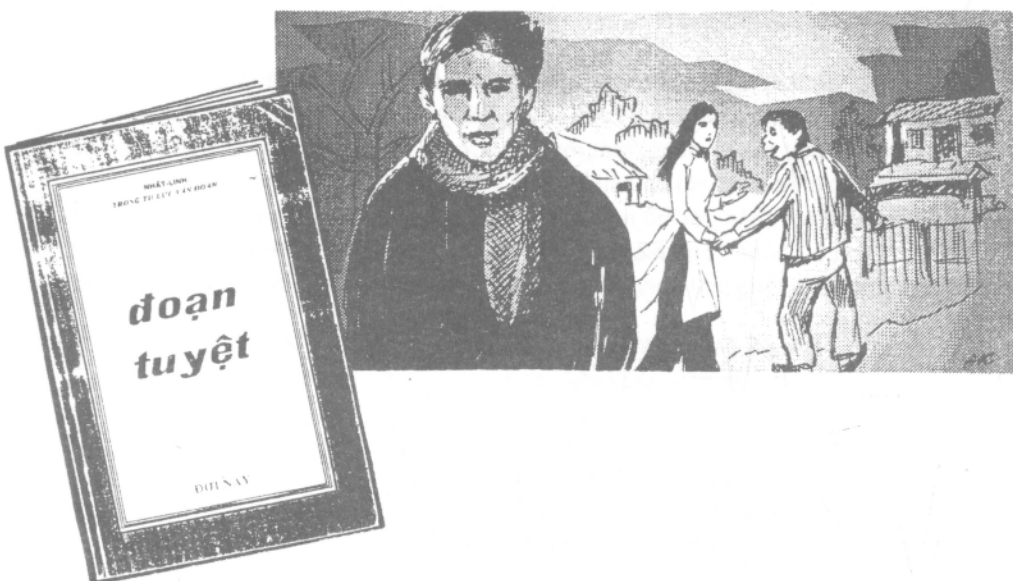
Loan là một thiếu nữ theo tân học. Nàng yêu Dũng, một thanh niên cũng theo tân học, bạn học của nàng. Dũng bị cha từ vì bỏ học theo cách mạng.

Tuy yêu Loan, nhưng khi biết gia đình Loan đã hứa gả nàng cho Thân (con bà Phán Lợi), Dũng bèn tỏ vẻ lạnh lùng với Loan để nàng yên lòng lấy Thân.

Vì thương mẹ, Loan thuận lấy Thân. Sống trong chế độ đại gia đình cổ hủ của nhà chồng, Loan cảm thấy bức tức, khó thở. Nàng luôn xung đột với mẹ và em chồng. Rồi nàng sinh con và, do việc sinh nở này, nàng bị tuyệt đường sinh đẻ. Con nàng chết sau đó vì sự mê tín của gia đình nhà chồng. Từ đó cuộc xung đột giữa Loan và gia đình Thân càng thêm trầm trọng, nhất là từ khi Thân lấy Tuất làm vợ bé.

Một buổi tối, chỉ vì Loan không nghe lời chồng tắt đèn đi ngủ, hai vợ chồng cãi nhau. Thân tức giận bẻ cái lư đồng đánh Loan. Loan cầm con dao rọc giấy đưa lên đỡ, Thân trượt chân ngã lên người Loan, bị con dao đâm trúng tim chết.

Loan bị đưa ra tòa vì tội giết chồng. Nhờ tài biện hộ của luật sư, nàng được trắng án. Từ đó nàng bị những người chung quanh ghê sợ và xa lánh khiến vấn đề sinh kế của nàng cũng gặp khó khăn. Một hôm nàng tới nhà vợ chồng giáo Lâm chơi, được vợ Lâm (Thảo) đưa cho nàng xem bức thư của Dũng ngờ ý muốn chấp nối tơ duyên với nàng. Loan sung sướng băng mình về nhà, bất kể ngoài trời đang nổi cơn mưa gió.



18. Từng học sinh đọc và tóm tắt bài sau đây:

Một bài thơ hay ở đoạn nào?

Theo phép làm thơ cổ điển, hai câu đầu là khó nhất. Cái khó nhất là phải khai thông được tứ thơ, lập được thể cho bài thơ bay bổng lên. Chức năng của hai câu đầu là mở ra khung cảnh, gợi ra vấn đề, tạo nên không khí. Bốn câu giữa mới đi vào chi tiết. Chính ở bốn câu giữa, người ta thường gặp những hình ảnh lộng lẫy hay mơ màng đẹp, những ý tưởng sâu sắc hay những nỗi niềm xôn xao có sức vang động lớn. Trong thơ Đường luật, bốn câu giữa được chia thành hai cặp gọi là "thực" và "luận"; mỗi cặp gồm hai câu và hai câu ấy phải đối nhau về từ loại, thanh điệu, ý nghĩa. Do yêu cầu về đối khe khắt như thế, phần nhiều trong hai cặp "thực" và "luận", câu trên thường hay hơn câu dưới. Câu dưới, vì lệ thuộc vào câu trên, "xuất đối dị, đối đối nan", do đó, dễ bị ngưng ngập và khiên cưỡng.

Hai câu thơ nổi tiếng của Quách Tấn:

*Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nước nước
Tóc thế mây núi bạc phơ phơ.*

Hai câu thơ này được Chế Lan Viên, thời tiền chiến, khen ngợi nồng nhiệt là "những câu đẹp nhất trong những câu thơ đẹp nhất mà văn chương Việt Nam có thể có". Thế nhưng, đọc lại mà xem, câu thứ hai vẫn có cái gì yếu hơn câu thứ nhất. Câu thứ nhất với "lụy nhớ mưa ngàn" chứa đựng nỗi nhớ nhưng mệnh mang tỏa lan trong trời đất. Ở câu thơ thứ hai, ngược lại, "tóc thế mây núi" chỉ là một sáo ngữ. Và lại, "tóc thế" làm sao đi đôi được với "bạc phơ phơ"?

Trong thể thất ngôn hoặc ngũ ngôn bát cú, vị trí của hai câu kết cực kỳ quan trọng. Nó có nhiệm vụ phải cô đúc lại những tình ý bằng bạc ở trên đồng thời phải mở ra một cái gì thật mệnh mang, thật rộng rãi. Có thể ví hai câu kết với cửa sông, nơi sông dài gặp biển rộng. Nó có sau lưng cả một nguồn lưu lượng nước lớn lao. Và nó có trước mặt một chân trời mở ra vô tận. Câu kết quyết định bài thơ mở ra hay chìm xuống. Thơ Lê Thánh Tông ít âm vang vì câu kết thường kém. Thơ Nguyễn Khuyến ngân nga và sâu lắng mãi trong lòng người đọc chủ yếu nhờ những câu kết đặc sắc:

*...Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

(Thu điếu)

*... Xem hoa ta chỉ xem bằng mũi
Đếch thấy mùi hương, một tiếng khà.*

(Tặng lại người cho hoa trà)

... Có tiền việc ấy mà xong nhỉ
Đời trước làm quan cũng thế a?
(Kiểu bán mình)

Thơ tuyệt cú lại khác. Ở đây chỉ có bốn câu. Hai hoặc ba câu đầu thường đóng vai trò gợi chuyện, đẩy đưa, dẫn dắt. Một hay hai câu cuối hầu như tập trung toàn bộ nội dung bài thơ. Nó cuu mang trọn vẹn tâm sự của tác giả. Nó mở ra, càng bất ngờ càng hay, càng rộng rãi càng tốt, một tâm cảnh bát ngát chất thơ.

Bài thơ nổi tiếng của Lý Bạch dưới đây là ví dụ:

Sàng tiền minh nguyệt quang
Ngô thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương.

(Trước giường trăng mênh mang
Ngõ đất đầy hơi sương
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương.)

Người đọc có lý khi từ trước đến nay phần đông chỉ nhớ hai câu cuối. Không phải vì hai câu đầu không hay. Mà chỉ vì hai câu đầu chỉ đóng vai trò mối lái. Toàn bộ sức nặng của bài thơ đều oằn hết xuống dưới. Bài thơ chỉ thực sự mở ra từ hành động "ngẩng đầu nhìn trăng sáng" và nỗi niềm "cúi đầu nhớ cố hương". Ánh trăng đầu giường, sương rơi mờ mặt đất chỉ là những tiền đề chuẩn bị cho cái tâm thế ngẩn ngơ nhớ nhà xuất hiện, đứng vững. Chỉ giữ lại hai câu đầu: bài thơ còn dở dang, chả có gì đặc sắc.

Chúng ta có thể dẫn ra hàng trăm, hàng ngàn bài thơ tuyệt cú có lối cấu tứ tương tự như vậy. Điều đáng nói thêm là, bất chước lối cấu tứ ấy, nhiều nhà thơ đã làm và đã thành công nhiều bài thơ ngắn với câu cuối cùng gợi mở bất ngờ rồi dứt tắt lửng lơ nhưng âm hưởng cứ vang vọng mãi, lênh đênh mãi, như tiếng trống ngày nào trong *Chinh phụ ngâm* cứ làm lay động mãi vắng trăng chơi vơi trên bờ thành cũ.

Bài thơ *Sông lấp* của Trần Tế Xương là một trong khá nhiều bài thơ mang dáng dấp tuyệt cú trong lối cấu tứ như thế:



*Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà của chỗ trống ngõ khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò.*

Ba câu đầu không có gì đặc sắc. Thế nhưng đến câu cuối thì mọi sự đổi khác hẳn. Cánh đồng dường như biến mất. Nhà cửa và ngõ khoai cũng dường như biến mất. Còn lại buồn tênh những tiếng ếch kêu. Rồi ngay cả tiếng ếch kêu cũng biến mất. Còn lại, chỉ còn lại ngân nga man mác trong tâm hồn nhà thơ những tiếng gọi dò năm xưa. Chao ôi, những tiếng gọi dò. Tiếng gọi dò vang vang trong tâm tưởng. Tiếng gọi dò vang vang trong đêm khuya. Tiếng gọi dò vang vang lạnh buốt một vùng Nam Định đang trở mình thay đổi. Tiếng gọi dò cứ chơi vơi, cứ khắc khoải, cứ lóng lộng ngân dội suốt mấy chục năm trời, trải qua bao nhiêu cuộc biến đầu, đọng lại trong chúng ta thành những niềm nhớ không khuấy về những gì đã vĩnh viễn không còn nữa, trong cuộc đời này.

Thời 1932-1945, nhiều nhà thơ trong phong trào Thơ Mới đã học được bài học của thơ tuyệt cú, cố dồn tâm lực tạo thành những câu cuối đầy âm lượng. Người có ý thức hơn hết trong khía cạnh này, theo tôi, là Xuân Diệu. Không có bài thơ nào của Xuân Diệu thuở ấy được kết thúc một cách vội vã hay cầu thả. Qua tập *Thơ thơ* hay *Gửi hương cho gió*, tôi nhận thấy Xuân Diệu thường sử dụng một trong hai lối kết:

Một là tóm tắt những tình, ý đã được trình bày ở trên, cường điệu thêm một chút, tô đậm thêm một chút, tạo thành những câu thơ mạnh và sắc, có vẻ như chấm ngôn:

*Thấy kẻ thiên đường và địa ngục
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*
(Tinh trai)

Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá,
Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì.
(Vĩ sao)

Bài *Vội vàng* mở đầu bằng một tâm trạng quẩn quýt yêu thương cuộc đời:

*Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.*

Câu kết lặp lại cái ý ấy nhưng nhân lên rất nhiều, thành nỗi nản vô hạn:

Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

Bài *Chiều* mở đầu bằng hai câu đầu dụ:

*Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.*

Câu kết nhắc lại nỗi buồn ấy sau khi thêm vào một chút màu sắc ngẩn ngơ:

*Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều
Lòng không sao cả hiu hiu khê buồn.*

Lối kết thúc thứ hai là khắc hoạ một hình ảnh nào đó thật tiêu biểu cho linh hồn cảnh vật mà bài thơ muốn dựng.

Kết thúc bài *Thu* là hai câu:

*Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.*



Người ta có thể quên bài thơ, quên cả những câu thơ hay nhất trong bài, quên những *nắng nhỏ bằng khuôn chiều lờ lờ*, quên *những cánh biếc run run chân ý nhị*, quên *những hây hây thực nữ mắt như thuyền*, nhưng cái sắc vàng chói chang, rực rỡ của những cánh cúc nọ thì vẫn còn đọng lại mãi, đậm nét mãi. Chính màu vàng của hoa cúc chứ không phải nét đẹp nào khác ở trên tác tượng mùa thu trong tâm tư người đọc.

Bài *Đầy mùa thu* tới kết thúc một cách khác, hết sức lững lờ mà cũng hết sức gợi cảm:

*Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.*

Bài *Buồn trắng* có hai câu cuối được nhiều người nhớ và thích:

*Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ
Hoa buổi thơm rồi: đêm đã khuya.*

Dĩ nhiên không phải lúc nào người ta cũng có thể tìm được những câu cuối tuyệt vời như thế. Song, dù vậy, câu cuối bao giờ cũng là một thử thách lớn đối với mọi người làm thơ. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà thơ lớn đều đồng ý với nhau là phần cuối của bài thơ là phần vất vả nhất và cũng khó thành công nhất. Đứng về phương diện cấu trúc, phần cuối là phần quan trọng hơn hết trong việc quyết định sức ngân của bài thơ. Trường hợp đoạn trên hay, mấy câu cuối bình thường, người ta chỉ

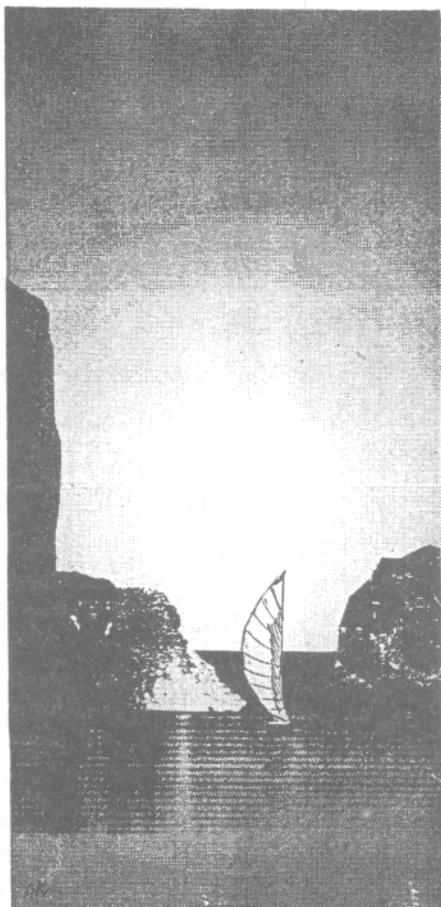
nhớ mấy câu hay ấy và quên bằng phần còn lại. Trường hợp mấy câu trên bình thường nhưng mấy câu cuối hay, bài thơ có nhiều triển vọng được ghi nhớ hơn. Có thể nói, trong chừng mực nào đó, đoạn cuối có thể "cứu" đoạn trên, nhưng đoạn trên lại không có khả năng "cứu" được đoạn dưới.

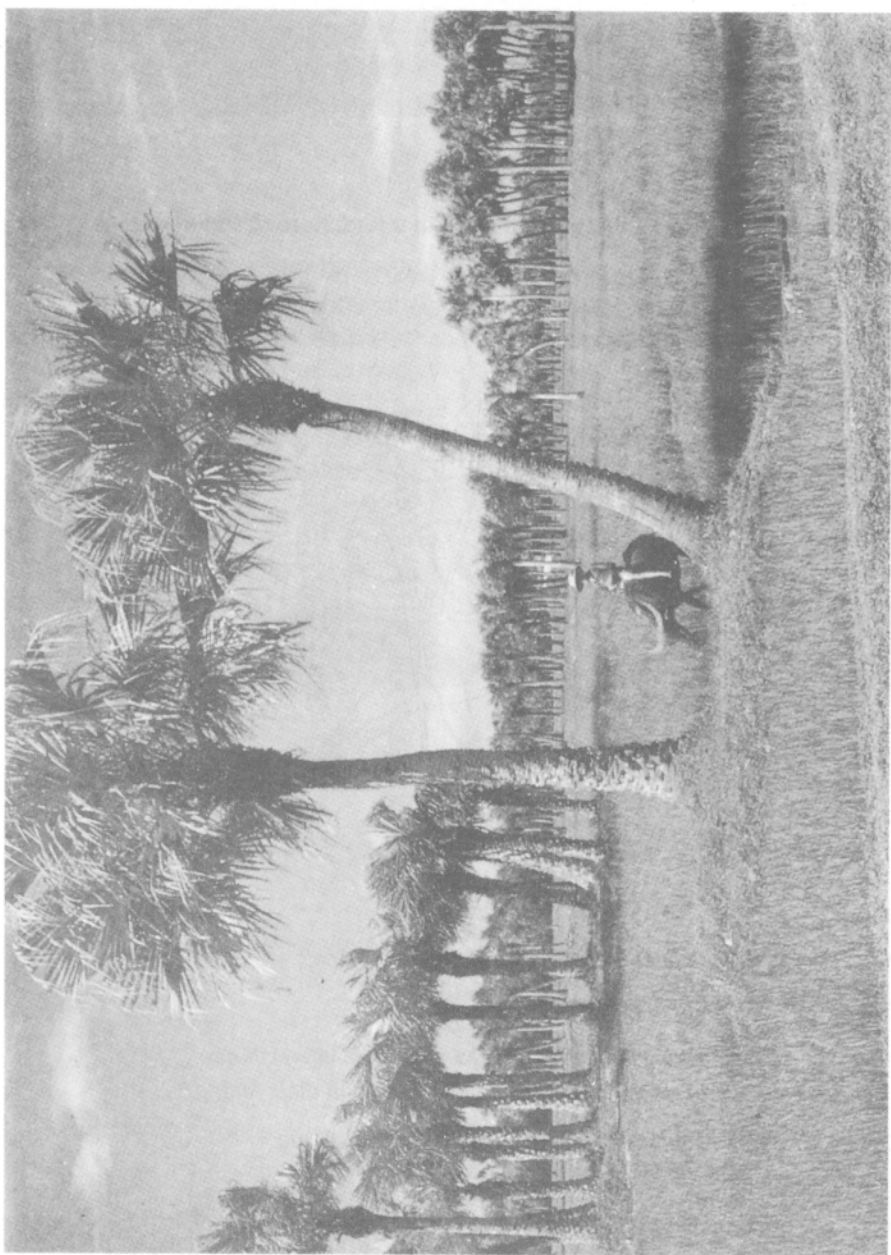
Nguyễn Ngọc Tuấn

19. Phê bình bài thơ sau đây của Tản Đà:

THỂ NON NƯỚC

Nước non nặng một lời thề
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời "nguyện nước thể non"
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông
Suối khó dòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời Tây ngã bóng tà dương
Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn
Con non, còn nước, hãy còn thể xưa.
Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt non thì cử vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non, nước nước không nguôi lời thề.





• Đồng quê Thanh Hoá

1. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Nam và David. Nam rủ David đến giúp Trung dọn nhà.



- Nam : David, cuối tuần này David có rảnh không?
- David : Có việc gì không Nam?
- Nam : Nếu David không làm gì, David cùng đi với mình đến trung tâm tiếp cư giúp bạn mình dọn nhà được không?
- David : Bạn Nam vừa mới đến Úc hả? Và bạn ấy muốn dọn đi đâu vậy?
- Nam : Bạn mình tên là Trung. Mình quen Trung hồi ở Việt Nam. Hai đứa học chung một lớp. Trung đến Úc cách đây ba tháng, không có thân nhân. Mình muốn Trung đến ở với mình cho vui.
- David : Nhà Nam có rộng không?

- Nam : Nhà mình chỉ có ba phòng. Mình có riêng một phòng, do đó Trung sẽ ở chung phòng với mình.
- David : Trung chịu chưa?
- Nam : Mình đã nói với Trung về ba mẹ mình rồi. Hoàn cảnh Trung thật tội nghiệp, mình thấy cần giúp đỡ Trung trong lúc này.
- David : Trung mới đến, chắc anh ấy còn thiếu nhiều thứ? Nam thấy Trung mặc quần áo mình có vừa không? Mình có thể tặng Trung một ít áo quần.
- Nam : Hay lắm! David có gì cứ mang đến cho Trung. Chiều nay mình cùng David đến Smith Family xin cho Trung một cái bàn học và một cái ghế. Còn giường thì ở nhà mình có rồi.
- David : Nam có xe không?
- Nam : Mình mượn xe của ba mình. Ba mình có chiếc xe "van" chở được bàn ghế.
- David : Thế thì chiều nay mình đi nhé.
- Nam : Vâng, mình sắp xếp phòng xong xuôi, cuối tuần mình đón Trung về nhà là vừa.
- David : Bây giờ mình về nhà, hẹn 2 giờ chiều nay.
- Nam : Cảm ơn David.

**2. Đặt câu hỏi với nhóm từ "... có ... không?" (Dùng động từ hoặc tính từ đặt ở giữa).
Xem ví dụ trước khi làm.**

- Ví dụ: - Trung có vui vẻ không? (vui vẻ: tính từ)
- Cuối tuần này, bạn có làm gì không? (làm: động từ)

- 2.1 quen biết :
- 2.2 học chung :
- 2.3 giúp đỡ :
- 2.4 sung sướng:
- 2.5 yên ổn :

3. Viết chính tả bài sau đây:

BẠN BÈ

Bạn bè là những người hoặc quen biết nhau từ nhỏ, hoặc học cùng lớp, làm cùng nghề, sinh hoạt chung trong một tổ chức. Những người được coi là bạn bè với nhau thường tỏ ra tâm đầu ý hợp trong việc làm hoặc trong chuyện trò.

Tình nghĩa bạn bè quan trọng nhất là giúp đỡ nhau. Có hai cách giúp đỡ: một là khuyên bảo, an ủi nhau; hai là trợ giúp nhau bằng vật chất hoặc bằng hành động những khi gặp hoạn nạn, khó khăn. Làm được hai điều ấy mới gọi là bạn bè thân.

Trong đám bạn thân, có những người chúng ta đặc biệt tâm đắc, có gì cũng bàn bạc, cũng san sẻ cho nhau, lúc nào cũng yêu thương và quý trọng nhau, không phân biệt giàu nghèo hay sang hèn. Những người ấy được gọi là bạn tri kỷ.

Trong văn học dân gian Việt Nam ngày xưa có nhiều truyện ca ngợi tình bạn. Nổi tiếng nhất là truyện *Lưu Bình Dương Lễ*. Để giúp bạn, Dương Lễ nhờ vợ lẽ của mình nuôi nấng, chăm sóc cho Lưu Bình ăn học đến lúc đỗ đạt, thành tài. Dương Lễ đúng là một người bạn tri kỷ của Lưu Bình.

Việc chọn bạn có nhiều ảnh hưởng lớn lao trong đời sống chúng ta. Tục ngữ Việt Nam có câu: *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*. Chơi với bạn tốt, ngoan ngoãn, chăm học chúng ta cũng dễ trở nên tốt, ngoan ngoãn và chăm học. Chơi với bạn lười biếng, hoang đàng, chúng ta rất dễ bị lây nhiễm những tật xấu của bạn. Vì vậy, người xưa thường khuyên: nên cẩn thận khi kết bạn.



4. Phân biệt động từ "trở thành" và "trở nên". Cả hai đều biểu thị sự thay đổi phẩm chất, trạng thái của người hay sự vật. Nhưng sau động từ "trở thành" thường là danh từ và sau động từ "trở nên" thường là tính từ. Đặt một số câu với hai động từ này. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: - Bạn bè có thể nâng đỡ nhau để trở thành người tốt.
- Trung sẽ trở nên tốt hơn nếu có người giúp anh.

4.1 trở thành :

4.2 trở nên :

4.3 trở thành :

4.4 trở nên :

5. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

5.1 *to get along* :

5.2 *to advise* :

5.3 *adversity* :

5.4 *bosom friend* :

5.5 *to console* :

5.6 *close friend* :

5.7 *to extol* :

5.8 *to make friends* :

5.9 *bad habits* :

5.10 *to share* :

5.11 *to contract* :

5.12 *to discuss* :

5.13 *diligent* :

an ủi

bạn tri kỷ

lây nhiễm

tâm đầu ý hợp

ca ngợi

kết bạn

hoạn nạn

khuyến bảo

san sẻ

bàn bạc

bạn thân

chăm học

tật xấu

6. Đọc và tóm tắt lá thư sau đây:

Vinh Xuân, ngày ... tháng ... năm ...

Hữu thân mến,

Tôi phân vân lâu lắm mới viết lá thư này cho Hữu. Không viết lòng thấy bứt rứt. Viết thì lại ngại Hữu hiểu lầm. Nhưng tình bạn của chúng ta đã quá lâu và quá sâu đậm, tôi không thể dừng đứng nhìn Hữu vấp phải những sai lầm tai hại. Do đó, tôi quyết định viết thư này để nhắc nhở là Hữu đang lẫn xuống một con đường dốc mà cũng là vực thẳm, Hữu ạ!

Đời thoith tha làm cho Hữu chán, tôi và tất cả bạn bè không ai chối cãi điều đó. Nhưng chán đời rồi đắm đầu vào vũng bùn trụy lạc là một hành động vô cùng dại dột. Dùng ăn chơi để chữa bệnh chán đời có khác nào Hữu lấy "aspirin" mà trị nhức răng. Nhức răng uống một viên "aspirin" vào, thấy công hiệu ngay. Nhưng còn thuốc còn đỡ đau; chất thuốc hết, cái đau nhức cũ vẫn còn y nguyên đó và không chừng còn tăng thêm phần thấm thía nữa là khác.

Chuyện ăn chơi cũng vậy. Đắm đầu vào ăn chơi để tìm vui, cũng có ít nhiều vui thật nhưng khi canh tàn rượu tỉnh, một mình đối diện với chính mình, Hữu sẽ thấy cái buồn chán tạm ẩn trốn dưới đáy lòng từ từ hiện lên, thâm trầm khắc nghiệt hơn trước rất nhiều. Bởi vậy, càng chơi càng thấy buồn, càng buồn càng liêu lĩnh bạt mạng. Những tay trụy lạc bao giờ cũng uống tới cận cốc rượu phóng đảng để rồi một ngày kia nằm một mình trên giường bệnh, ngẫm nghĩ hối tiếc đã hoang phí tuổi trẻ, đã chính tay mình làm tàn lụi cuộc đời mình. Đau buồn, hối tiếc, nhưng bấy giờ đã trễ mất rồi.

Chưa xót nặng nề hơn là những lúc ấy, nhìn ra chung quanh mình lại thấy tha thiết thêm muốn cuộc sống rực rỡ của bao nhiêu thanh niên khác, tuy nghèo nàn hèn kém hơn mình nhưng đã can củ xây dựng được một cái gì cho bản thân, cho dân tộc. Có bao giờ Hữu nghĩ đến cái ngày đáng sợ ấy chưa? Nếu chưa thì hôm nay Hữu nên nghĩ đến là vừa. Nghĩ đến để rồi Hữu sẽ thấy ngợp như đang đứng kề bên bờ vực thẳm, chỉ cần thêm một bước nữa là tan xương nát thịt. Nghĩ đến để trở lại kéo không còn kịp nữa...

Thật ra, tôi không có ý định dạy bảo Hữu những điều luân lý thông thường. Vì tình bạn, thấy Hữu đang dần bước vào sự sa ngã đáng tiếc, tôi có đôi lời khuyên nhủ để sau này Hữu không trách là tôi vô tâm...

Bạn của Hữu

NGỌC

(Theo Phạm Thái,
Năm chàng thanh niên)

7. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong các câu cho hợp nghĩa: vốn liếng, tội nghiệp, vinh dự, giới thiệu, tương đắc, vênh váo, tư lự, trường hợp, gián đoạn, sinh nhai.

- 7.1 Anh Lâm được đại diện trường đi dự thi giải Việt văn toàn quốc.
 7.2 Lúc mới ra buôn bán, của mẹ tôi chỉ có 5 triệu đồng.
 7.3 Trước khi vào tiệc, chủ nhân từng người khách cho cả bàn tiệc.
 7.4 Thật cho em bé còn nhỏ mà phải chịu cảnh mồ côi.
 7.5 Vừa mới khá giả một chút thì anh Tân đã coi mọi người không ra gì.
 7.6 Hai người bạn lâu ngày gặp nhau chuyện trò rất
 7.7 Trong đó, ai cũng phải hành động như vậy.
 7.8 Sau khi đi họp về, ba tôi ngồi trong phòng khách với vẻ mặt rất
 7.9 Mỗi người đều phải có nghề nghiệp để làm
 7.10 Trước đây, vì hoàn cảnh vượt biên, việc học của em ấy bị

8. Từng nhóm 3 - 4 học sinh lần lượt đọc diễn cảm bài thơ sau đây:

KHÓC BẠN

Bác Dương (1) thôi đã thôi rồi
 Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
 Nhờ từ thuở đăng khoa (2) ngày trước
 Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.
 Kinh yêu từ trước đến sau
 Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời.
 Cũng có lúc chơi nơi dặm khách
 Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo.
 Có khi từng gác cheo leo
 Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang (3).
 Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp
 Chén quỳnh tương (4) ẩm áp bầu xuân.
 Có khi bàn soạn câu văn
 Biết bao đông bích, điển phần (5) trước sau.
 Buổi dương cửu (6) cùng nhau hoạn nạn
 Miếng đấu thắng (7) chẳng dám tham trời.



Tôi già, bác cũng già rồi
 Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là.
 Muốn đi lại tuổi già thêm nhác (8)
 Trước ba năm gặp bác một lần.
 Cầm tay hỏi hết xa gần
 Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can (9).
 Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác
 Tôi lại đau trước bác mấy ngày.
 Làm sao bác vội về (10) ngay
 Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
 Ai chẳng biết chán đời là phải
 Vội vàng sao đã mãi lên tiên.
 Rượu ngon không có bạn hiền
 Không mua không phải không tiền không mua.
 Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
 Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
 Giường kia treo (11) những hững hờ
 Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn (12).
 Bác chẳng ở, dẫu van chẳng ở
 Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương.
 Tuổi già, hạt lệ như sương
 Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan?

NGUYỄN KHUYẾN



Chú thích:

1. *Bác Dương*: tức là Dương Khuê (1853-1902), người làng Văn Đình, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, bạn thân của Nguyễn Khuyến. Ông đỗ thi hương cùng khoa với Nguyễn Khuyến năm 1864, đỗ tiến sĩ năm 1902, rồi làm quan đến chức tổng đốc. Ông cũng là một nhà thơ có tên tuổi cuối thế kỷ XIX.
2. *đăng khoa*: đi thi đỗ.
3. *cầm xoang*: cung đàn và điệu hát.
4. *quỳnh tương*: rượu ngon. Câu này ý nói: rót đầy chén rượu ngon, cùng uống với nhau.
5. *đồng bích*: do câu "Đồng bích đồ thư, tây viên hàn mặc", nghĩa là: Vách bên đồng thì để sách vở, vườn bên tây thì để bút mực. Chỉ nơi để sách và chỗ ngồi đọc sách. *Diễn phần*: tức tam phần ngũ điển, chỉ sách vở xưa. Cả câu có nghĩa là: Khi bàn soạn câu văn thì có nhiều sách vở xưa để tra cứu.
6. *buổi dương cưu*: lúc loạn lạc.
7. *dấu trắng*: cái dấu, cái trắng, đơn vị đo lường thời xưa, chỉ lương bổng của quan lại. Câu này ý nói: làm quan là có bổng lộc, nhưng không dám quá tham bổng lộc.
8. *nhác*: lười biếng
9. *chưa can*: chưa hề gì, còn khỏe mạnh.

10. *vết*: ở đây có nghĩa là chết.
11. *giường treo*: Xưa Trần Phồn, người đời hậu Hán, có một người bạn rất thân là Từ Trĩ. Phồn dành cho bạn một cái giường để bạn ngồi, lúc bạn về thì treo giường lên, không để người khác ngồi.
12. Câu này nhắc lại chuyện Bá Nha và Chung Tử Kỳ là hai người bạn thân, một người chơi đàn và một người hiểu sâu sắc tiếng đàn của người kia. Khi Tử Kỳ mất, Bá Nha cho rằng không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nên không chơi nữa.

9. Đọc lớn bài sau đây. Chú trọng đến dấu chấm câu.

NHỮNG NGƯỜI BẠN MỚI

Lần đầu tiên tôi xa quê hương cũng là lần đầu tiên tôi đến nước Úc. Những ngày đầu đầy xao xuyến trên đất nước mới lạ dần dần lắng đọng, nhường chỗ cho nỗi nhớ nhà mênh mông.

Tôi cư ngụ ở ngôi nhà quốc tế. Ở đây tôi gặp rất nhiều sinh viên từ các quốc gia khác đến Úc du học, nhất là các quốc gia trong vùng Đông Nam Á. Những sinh viên này thường hỏi tôi nhiều về chiến tranh Việt Nam. Họ cũng thường trình bày những đặc điểm của dân tộc, đất nước họ. Thật khó mà nói hết trong một vài buổi gặp gỡ ngắn ngủi cho những người bạn mới quen này biết nỗi bất hạnh mà dân tộc Việt Nam đã và đang phải chịu đựng vì cuộc chiến lâu dài và khốc liệt đó. Tuy nhiên tôi cũng đã có cơ hội nói cho họ hiểu về con người và đất nước Việt Nam.

Vị giám đốc ngôi nhà quốc tế này là một người Úc gốc Pháp. Ông đến Úc đã lâu và điều hành trung tâm nội trú này trên mười năm. Vì vậy ông hiểu biết tâm tư, nguyện vọng và đặc tính của các sinh viên từ các quốc gia khác đến. Một trong những cố gắng của ông là sắp xếp cho các sinh viên tiếp xúc và làm quen với các gia đình người Úc. Cơ hội này giúp tôi hiểu và học hỏi về người Úc, xã hội Úc qua thực tế chứ không phải chỉ bằng báo chí và sách vở.

Vào trưa ngày 25 tháng Chạp dương lịch, tôi được một gia đình người Úc mời về nhà chơi và dự bữa tiệc Giáng Sinh. Tôi được biết trước gia đình Bancroft ở St. Ives, cách thành phố Sydney không xa, sẽ đến đón tôi tại nơi tôi cư ngụ. Giờ giấc của người Úc cũng đã làm tôi ngạc nhiên. Đúng 12 giờ như đã hẹn, ông Bancroft cùng cô con gái đậu xe ngay trước cổng nhà. Sự chào hỏi niềm nở trong lần gặp gỡ đầu tiên đã thể hiện lòng hiếu khách của gia đình Bancroft.

Trên đường về nhà, ông Bancroft và tôi đã trao đổi một vài câu chuyện xã giao ban đầu. Ông kể là đã đến Việt Nam làm việc một thời gian ngắn ở Đà Nẵng và Vũng Tàu cho một công ty cấp nước. Ông bảo ông thích thức ăn Việt Nam, nhất là món chả giò.

Bữa tiệc thật là trang trọng. Mở đầu là phần trao quà Giáng Sinh cho khách, rồi cho những người trong gia đình đang quây quần bên cây Giáng Sinh. Sau đó mọi người cùng thưởng thức những món ăn Giáng Sinh cổ truyền của người Anh. Ai cũng có một quả pháo cắm lên cùng kéo với người khác, xong lòi tấm giấy màu đã được xếp tròn thành hình cái mũ, bóc ra những tấm giấy có những câu đố vui.

Trong bữa tiệc, ông bà Bancroft hỏi thăm tôi về gia đình, về công ăn việc làm ở quê nhà và về tình hình chiến tranh Việt Nam lúc bấy giờ. Rồi bà Bancroft tâm sự về chuyện gia đình bà:



- Vợ chồng tôi có cả thấy ba người con. Đứa con trai đầu đã có gia đình và đang hành nghề luật sư. Đứa thứ hai là chuyên viên địa chất. Đứa thứ ba đang theo học Cao học năm cuối ngành tâm lý. Sau nhiều năm làm lụng khó nhọc, đến nay nói là giàu thì chúng tôi không bằng nhiều người khác, nhưng chúng tôi cảm thấy mãn nguyện vì con cái học hành đến nơi đến chốn. Với kiến thức và sự khôn ngoan học hỏi được, chúng sẽ tạo dựng tương lai riêng cho chúng. Hồi xưa, rất tiếc là cha mẹ tôi đã để cho tôi ra đời làm việc quá sớm.

Tiếp nối câu chuyện của bà Bancroft, tôi cũng kể cho gia đình Bancroft nghe về mối ưu tư tương tự của các bậc cha mẹ Việt Nam:

- Người Việt Nam chúng tôi có câu: "Để lại cho con một quyển sách còn quý hơn là để lại cho con một đồng vàng". Những lời vàng ngọc này đã ăn sâu vào tâm huyết của người Việt Nam. Do đó, các bậc làm cha làm mẹ luôn luôn hy sinh chịu đựng, ngay cả nhịn ăn nhịn mặc, để dành dụm đủ tiền nuôi con ăn học.

Những tháng ngày sau đó tôi tiếp tục đi lại thăm viếng gia đình ông bà Bancroft và tình giao hảo giữa chúng tôi trở nên thân mật hơn. Càng gần gũi ông bà Bancroft, tôi càng hiểu và cảm mến đức tính đôn hậu, hiếu khách và rộng lượng của họ. Nhờ vậy mà trong thời gian sống tại Úc tôi cảm thấy đỡ cô đơn và bớt nhớ nhà.

10. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

10.1 Tác giả đến Úc lần thứ mấy?

.....

10.2 Cảm tưởng của tác giả khi đến Úc như thế nào?

.....

10.3 Sinh viên các quốc gia khác muốn biết gì về Việt Nam?

.....

10.4 Tác giả quen gia đình người Úc trong trường hợp nào?

.....

10.5 Cho biết lai lịch của gia đình người Úc này.

.....

10.6 Các bậc cha mẹ người Úc và người Việt Nam có chung một mối ưu tư gì?

.....

10.7 Kể một vài đặc điểm của vợ chồng người Úc mà tác giả quen.

.....

11. Đặt câu có thành phần phụ (chỉ thời gian, nơi chốn...) và thành phần chính gồm có 2 chủ ngữ hoặc 2 vị ngữ. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ 1: Vào trưa ngày 25 tháng Chạp dương lịch, tôi được một gia đình người Úc mời về nhà chơi và dự tiệc Giáng Sinh.

Thành phần phụ: Vào trưa ngày 25 tháng Chạp dương lịch

Thành phần chính:

- chủ ngữ: tôi
- vị ngữ:
 - được một gia đình người Úc mời về nhà chơi
 - dự tiệc Giáng Sinh

Ví dụ 2: Trên đường về nhà, ông Bancroft và tôi trao đổi một vài câu chuyện xã giao ban đầu.

Thành phần phụ: Trên đường về nhà

Thành phần chính:

- chủ ngữ: - ông Bancroft
- tôi
- vị ngữ: đã trao đổi một vài câu chuyện xã giao ban đầu

- 11.1
11.2
11.3
11.4
11.5

12. Đọc lá thư thăm bạn nghỉ học vì bị bệnh sau đây:

....., ngày ... tháng ... năm ...

Hạnh thân,

Nghे nói mấy hôm nay Hạnh bị bệnh, phải nghỉ học, Nga rất sốt ruột và lo lắng. Vì đường xa, Nga không có phương tiện đến thăm Hạnh, Nga viết thư này gửi đến Hạnh, mong Hạnh thông cảm.

Hạnh đã đi khám bệnh chưa? Nhớ uống thuốc đều đặn để chóng khỏi. Còn việc học, Hạnh yên tâm. Mấy hôm nay thầy cho bài học ôn. Không có bài mới, học sinh đến lớp chỉ làm bài tập. Như vậy Hạnh nghỉ học không có gì đáng lo. Hôm nào Hạnh đi học, Nga sẽ cho Hạnh mượn bài tập mang về nhà xem.

Hàng ngày, bộ ba Hạnh, Nga, Thanh chơi với nhau thật là vui. Mấy hôm nay, thiếu Hạnh, tụi mình nhớ Hạnh lắm. Hạnh chịu khó nằm nghỉ, ăn uống và uống thuốc cho mau hết bệnh rồi đi học nhé. Nga có gói ô mai vẫn để dành, hôm nào Hạnh đi học sẽ mang cho Hạnh.

Chúc Hạnh mau lành bệnh.

Thân mến

Nguyễn Thị Kim Nga



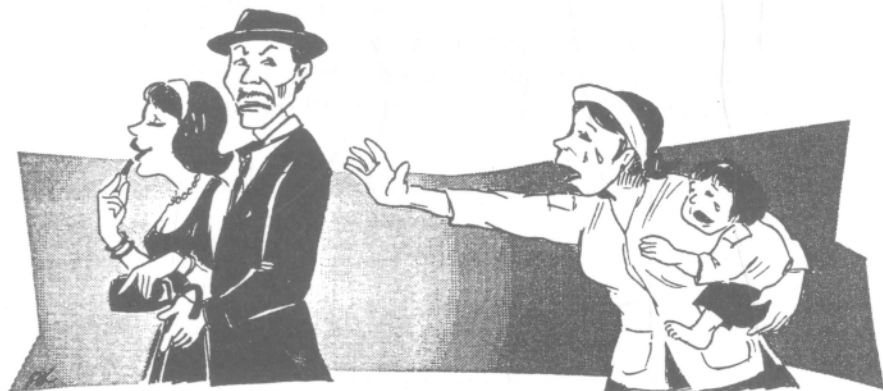
3. Viết một bài luận ngắn tả một người bạn tốt của em. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- Em quen bạn trong trường hợp nào? Ở đâu?
- Em quen bạn được bao lâu?
- Tả hình dáng, khuôn mặt, điệu bộ cử chỉ của bạn.
- Tả cách ăn mặc của bạn: bạn thường mặc áo quần gì? màu gì?
- Kể lại một vài sinh hoạt chung với bạn.
- Tả tính tình của bạn. Cho biết bạn đã giúp em hoặc người khác điều gì?
- Em có suy nghĩ gì đối với một người bạn tốt như vậy?

[illegible]

14. Dịch bài sau đây ra tiếng Anh:

Giàu vì bạn, sang vì vợ
Giàu đối bạn, sang đối vợ



Trong tiếng Việt có hai câu tục ngữ khác nhau: "Giàu vì bạn, sang vì vợ" và "Giàu đối bạn, sang đối vợ".

Ý nghĩa câu tục ngữ "Giàu vì bạn, sang vì vợ" là sự đúc kết một kinh nghiệm lâu đời về cách cư xử của người con trai với bạn bè và người vợ của mình. Bao giờ cũng vậy, hễ gặp bạn bè, dù nghèo khó thật, chàng vẫn tỏ ra giàu có và hào phóng. Còn đối với vợ, chàng tỏ ra mình là người sang trọng, có tài, được nhiều người kính phục. Một số người khác có cách hiểu khác về câu tục ngữ này. Theo họ, câu tục ngữ này có ý nói: nhờ có bạn tốt và vợ tốt mà chàng trai mới trở nên giàu sang. Do đó, chàng trai cần phải quý trọng bạn bè và vợ con. Nguyên nhân dẫn đến hai cách hiểu khác nhau này là do chữ "vì". Ở cách hiểu thứ nhất, "vì" được hiểu trong nghĩa mục đích; còn ở cách hiểu thứ hai, "vì" được hiểu theo nghĩa nguyên nhân.

Cũng nói về cách cư xử với bạn bè và người vợ, nhưng câu tục ngữ "Giàu đối bạn, sang đối vợ" mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Câu tục ngữ này trước hết phê phán những kẻ hay thay lòng đổi dạ với bạn. Khi nghèo khó, anh ta còn chơi với bạn nghèo. Nhưng khi giàu có, anh ta bỏ bạn cũ và tìm cách kết bạn với những người giàu để mong được lợi lộc. Ngoài ra, khi chưa có địa vị, người vợ đối với anh ta là tất cả. Tuy nhiên, khi đạt được địa vị cao, anh ta nghĩ ngay tới một người vợ khác tương xứng hơn với mình. Sự phụ bạc bạn bè, vợ con của những con người bạc bẽo, hợm đời, trường giả học làm sang này không phải là hiếm trong thực tế từ xưa đến nay.

Tóm lại, ý nghĩa hai câu tục ngữ trên tuy khác nhau nhưng đều được đúc kết từ kinh nghiệm sống của người xưa.



● Giờ tan học

KINH NGHIỆM DI DÂN

Migrant's Experience

1. Nghe cuộc đàm thoại bằng điện thoại sau đây giữa một phụ nữ Việt Nam với một nhân viên xã hội cộng đồng.



Phụ nữ : Hello. Tôi muốn nói chuyện với nhân viên xã hội cộng đồng.

Nhân viên xã hội : Tôi là Cường, nhân viên xã hội. Cô muốn tôi giúp cô điều gì?

Phụ nữ : Dạ, tôi là Hương. Tôi có một người em họ sắp sửa qua Úc, muốn biết chi tiết về công ăn việc làm và đời sống ở Úc, nhờ anh giúp đỡ.

Nhân viên xã hội : Vâng, tôi sẵn sàng giúp. Em có ở Việt Nam làm nghề gì?

Phụ nữ : Em tôi tốt nghiệp Đại học Phú Thọ, làm kỹ sư cơ khí cho Bộ Giao thông được một thời gian. Sau đó, mất việc vì được phép xuất ngoại. Hiện giờ đang phụ sửa máy ở một ga-ra của một người bạn.

Nhân viên xã hội : À quên, tôi chưa hỏi em có năm nay bao nhiêu tuổi?

- Phụ nữ : Dạ, em tới năm nay 28 tuổi.
- Nhân viên xã hội : Vậy cậu em đã có gia đình chưa, tình trạng sức khoẻ ra sao?
- Phụ nữ : Em tới còn độc thân, sức khoẻ rất tốt, đã từng đoạt giải vô địch bơi lội.
- Nhân viên xã hội : À, thế cậu ấy đã học tiếng Anh ở Việt Nam chưa? Qua đây, vấn đề tiên quyết là phải biết tiếng Anh để dễ kiếm việc làm và giao tiếp ngoài xã hội.
- Phụ nữ : Em tới đã học tiếng Anh ở trung học và hiện đang trau dồi thêm, có thể đàm thoại những vấn đề thông thường bằng tiếng Anh. Nhân tiện đây, xin anh cho biết khi qua Úc, em tới có được tiền trợ cấp gì không?
- Nhân viên xã hội : Tôi xin giải thích cho cô rõ là có hai trường hợp. Nếu em có qua Úc với tư cách tị nạn thì chính phủ sẽ trợ cấp một số tiền vào khoảng trên một trăm Úc kim mỗi tuần. Còn trường hợp em có qua Úc vì có người bảo trợ thì không được lãnh một món tiền nào cả. Tôi nghĩ rằng em có ở vào trường hợp thứ hai.
- Phụ nữ : Dạ, em tới được bảo lãnh qua Úc.
- Nhân viên xã hội : Tôi xin giải thích thêm rằng người bảo lãnh phải lo nơi ăn chốn ở cho em có khi mới qua. Sau đó, em có thể xin ở chung cư của chính phủ. Không biết cậu ấy có muốn hành nghề cũ khi qua đây không?
- Phụ nữ : Tôi nghĩ là em tới rất muốn nhưng nếu không được thì sẵn sàng làm bất cứ công việc gì.
- Nhân viên xã hội : Hiện nay, tình hình kinh tế Úc đang gặp khó khăn. Kiếm được việc làm hợp với khả năng và sở thích của mình là một điều rất khó. Tuy nhiên, nếu cậu ấy sẵn sàng làm bất cứ công việc gì thì tôi nghĩ cũng không có nhiều trở ngại. Ở Úc, người ta công nhận một số bằng cấp của mình ở Việt Nam nhưng bằng cấp được công nhận là một chuyện còn kiếm được việc làm hay không lại là một chuyện khác.
- Phụ nữ : Cảm ơn anh đã cho biết nhiều chi tiết quý báu, rất có ích cho cho em tới. Nhân đây xin anh giúp đỡ tôi một điều đặc biệt, không biết có được không?
- Nhân viên xã hội : Xin cố gắng nói.
- Phụ nữ : Những chi tiết anh vừa cho biết tôi không nhớ hết nổi. Anh là người hiểu biết nhiều trong lãnh vực này, xin anh làm ơn viết

một lá thư về Việt Nam giải thích tất cả cho em tôi. Tôi sẽ mang ơn anh rất nhiều.

Nhân viên xã hội : Để tôi suy nghĩ xem... Kể ra cũng sẽ mất khá nhiều thời giờ...
Thôi, tôi cũng rán giúp cô một lần.

Phụ nữ : Xin cảm ơn anh nhiều lắm. Đây là địa chỉ của em tôi:
Nguyễn Văn Nam
135 đường Trần Hưng Đạo
Nha Trang
Việt Nam

2. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

2.1	<i>mechanical engineer</i>	:		nhân viên xã hội
2.2.	<i>to graduate</i>	:		em họ
2.3	<i>social worker</i>	:		tốt nghiệp
2.4	<i>ability</i>	:		kỹ sư cơ khí
2.5	<i>government apartment</i>	:		giao tiếp
2.6	<i>cousin</i>	:		người bảo trợ
2.7	<i>championship</i>	:		công nhận
2.8	<i>sponsor</i>	:		chung cư
2.9	<i>to recognise</i>	:		giải vô địch
2.10	<i>to interact</i>	:		khả năng

3. Ghi lại 6 điểm quan trọng trong bài đàm thoại ở (1). Sau đây là những câu hỏi gợi ý:

3.1 Người phụ nữ muốn biết về việc gì?

.....

3.2 Những yếu tố nào có thể giúp người ta dễ tìm việc làm ở Úc?

.....

3.3 Trong các yếu tố trên, yếu tố nào quan trọng nhất?

.....

3.4 Người được bảo lãnh theo diện đoàn tụ gia đình khi đến Úc có được hưởng trợ cấp gì không?

.....

3.5 Văn bằng Việt Nam có được công nhận ở Úc không?

.....

3.6 Khi đến Úc, người Việt Nam có bằng cấp chuyên môn có thể trở lại nghề cũ không?

.....

4. Đọc các ví dụ và các nhận xét về cách dùng dấu phẩy (,) sau đây:

4.1 Ở Úc, người ta công nhận một số bằng cấp ở Việt Nam.

4.2 Người em họ tôi có bằng kỹ sư cơ khí, bằng Anh ngữ hạng A, bằng đánh máy và bằng lái xe.

4.3 Tôi có một người em họ sắp sửa qua Úc, muốn biết chi tiết về công ăn việc làm và đời sống ở Úc, nhờ anh giúp đỡ.

Nhận xét:

- Dấu phẩy ở câu 4.1 dùng để phân biệt thành phần phụ (*Ở Úc*) và thành phần chính của câu (*người ta công nhận một số bằng cấp ở Việt Nam*).
- Dấu phẩy ở câu 4.2 dùng để phân biệt các thành phần cùng loại (*bằng kỹ sư cơ khí, bằng Anh ngữ hạng A...*) khi giữa chúng không có từ nối.
- Dấu phẩy ở câu 4.3 dùng để phân biệt các cụm chủ vị trong câu ghép.
- Dấu phẩy được đặt xen kẽ trong câu và một câu có thể có một hoặc nhiều dấu phẩy. Khi đọc, gặp dấu phẩy phải ngắt hơi.

5. Dựa theo các ví dụ trên, cho biết dấu phẩy trong các câu sau đây được dùng trong trường hợp nào.

5.1 Em tôi còn độc thân, sức khỏe tốt, đã từng đoạt giải vô địch bơi lội.

.....

5.2 Sau đó, em cô có thể xin ở chung cư của chính phủ.

.....

5.3 Hiện nay, tình hình kinh tế Úc đang gặp khó khăn.

.....

5.4 Ở Úc, có các loại trợ cấp xã hội như trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp giáo dục, trợ cấp cô nhi...

.....

5.5 Anh là người hiểu biết nhiều trong lãnh vực này, xin anh làm ơn viết một lá thư về Việt Nam giải thích tất cả cho em tôi.

.....

6. Từng học sinh đọc bài sau đây:

TRƯỜNG HỢP ĐỊNH CƯ CỦA MỘT GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Sau hơn một năm ở trại tị nạn, vợ chồng tôi và hai con nhỏ được chấp thuận vào định cư ở Úc. Chúng tôi ở trại tiếp cư Enterprise sáu tháng và được trợ cấp về tài chánh. Trong thời gian ở đây, chúng tôi theo học khóa Anh văn toàn thời. Sau đó, theo đơn xin, chúng tôi được ở chung cư của chính phủ. Hằng ngày, hai vợ chồng tôi đi khắp nơi tìm việc làm. Vấn đề tiên quyết là phải có chút tiền để giải quyết những nhu cầu hằng ngày. Cuối cùng, tôi tìm được một việc tại hãng Ford: làm công việc dây chuyền sản xuất xe hơi. Công việc này rất bận rộn, vất vả và nhàm chán. Nhưng vì cần tiền để ổn định đời sống cho vợ con và nghĩ đến những người thân còn ở Việt Nam, tôi cố gắng thích ứng với việc làm mới. Mặc dù vậy, sau tám tháng, tôi cảm thấy không thể



nào chịu đựng nổi nữa. Mặt khác, vì muốn tiến thân, tôi đã nộp đơn xin thi vào làm nhân viên bưu điện. May mắn thay, tôi được tuyển chọn. Công việc này có phần bảo đảm nên tôi đã vay tiền mua một chiếc xe hơi cũ làm phương tiện đi lại. Cuộc sống chúng tôi từ đó có phần thoải mái hơn...

Công việc ở bưu điện tương đối nhàn hạ, tôi bắt đầu nghĩ đến việc trở lại nghề cũ mà tôi hằng ưa thích. Tôi hỏi thăm một vài người bạn về cách xin công nhận bằng cấp ở Úc. Khi bằng cấp ở Việt Nam của tôi đã được công nhận, tôi liền nộp đơn xin làm kỹ sư công chánh ở nhiều nơi. Và sau nhiều cuộc phỏng vấn, tôi đều bị từ chối, có lẽ vì hai lý do sau đây: một là khả năng tiếng Anh của tôi còn yếu, hai là chắc họ không mấy tin tưởng vào bằng cấp ở Việt Nam. Tôi có phần thất vọng, định bỏ cuộc nhưng vợ tôi luôn luôn khuyến khích. Tôi do dự một thời gian, sau đó quyết định bỏ việc làm ở bưu điện để học lại năm cuối của ngành kỹ sư công chánh. Trong khoảng thời gian đó, vợ tôi đã tìm được việc làm nên vấn đề tài chánh được bảo đảm hơn. Sau một năm đèn sách, tôi đã tốt nghiệp kỹ sư ở Úc. Tôi cảm thấy tự tin hơn và cuối cùng, tôi cũng tìm được việc làm vừa ý.

Nhờ có công ăn việc làm vững chắc, chúng tôi đã vay tiền mua được một căn nhà xinh xắn. Thế là ước vọng của chúng tôi đã được hoàn thành. Đoạn đường vất vả, cam go đã đi qua. Từ đó, chúng tôi bắt đầu an cư lạc nghiệp và có thể dành nhiều thời giờ hơn để lo lắng cho tương lai của con cái.

7. Trả lời các câu hỏi sau đây:

7.1 Khi mới đến Úc, gia đình người tị nạn ở tạm tại đâu?

.....

7.2 Trong thời gian đó, họ làm gì?

.....

7.3 Muốn trở lại ngành nghề cũ, người tị nạn phải làm gì?

.....

7.4 Tại sao người tị nạn thường khó tìm được việc làm?

.....

7.5 Bằng cấp ở Việt Nam có được công nhận ở Úc không?

.....

9. Viết chính tả bài sau đây:

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA HỌC SINH VIỆT NAM TẠI ÚC

Khi mới đến định cư tại Úc, sau một thời gian ngắn ổn định về nơi ăn chốn ở, thanh thiếu niên Việt Nam bắt đầu trở lại trường để tiếp tục việc học. Đây là lúc họ phải đối đầu với muôn vàn khó khăn trước mắt.

Khó khăn thứ nhất là vấn đề ngôn ngữ. Họ phải trải qua hai hay ba khóa học tại các trung tâm sinh ngữ trước khi chính thức vào trường. Khó khăn này vẫn còn kéo dài mặc dù hầu như trường nào cũng có lớp "Anh văn như một ngôn ngữ thứ hai" (ESL).

Khó khăn thứ hai là khi tiếp xúc với các bạn người Úc. Thông thường, lúc đầu, do khả năng tiếng Anh có hạn, họ chỉ có thể nói "Hello" hay hỏi đáp một vài câu đơn giản rồi... thôi! Sau này, vì thấy sự khác biệt giữa văn hóa Tây phương và văn hóa Việt Nam, họ lại càng cảm thấy khó hòa hợp được với các bạn người Úc.

Khó khăn thứ ba là họ luôn nhớ đến quê hương Việt Nam và thường cảm thấy cô độc, lẻ loi trong xã hội Úc. Dù Úc là một quốc gia đa văn hóa, việc hội nhập vào một xã hội hoàn toàn mới lạ không phải là một chuyện có thể thực hiện dễ dàng trong một sớm một chiều.

Nhưng với thời gian, các bạn trẻ Việt Nam nói chung đều vượt qua được các trở ngại chính nêu trên, cố gắng học để sau này có được tương lai tốt đẹp, làm vẻ vang cho cộng đồng dân tộc mình tại Úc.



10. Đặt câu với các từ sau đây để phân biệt từ bắt đầu bằng ch và tr.

10.1 dây chuyển :

10.2 truyền miệng :

10.3 di chuyển :

10.4 di truyền :

10.5 công chánh :

10.6 trường hợp :

11. Đặt câu với các từ sau đây để phân biệt giữa vẽ và vẽ.

11.1 vẽ vang :

11.2 bày vẽ :

11.3 vẽ đẹp :

11.4 vẽ vời :

11.5 vẽ mặt :

11.6 vắng vẻ :

12. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: xuất sắc, hỗ trợ, nghiêm ngặt, chính yếu, quan trọng, tốt nghiệp, học vấn, gia đình, kinh nghiệm.

**GƯƠNG THÀNH CÔNG
CỦA HỌC SINH VIỆT NAM TẠI ÚC**

Khi được hỏi làm thế nào mà em học giỏi như vậy thì Nguyễn Ngọc Thanh, học sinh mới đến Úc có ba năm nhưng đã tốt nghiệp trung học năm 1992 với số điểm 167.6 trên 168, đã nhanh chóng trả lời là nhờ và nhất là mẹ của em. Đối với Thanh, mẹ em là nguồn tinh thần lớn nhất. Những lúc Thanh có điều gì lo lắng hay bị khủng hoảng tinh thần, mẹ em luôn luôn ở bên cạnh để an ủi, giúp đỡ và hướng dẫn. Những người chị của Thanh cũng trợ giúp em nhiều về mặt tinh

thần. Riêng anh ruột của Thanh, Nguyễn Trọng Khanh, lại là người giúp Thanh thiết thực nhất khi em cần hỏi về bài vở.

Tưởng cũng nên biết là các anh chị em của Thanh đều đạt được nhiều thành tích về mặt Em gái của Thanh đã học xong lớp 11, cũng là học sinh xuất sắc trong trường. Hai người anh và em khác đang học ngành kỹ sư ở đại học. Nguyễn Trọng Khanh thì hiện đang học Y khoa tại Đại học Melbourne. Khanh tốt nghiệp trung học năm ngoái với số điểm 393.1, được giải thưởng Australia Students Prize với tiền mặt là \$2.000 (có tất cả 250 học sinh được lãnh giải này) và được thêm giải học sinh Việt Nam nhất do Cộng đồng Người Việt Victoria tổ chức và phát giải thưởng vào dịp lễ Giỗ Tổ Hùng Vương vừa qua. 3



• Học sinh xuất sắc,
Nguyễn Ngọc Thanh

Khi được hỏi là ngoài gia đình, những yếu tố nào khác đã giúp em đậu cao như vậy, Nguyễn Ngọc Thanh vui vẻ cho biết: Trước hết là tự tin vào mình; thứ hai là phải biết học hỏi của những người đi trước dù những điều học hỏi đó không hoàn toàn giống với những gì mình đang học; thứ ba là phải biết sắp xếp công việc học hành cho hợp lý, biết việc nào là , việc nào là thứ yếu.

Chúng tôi có thắc mắc hỏi em Thanh rằng người ta thường truyền miệng nhau là học sinh trường tư học giỏi hơn học sinh trường công mà tại sao, tuy học trường công, em lại đạt được số điểm rất cao thì em Thanh trả lời: "Đó là người ta nói vậy chứ quan trọng nhất là do mình". Thanh cho biết thêm trường Wellington Secondary College của em là trường công nhưng kỷ luật rất

Thanh kể lại rằng mỗi ngày sau khi học tập ở trường về, ngoài giờ cơm và xem chương trình *Sale of the Century* trên tivi, em thường dành khoảng 5 giờ để học bài, làm bài hay đọc sách.

Được hỏi sẽ chọn học ngành nào ở đại học, Thanh cho biết còn đang do dự giữa hai ngành Luật và Y nhưng rất có thể sẽ chọn Y...

(theo bản tin của Tì Vi Tuần San số 353)

13. Đọc và tóm tắt bài báo sau đây:

Người Việt Di dân
làm phong phú xã hội Úc

"Từ di dân trở thành những công dân thành công... Di dân Việt Nam đã mau chóng biến đổi và nâng cao giá trị văn hóa của chúng ta đồng thời đóng góp vào con đường phát triển lâu dài của chúng ta". Đó là lời nhận định của Greg Sheridan trong phần mở đầu bài báo của ông đăng trên nhật báo The Australian. Dưới đây là các phần chính trong bài viết ấy.

Vào cuối thập niên 70, việc chính phủ của cựu thủ tướng Malcolm Fraser quyết định nhận một số lượng lớn thuyền nhân Đông dương đã mở đầu cho việc nhận di dân từ các trại ở Đông Nam Á. Việc tiếp nhận đó cũng đã đem đến nhiều quyền lợi cho nước Úc.

Việc thống nhất Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã mở đầu cho một làn sóng người Việt di dân. Chỉ trong năm năm đầu tiên đã có hơn một triệu người rời bỏ quê hương và trở thành di dân trên khắp các nơi trên thế giới.

Các nước trong vùng Đông Nam Á như Mã Lai, Thái Lan, Nam Dương, Phi Luật Tân và Hồng Kông đã trở thành nơi tiếp nhận thuyền nhân để từ đó họ sẽ được chuyển nước thứ ba tiếp nhận định cư.

Hoa Kỳ là nước đã có những liên quan và trách nhiệm đối với cuộc chiến tại Việt Nam, do đó Hoa Kỳ là nước đầu tiên nhận phần lớn di dân Việt Nam từ các trại di dân ở vùng Đông Nam Á.

Úc từng là một đồng minh

của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam nên Úc cũng có phần nào trách nhiệm đối với những người Việt di dân.

Một lý do quan trọng khác vì sao Úc phải nhận di dân là: Úc là một nước lớn có ảnh hưởng trong vùng Nam Thái Bình Dương. Do đó quyết định đề ra một chương trình định cư di dân là một quyết định can đảm. Việc làm này của chính phủ Fraser đã đem lại cho nước Úc nhiều lợi ích trong quan hệ quốc tế, đồng thời đã làm thay đổi sâu xa nước Úc.

Trong khoảng 160.000 người Đông dương đang sống định cư ở Úc mà phần lớn là người Việt Nam, có khoảng 130.000 người đến từ các trại di dân và 30.000 người đến Úc theo chương trình

ra đi trong vòng trật tự. Chương trình này đã đưa nước Úc lên thành một trong những nước hàng đầu nhận di dân Đông dương vào định cư. Cũng từ thời điểm đó, một kỷ nguyên mới đã được mở ra trên đất Úc.

Đường lối của người da trắng đã thực sự co cứng từ đầu thập niên 70 chứ không phải vì biến cố thuyền nhân Việt Nam hay vì số lượng lớn người di dân gốc Á châu.

Nhiều thuyền nhân di dân đã là những người đi đầu trong lãnh vực kinh tế. Khối người di dân Á châu là khối nổi bật trong chương trình di dân suốt thập niên vừa qua.

Riêng người Việt Nam đã chuyển mình một cách nhanh chóng lạ thường. Hiện nay họ trở



• Đường phố Footscray

thành giai cấp trung lưu, chiếm lĩnh một số lớn các dịch vụ buôn bán nhỏ và con em họ đã mau chóng thành công trên con đường học vấn. Một nhà tư tưởng tân bảo thủ Hoa Kỳ, ông George Gilder đã biện luận rằng: Hoa Kỳ đã thực sự thắng trong cuộc chiến tại Việt Nam vì Hoa Kỳ đã chiếm được những gì thật sự có giá trị của Việt Nam, đó là hàng triệu công nhân cần mẫn và các học sinh ưu tú.

Ở Úc cũng đã có những thí dụ điển hình về các em học sinh Việt Nam ưu tú. Như em Tạ Hùng ở tiểu bang New South Wales đã đỗ đầu trong kỳ thi tốt nghiệp trung học. Gia đình em là những thuyền nhân đến Úc vào khoảng cuối thập niên 70, lúc đó em Hùng mới 5 tuổi. Cha em là một công nhân và gia đình em cư ngụ tại khu lao động Marrickville. Em Hùng đã giành được học bổng để theo học tại trường Sydney Grammar, một

trường tư danh tiếng ở Sydney.

Ngoài ra, văn hóa Việt nam rất phong phú và đáng được chú ý tới. Việt Nam có truyền thống tốt đẹp về nề nếp gia đình do ảnh hưởng sâu xa của Nho giáo. Ngày xưa, con đường để tiến thân làm quan là con đường học vấn. Từ đó, con em Việt Nam luôn luôn được gia đình khuyến khích học hành. Nề nếp này cũng đã được di dân người Việt mang vào đất nước Úc.

Những người Việt Nam cũng gặp phải một số vấn đề về chủng tộc và tội phạm trong cộng đồng. Thống kê cho thấy mức độ phạm pháp của người Úc gốc Việt là 1/3 so với người bản xứ. Có một lúc họ bị kết tội là lấn chiếm các khu vực chung quanh các trung tâm tiếp cư như các nhóm "Ghettos". Tuy nhiên, vùng đông dân cư người Việt hội tụ và buôn bán được nhiều người biết đến là khu Cabramatta ở Sydney thì hoàn toàn trái ngược hẳn với

những nhóm "Ghettos" này.

Năm ngoái, trong một buổi phát biểu trên đài truyền hình SBS, ngoại trưởng Úc, ông G. Evans đã cho rằng có nhiều người trong đảng Lao Động biết quá ít về sự đóng góp của người Việt Nam cũng chỉ vì quan niệm của họ về cuộc chiến Việt Nam trước đây. Riêng cá nhân ông, ông rất kính trọng và thán phục những di dân Việt Nam vì theo ông, họ đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy Úc tiếp cận với các quốc gia trong khu vực.

Cộng đồng Việt nam đã và đang đóng góp một phần nào vào việc định hình bản sắc của nước Úc. Từ việc nấu nướng, dạy dỗ con cái, xây dựng chùa chiền, nhà thờ đến việc giao tiếp, làm ăn của người Việt đều ít nhiều ảnh hưởng đến xã hội Úc, làm cho nước Úc xứng danh là một nước đa văn hóa.

(theo bản tin của tuần báo M)

14. Tìm các từ trong bài báo ở (13) tương đương với các từ tiếng Anh sau đây:

- | | | | |
|-------|--------------------------------|---|-------|
| 14.1 | <i>value</i> | : | |
| 14.2. | <i>to encourage</i> | : | |
| 14.3 | <i>responsibility</i> | : | |
| 14.4 | <i>ally</i> | : | |
| 14.5 | <i>international relations</i> | : | |
| 14.6 | <i>tradition</i> | : | |
| 14.7 | <i>identity</i> | : | |
| 14.8 | <i>contribution</i> | : | |
| 14.9 | <i>rich</i> | : | |
| 14.10 | <i>to affect</i> | : | |
| 14.11 | <i>to admire</i> | : | |

15. Từng nhóm 4 - 5 học sinh đọc và thảo luận về bài tường trình sau đây:

MỘT VÀI THÀNH CÔNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ÚC

Hiện nay có khoảng gần hai trăm ngàn người Việt đang sinh sống tại Úc, đa số là những thuyền nhân đến Úc từ cuối thập niên 70. Trong một thời gian tương đối ngắn, họ đã thành công trong việc định cư và xây dựng đời sống mới. Những thành công này không có gì là to lớn lắm nhưng cũng đáng được ghi nhận, nhất là so với những khó khăn ban đầu mà họ đã phải trải qua. Báo chí Úc đã nhắc đến và ca ngợi những sự thành công của người Việt tại Úc như sau: *"Từ di dân trở thành những công dân thành công.... Di dân Việt Nam đã mau chóng biến đổi và nâng cao giá trị văn hóa của chúng ta đồng thời đóng góp vào con đường phát triển lâu dài của chúng ta".* (The Australian)

Dưới mắt của người Úc, người Việt thường thành công về học vấn. Nói chung đa số học sinh Việt Nam đều chăm học. Theo truyền thống của người Việt, con đường dễ tiến thân nhất là con đường học vấn, do đó các bậc cha mẹ luôn khuyến khích con cái mình học hành đến nơi đến chốn. Năm 1991, em Tạ Hùng ở tiểu bang New South Wales đã đỗ đầu trong kỳ thi tốt nghiệp trung học. Năm sau, em Nguyễn Ngọc Thanh ở tiểu bang Victoria đã tốt nghiệp với số điểm rất cao: 167.6 trên 168 điểm. Ở đại học, tuy còn gặp khó khăn về tiếng Anh, các sinh viên Việt Nam vẫn cố gắng đạt được kết quả tốt.

Nói về thành công của người Việt trong chính trường thì ở tiểu bang Victoria có ông Nguyễn Sang, hiện là thị trưởng thành phố Richmond, thủ phủ và cũng là trung tâm thương mại lớn của người Việt tại Melbourne. Điều đáng nói là ông Nguyễn Sang là người Việt đầu tiên làm nghị viên ở tiểu bang Victoria, là người Việt đầu tiên cũng như người gốc Á châu đầu tiên làm thị trưởng ở Úc. Vì người Việt là một sắc tộc đến Úc khá muộn so với các sắc tộc khác, sự tham gia của họ vào sinh hoạt chính trị ở Úc hiện nay có thể được xem là một sự đóng góp đáng kể.

Về thương mại, người Việt đã từ hai bàn tay trắng tạo nên cơ nghiệp, trở thành giai cấp trung lưu làm chủ nhiều dịch vụ buôn bán nhỏ. Họ đã biến các khu hoang vắng xưa thành những khu thương mại sầm uất ngày nay. Ngoài khu Cabramatta ở Sydney là nơi có nhiều người Việt sinh sống và là khu buôn bán được rất nhiều người biết đến, ở Melbourne có các khu Springvale, Richmond, Footscray; ở Brisbane có khu West End...



• Thị trưởng Richmond, ông Nguyễn Sang

Tóm lại, nhờ những thành công trong các lãnh vực học vấn, tham gia chính trường và thương mại, người Việt có thể hãnh diện đã góp phần làm cho nước Úc thêm phồn thịnh và làm rạng rỡ cho dân tộc họ ở nước người.

16. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

16.1 Đa số người Việt đến Úc bằng cách nào?

.....

16.2 Tại sao người Việt thường thành công trên đường học vấn?

.....

16.3 Kể một vài trường hợp thành công của học sinh Việt Nam tại Úc.

.....

16.4 Ai là người Việt đầu tiên làm nghị viên ở tiểu bang Victoria?

.....

16.5 Về thương mại, người Việt đã có những thành công gì?

.....

16.3 Đánh giá những thành công của người Việt ở Úc.

.....

17. Dịch bản tin sau đây ra tiếng Anh:

**DI DÂN GIÚP KINH TẾ ÚC
PHÁT TRIỂN TỐT HƠN**

CANBERRA. Nguồn tin từ Bộ Di trú cho biết là Tổng trưởng Di trú, ông Nick Bolkus, sẽ trình trước Nội các Liên bang về việc nên nhận thêm di dân trong tài khóa tới vì chính di dân đã mang vào nước Úc 3 tỉ đô-la mỗi năm vào thời kỳ cao điểm di dân tới Úc.

Tổng trưởng Bolkus sẽ trình cho Nội các thấy là đường hướng cắt giảm di dân trước đây đã bị ảnh hưởng trực tiếp bởi nền kinh tế Úc trong thời kỳ suy thoái.

Theo Bộ Di trú thì trong năm nay Úc sẽ nhận khoảng 84.700 di dân. Bộ cũng cho biết vào những năm cuối thập niên 80, số tiền được chuyển từ ngoại quốc vào Úc theo những người di dân là 3 tỉ mỗi năm. Trong tài khóa 1993-94, con số đó đã giảm sút rõ rệt vì số di dân nhận vào đã từ 145.316 xuống còn 69.768.

Ngoài ra, ông Bolkus còn cho biết là ông sẽ khuyến cáo về việc phải duy trì và gia tăng mức thu nhận di dân để điều hòa mức độ di dân tại Úc, không kể đến vấn đề di dân đến Úc từ khu vực nào trên thế giới.

[illegible]

18. Đọc thêm bài sau đây:

MỘT THỜI KHÓ QUÊN

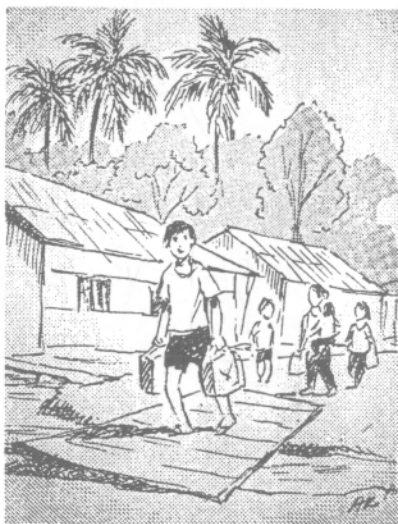
Mỗi khi hồi tưởng về quá khứ, lòng tôi lại rộn lên những kỷ niệm của năm năm về trước, khi tôi còn ở trại di dân Pulau Bidong. Đó là nơi tôi được quen với những người bạn dễ mến và cũng là nơi đầu tiên tôi đặt chân đến trên bước đường xa xứ.

Pulau Bidong là một hòn đảo nằm ở vùng Tây Bắc Mã Lai, nơi đã cho tôi rất nhiều kỷ niệm đẹp của một thời tạm cư không thể nào quên. Khi ấy tôi còn là một cậu

bé “cô nhi” thuộc “Gia đình Âu Cơ 3”, một tổ chức tập trung săn sóc những trẻ em không thân nhân tại đảo này. Nếu không có Gia Đình Âu Cơ 3, tôi sẽ cảm thấy mình là một thiếu niên tha hương bất hạnh. Tôi sẽ phải lớn lên trong khung cảnh buồn tủi của người tha hương. Lúc ấy, tôi thiếu thốn tất cả, từ vật chất đến tinh thần. Hơn lúc nào hết tôi thấy nhớ quê hương Việt Nam và gia đình tôi tha thiết. Tôi mơ ước được trở lại ngôi nhà xưa, được gặp lại mẹ tôi, anh chị tôi và những người thân thuộc. Tôi cũng nhớ những hàng dừa xanh, những lũy tre làng, những con lạch, dòng sông và cả âm thanh huyền ảo của những buổi sáng họp chợ tại khu chợ huyện bé nhỏ gần nhà tôi. Quê hương tôi không có những tòa nhà chọc trời hay những đại lộ thành thang tấp nập xe cộ đủ kiểu đủ màu, nhưng quê hương tôi có một vẻ đẹp riêng biệt mà tôi không bao giờ có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào khác.

Đôi lúc tôi cảm thấy lòng buồn vô tả. Tôi đã khóc nhiều lần trong những lúc nhớ nhà. Nhưng tôi đã dốc hết nghị lực đối đầu với thực tại. Rồi thời gian trôi qua, nỗi buồn xa xứ của tôi cũng dần dần được xoa dịu. Tôi bắt đầu quen dần với đời sống ở trại tạm cư.

Sinh hoạt hằng ngày của tôi tại Gia đình Âu Cơ 3 cũng khá vui. Ở đây tôi gặp được những người bạn đồng trang lứa và đồng cảnh ngộ với tôi. Chúng tôi chia sẻ với nhau những vui buồn của cuộc sống, kể cho nhau nghe về những cuộc hành trình gian nan trên biển, những kỷ niệm yêu dấu ở quê nhà... Nhờ vậy mà những nỗi buồn tha hương cũng vơi đi được phần nào. Hằng ngày, chúng tôi chia nhau thành từng tổ phụ trách các công việc như xách nước, nấu cơm, rửa chén và làm vệ sinh chung. Trong Gia đình Âu Cơ 3, tôi được bầu làm tổ trưởng đội cấp thủy. Nhiệm vụ của tôi là đốc thúc, giúp đỡ bạn bè trong việc xách nước từ các trạm cấp nước về đến Gia đình Âu Cơ 3. Chúng tôi làm công việc này rất hăng hái và với tinh thần kỷ luật. Những người phụ trách Gia đình Âu Cơ 3 là những người đồng hương có tinh thần phục vụ cộng đồng và lòng mến trẻ. Họ thể hiện những đức tính ấy trong từng cử chỉ sinh hoạt hằng ngày. “Âu Cơ 3” dần dần trở nên thân thuộc, quý hóa đối với tôi vô cùng. Tôi không còn cảm thấy hiu quạnh lẻ loi như thuở ban đầu nữa. Thay vào đó tôi đã tìm thấy niềm vui bên cạnh bạn bè. Chúng tôi sinh hoạt với nhau như anh em một nhà, nhường nhịn nhau từng miếng cơm manh áo, giúp đỡ nhau học hành, nhất là học tiếng Anh. Tôi còn nhớ mỗi sáng đúng sáu giờ, chúng tôi thức dậy, thường ra biển tập thể dục, chơi túc cầu hoặc chơi bóng chuyền. Những lúc ấy tôi thích thú ngắm những đợt sóng biển



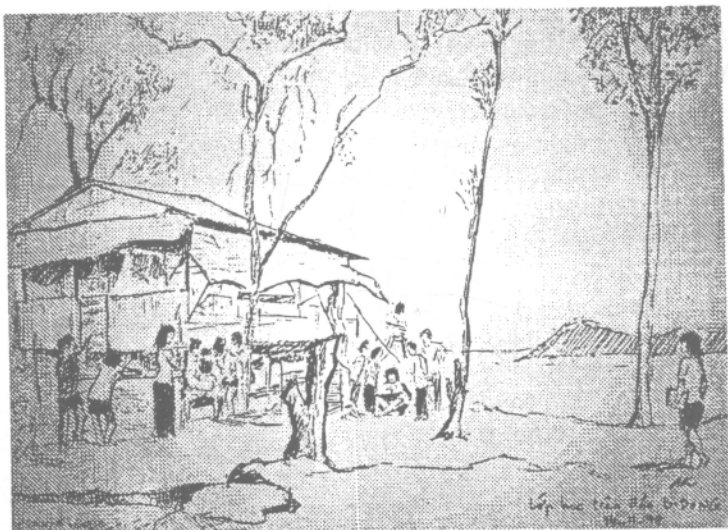
đua nhau chạy vào bờ, những bọt nước trắng xóa tỏa trên cát vàng. Tôi đặc biệt thích ngắm bình minh trên biển, một cảnh sắc vĩ đại mà con người không thể nào làm được. Tôi yêu biển, vì biển mang lại cho tôi cảm giác bình an, êm đềm. Sau "Âu Cơ 3", biển là những gì tôi yêu mến nhất.

Đời sống ở trại tạm cư cứ quần quanh như một thi sĩ đã giải bày:

*Buổi mai chờ đợi thư nhà
Buổi trưa nằm xuống thấy ba ông trời
Buổi chiều cơm nước cảm hơi
Buổi tối, lủi thủi dạo chơi một mình.*

Thời gian dần trôi. Cuối cùng, tôi có tên trong danh sách những người chuyển trại. Lòng tôi đượm buồn vì phải mãi mãi rời xa những người bạn đồng cảnh ngộ. Ngày chia tay rồi cũng phải đến. Tôi chào từ biệt bạn bè với nước mắt đầm đìa. Các bạn tôi cũng khóc, họ hát bài "Biệt Ly" để tiễn tôi đi.

Chiếc tàu từ từ rời xa hòn đảo Pulau Bidong. Lòng tôi dâng lên một nỗi buồn nặng trĩu. Từ đó tôi không hề gặp lại một người bạn nào trong Gia đình Âu Cơ 3, nhưng tôi vẫn mang mãi trong lòng hình bóng họ và những kỷ niệm đẹp trong thời gian ở trại tạm cư.



19. Từng hai học sinh, một đóng vai ông Nam và một đóng vai bà Mai, phỏng vấn nhau theo bài sau đây:

Phỏng vấn một phụ nữ Việt Nam có việc làm tại Úc

- Người giới thiệu : Đây là cuộc phỏng vấn bà Mai do ông Nam thực hiện.
Ông Nam là phóng viên đài phát thanh sắc tộc và ông đang
ngồi ở nhà bà Mai.
- Bà Mai : Mời anh Nam uống nước. Trà sen đó anh. Chị và các cháu
mạnh cả chứ anh?
- Ông Nam : Dạ, cảm ơn chị Mai. Chúng tôi vẫn thường luôn. Trà sen
ngon và thơm quá.
- Bà Mai : Vâng, ở bên này lâu rồi mà chúng ta vẫn không quên được
hương vị trà sen Việt Nam anh nhỉ?
- Ông Nam : Dạ, thế chị ở bên này mấy năm rồi? Chị sang đây là kiếm
được việc làm ngay hay sao?
- Bà Mai : Thưa anh, tôi ở Úc thế mà đã hơn mười năm rồi. Lúc mới sang,
vì chưa biết nói tiếng Anh nên không tìm được việc làm.
Khó khăn quá anh ạ. Tôi phải đi học tiếng Anh liên tục trong
hai năm trời. Mãi sau mới kiếm được việc làm trong hãng
may quần áo.
- Ông Nam : Làm việc trong hãng may, chị có cảm thấy thoải mái không?
Ngoài khó khăn về ngôn ngữ, chị có gặp khó khăn nào khác
trong khi tiếp xúc với cấp trên và bạn bè cùng sở không?
- Bà Mai : Dạ thưa anh, kể ra thì cũng không có gì đáng phàn nàn cả.
Phấn đông mọi người ở sở làm đều tử tế và sẵn sàng
giúp đỡ mình. Tuy nhiên, nói chung tôi vẫn không cảm thấy
thoải mái lắm và vẫn gặp khó khăn trong việc giao tế. Lý do
chính là sự khác biệt về phong tục và tập quán làm cho mình
chưa hội nhập hoàn toàn với họ được anh ạ.
- Ông Nam : Chị có thể cho biết một vài thí dụ cụ thể về trường hợp
này không ạ?
- Bà Mai : Được chứ anh. Ví dụ như, vì thói quen, phụ nữ Việt Nam mình
ít nói chuyện với cấp trên hay đồng nghiệp phái nam trong
những lúc nghỉ giải lao hay trong giờ ăn trưa. Chúng tôi cũng
không thích vào quán rượu sau giờ làm việc như một số
các bạn đồng nghiệp khác.

- Ông Nam : Còn cơ hội thăng tiến ở sở làm thì sao thưa chị?
- Bà Mai : Dạ lúc đầu chúng tôi gặp một vài trở ngại về vấn đề thăng tiến. Lý do chính là vấn đề ngôn ngữ. Nhưng theo tôi, tình trạng này chỉ là tạm thời, nó chỉ xảy ra trong giai đoạn đầu mà thôi.
- Ông Nam : Sao lại tạm thời hả chị? Thế có nghĩa là rồi ra các chị cũng có cơ hội thăng tiến như mọi người khác ở sở làm, phải không? Nếu vậy chị có thể cho biết tại sao không?
- Bà Mai : Vâng, kể ra thì cũng đúng. Lúc đầu thì mình gặp nhiều khó khăn như vậy đó, nhưng phần đông phụ nữ Việt Nam đều có tinh thần cố gắng học hỏi để tiến bộ. Vì vậy việc làm của chúng tôi càng ngày càng khá hơn và dần dần chúng tôi chiếm được cảm tình và sự tin nhiệm của cấp trên.
- Ông Nam : Ngoài tinh thần học hỏi ra, theo chị nghĩ thì còn lý do nào khác khiến cho phụ nữ Việt Nam chiếm được cảm tình và sự tin nhiệm của mọi người không?
- Bà Mai : Thưa anh, theo tôi nghĩ có lẽ một phần vì đa số phụ nữ Việt Nam đều chịu khó làm việc và luôn luôn giữ được vẻ hoà nhã, lễ độ với mọi người chung quanh.
- Ông Nam : Thế thì lúc ở sở làm có lúc nào chị nghĩ đến gia đình và con cái không?

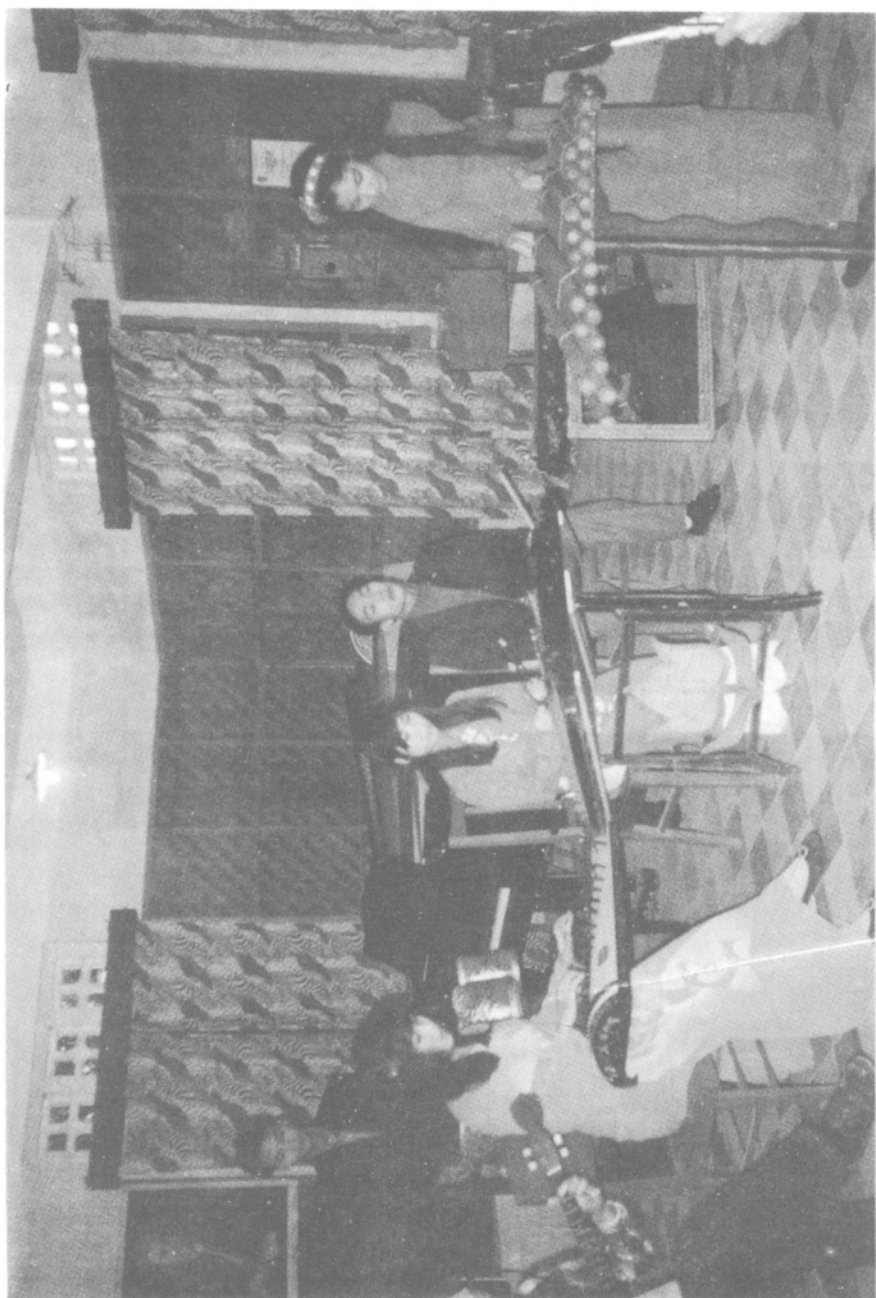
Ngoài tinh thần học hỏi ra, theo chị nghĩ thì còn lý do nào khác khiến cho phụ nữ Việt Nam chiếm được cảm tình và sự tin nhiệm của mọi người không?



- Bà Mai : Có chữ anh. Người phụ nữ Việt Nam nào mà chẳng nghĩ đến gia đình, đến con cái. Trong giờ nghỉ giải lao hay giờ ăn trưa, tôi thường nghĩ đến chồng, đến con. Anh biết đó, chúng tôi có bốn cháu, đứa lớn nhất hai mươi tuổi và đứa út chỉ mới mười tuổi. Mỗi lần tan sở là tôi nôn nóng về để trông nom nhà cửa, con cái và chuẩn bị bữa cơm tối cho gia đình.
- Ông Nam : Như vậy thì cực quá chị nhỉ? Kể ra thì phần đông phụ nữ Việt Nam sống ở Úc còn vất vả hơn lúc sống ở Việt Nam, phải không chị? Vừa phải đi làm vừa phải trông nom nhà cửa, con cái.
- Bà Mai : Vâng, sống ở Úc chúng tôi thấy vất vả hơn lúc sống ở Việt Nam. Nhưng bù lại, chúng tôi có một cuộc sống đầy đủ, tinh thần được thoải mái và cảm thấy vui vì có thể phụ giúp chồng về mặt tài chính gia đình.
- Ông Nam : Cảm ơn chị đã bớt thì giờ quý báu trong ngày nghỉ cuối tuần để trả lời những câu hỏi của tôi.
- Bà Mai : Dạ không có chi.
- Ông Nam : Tôi sẽ cho phát thanh cuộc phỏng vấn này trên đài phát thanh sắc tộc vào tuần tới. Thôi chào chị. Cho tôi gửi lời thăm anh.
- Bà Mai : Vâng, xin chào anh.



"Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng"



• Ban nhạc dân tộc - Nhạc viện Hà Nội

1. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Nam và David. Nam và David đang đi dọc đường phố và thấy nhiều tấm bích chương quảng cáo bầu cử.



- Nam : Sắp có bầu cử gì vậy? David có thấy nhiều bích chương quảng cáo bầu cử không?
- David : Sắp có bầu cử Liên bang.
- Nam : Bầu cử Liên bang là bầu cho ai?
- David : Bầu cử Liên bang là bầu Thượng viện và Hạ viện. Qua cuộc bầu cử này, đảng nào chiếm được nhiều ghế ở Hạ viện, đảng đó sẽ cầm quyền.
- Nam : Như vậy là bầu lại thủ tướng?
- David : Đúng vậy. Đảng có số phiếu cao nhất sẽ thành lập chính phủ. Lãnh tụ của đảng đó sẽ là thủ tướng.

- Nam : Như vậy, ai cũng phải đi bầu trong cuộc bầu cử Liên bang, phải không?
- David : Không phải ai cũng được đi bầu đâu. Người đi bầu phải là công dân Úc, từ 18 tuổi trở lên và phải ở tại địa phương nơi mình muốn bỏ phiếu ít nhất là một tháng.
- Nam : Mình đã nhập quốc tịch Úc rồi, sao mình chưa nghe nói gì cả.
- David : Năm nay Nam bao nhiêu tuổi?
- Nam : Mình vừa tròn 18 tuổi.
- David : Ở tuổi 18, luật quy định Nam phải ghi danh đi bầu, nếu không, Nam sẽ bị phạt.
- Nam : Như vậy, cũng sắp đến ngày điền đơn ghi danh đi bầu rồi. Mình phải ghi danh ở đâu?
- David : Ở địa phương nào, thành phố nào cũng có Văn phòng Ủy ban lo chuyện bầu cử. Bạn có thể đến hoặc gọi điện thoại để xin mẫu đơn. Điền mẫu đơn xong, nộp lại, thế là tên của bạn sẽ có trong danh sách kỳ bầu cử sắp tới.
- Nam : Cảm ơn David. David đã đi bầu rồi chứ?
- David : Mình đi bầu từ năm ngoái. Đúng năm có bầu cử Tiểu bang.
- Nam : Khi mình có tên trong danh sách bầu cử có nghĩa là mình phải đi bầu cả Liên bang lẫn Tiểu bang?
- David : Ngoài hai cuộc bầu cử lớn là Liên bang và Tiểu bang, mình còn phải tham dự các cuộc bầu cử địa phương chọn nghị viên cho Hội đồng thành phố nữa.
- Nam : Sao phải bầu nhiều thế?
- David : Nước dân chủ mà. Người dân phải được quyền chọn lựa người đại diện cho mình chứ.
- Nam : Mình hiểu rồi. Cảm ơn bạn.



2. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

2.1	<i>Electoral Commission</i>	:		bầu cử
2.2	<i>election</i>	:		bích chương
2.3	<i>councillor</i>	:		bầu cử Liên bang
2.4	<i>leader</i>	:		bầu cử Tiểu bang
2.5	<i>poster</i>	:		Thượng viện
2.6	<i>to be naturalized</i>	:		Hạ viện
2.7	<i>Federal election</i>	:		lãnh tụ
2.8	<i>City Council</i>	:		nhập quốc tịch
2.9	<i>State election</i>	:		Ủy ban bầu cử
2.10	<i>House of Representatives</i>	:		ngị viên
2.11	<i>Senate</i>	:		Hội đồng thành phố

3. Đọc tài liệu sau đây:

CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN

Hiến pháp Úc đã đưa ra những luật lệ căn bản trong việc cai trị nước Úc. Những luật lệ này quy định cơ cấu hoạt động của Quốc hội Liên bang, quyền lập pháp, quyền hành pháp, hệ thống tư pháp và mối quan hệ giữa liên bang và các tiểu bang ở Úc.

QUỐC HỘI LIÊN BANG

Quốc hội Liên bang Úc được thành lập năm 1901, bao gồm Thượng viện và Hạ viện. Mỗi tiểu bang, bất kể lớn nhỏ, đều có số thượng nghị sĩ bằng nhau. Ở Hạ viện thì số dân biểu của mỗi tiểu bang tùy thuộc vào dân số (mặc dù mỗi tiểu bang có tối thiểu 5 ghế).

Hiến pháp phân định quyền lực giữa Quốc hội Liên bang và Quốc hội Tiểu bang bằng cách nêu rõ những lãnh vực mà Quốc hội Liên bang có thể ra luật như: thuế vụ, tiền tệ, quốc phòng, ngoại vụ, thương mại, đại công ty, hôn thú và ly dị, kiểm dịch, cấp dưỡng và những dịch vụ xã hội khác, di trú, và phá sản.

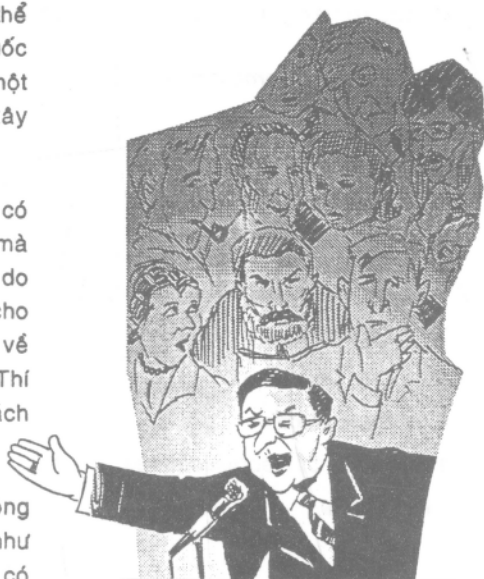
QUỐC HỘI TIỂU BANG

Quốc hội Tiểu bang có trách nhiệm soạn luật liên quan đến các lãnh vực như: diền thổ, cảnh sát, hình luật, giáo dục, y tế, đường sá, an toàn kỹ nghệ, giá cả, lợi tức và môi sinh.

Tuy nhiên, Quốc hội Liên bang có thể dùng quyền hành sẵn có - thí dụ về quốc phòng - để ra luật nhằm lấy đất xây một trung tâm huấn luyện quốc phòng hoặc xây đường sá vì mục đích quân sự.

Chính phủ Liên bang cũng có thể có một số ảnh hưởng trên những lãnh vực mà họ không có quyền trực tiếp ra luật. Lý do là Liên bang có quyền chi ngân quỹ cho các tiểu bang và có quyền đặt điều kiện về việc sử dụng những ngân khoản này. Thí dụ, chính phủ Liên bang trợ cấp ngân sách cho các đại học.

Chính phủ tiểu bang hoàn toàn không có quyền ra luật trong một vài lãnh vực như quan thuế, thuế gián thu và không được có lực lượng quân sự riêng.



Chính phủ Liên bang và Tiểu bang cùng chia xẻ trách nhiệm với nhau về vấn đề phá sản.

PHÂN QUYỀN

Có một số lãnh vực trong đó Chính phủ Liên bang và Tiểu bang cùng chia xẻ trách nhiệm với nhau như về hôn thú và ly dị, về vấn đề phá sản. Trường hợp luật lệ giữa Liên bang và Tiểu bang có sự mâu thuẫn thì luật của Liên bang phải được ưu tiên chấp hành.

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Chính quyền địa phương là những hội đồng phụ trách cấp thành phố và quận, huyện. Tại Úc có khoảng 830 chính quyền địa phương. Đứng đầu chính quyền địa phương được gọi là Thị trưởng (*Mayor*) hoặc Chủ tịch Huyện (*Shire President*) và một công chức gọi là *Town Clerk* chuyên trách các vấn đề hành chánh.

Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về việc xây dựng và sửa chữa đường sá, thiết lập công viên, thư viện, và các vấn đề vệ sinh và y tế. Chính quyền địa phương thu thuế thổ trạch (*rate*) trên bất động sản trong vùng để có chi phí điều hành guồng máy hành chánh và chi tiêu trong các dịch vụ.

4. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

4.1 Quốc hội Liên bang Úc gồm có mấy viện? Kể ra.

.....

4.2 Cho biết những lãnh vực mà Quốc hội Liên bang có thể soạn luật.

.....

4.3 Cho biết những lãnh vực mà Quốc hội Tiểu bang có thể soạn luật.

.....

4.4 Chính phủ Liên bang có ảnh hưởng gì không trên những lãnh vực mà họ không quyền ra luật? Tại sao?

.....

.....

4.5 Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về những lãnh vực nào?

.....

5. Viết chính tả bài sau đây:

CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN VÀ SỰ PHÂN QUYỀN

Sau khi được mẫu quốc Anh trao trả độc lập, các cựu thuộc địa tại Úc châu đã hội họp với nhau và cho ra đời bản Hiến pháp Liên bang năm 1901. Qua bản hiến pháp này, 6 cựu thuộc địa nhượng một số quyền hành của mình cho Liên bang và trở thành tiểu bang của Liên bang Úc.

Mỗi tiểu bang sau đó vẫn giữ lại sự độc lập của mình trên tất cả các lãnh vực ngoại trừ những quyền hạn đã nhượng cho Liên bang.

Cơ chế cao nhất trong chính quyền tại các tiểu bang cũng như Liên bang là Quốc hội. Liên bang có Quốc hội Liên bang gồm 2 viện: Thượng và Hạ viện. Các tiểu bang cũng có Quốc hội riêng gồm 2 viện như Liên bang, trừ tiểu bang Queensland chỉ có một viện mà thôi.

Theo chế độ đại nghị tại Úc, ngành tư pháp độc lập nhưng ngành hành pháp thì từ ngành lập pháp mà ra. Không có sự phân quyền rõ rệt giữa hành pháp và lập pháp.

Đứng đầu ngành hành pháp là thủ tướng do Hạ viện bầu và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Quốc hội. Do đó, người làm thủ tướng thường là lãnh tụ của đảng hay liên đảng có đa số ghế tại Hạ viện. Ngoài ra, chỉ có dân biểu mới "có thể" làm thủ tướng còn thượng nghị sĩ thì không.

Khi đi bầu, cử tri chỉ bỏ phiếu cho ứng cử viên mình chọn lựa tại đơn vị bầu cử của mình mà thôi. Cử tri không trực tiếp chọn lựa ai làm thủ tướng nhưng biết rõ ai sẽ là thủ tướng nếu đảng nào thắng cử. Vì vậy, trong đa số trường hợp, chính sách của đảng phái chính trị ảnh hưởng rất nhiều đến sự chọn lựa của cử tri. Đương nhiên cá nhân ứng cử viên cũng ảnh hưởng đến quyết định của cử tri.

Một trong những nguyên lý căn bản cho sự phân quyền trong tổng thống chế là nhằm ngăn chặn, kềm hãm sự lạm quyền của ngành hành pháp. Trong chế độ đại nghị như ở Úc, hành pháp lại do lập pháp bầu khiến người ta dễ dàng lo ngại sự độc đoán của ngành hành pháp. Trên thực tế, để kềm chế đảng đa số - tức đảng cầm quyền - Úc phải dùng một hình thức khác là đảng đối lập và cử tri. Vai trò của đảng đối lập là vai trò giám sát chính quyền tránh sự độc đoán, lạm quyền của đảng đa số. Cử tri sẽ thẩm định thành quả và chọn lựa đảng phái nào xứng đáng trong mỗi kỳ bầu cử. Đảng đối lập yếu, cử tri không sáng suốt sẽ đưa chính quyền đến chỗ độc tài. Vì vậy cử tri tại Úc phải thật sáng suốt để đừng "trao trứng cho ác".



6. Điền mẫu đơn ghi danh bầu cử dưới đây:

T Type	New SD	NIN	Date Received
EC	RVI	SA	VIC
COMMONWEALTH OF AUSTRALIA			
1 Surname of family name		Postcode	
All Christian or given names			
2 Residential Address			
3 Daytime phone number for contact (if convenient)		Crown allotment number	
Municipality		Postcode	
Crown parish name		6 Male ☐ Female ☐	
4 Postal address			
5 Occupation		8 Town of birth	
7 Date of birth		Day Month Year	
9 Country of birth		If you are an Australian citizen by naturalisation please supply the following details:	
10 I am an Australian citizen YES ☐ NO ☐		Date of naturalisation Day Month Year	
		Citizenship Certificate No.	
11 Former surname or family name		Postcode	
Former Christian or given names			
12 Former address			
DECLARATION			
I am eligible to enrol for Federal and Victorian elections.			
I declare that all the information I have given on this form is true and complete.			
Signature of applicant		Date Day Month Year	
WITNESS		I saw the applicant sign this form. I am satisfied that all statements in it are true.	
Signature of witness			
Name BLOCK LETTERS			
Address			



ELECTORAL ENROLMENT FORM



Application form to enrol to vote or to change your address in Federal (Commonwealth) and Victorian (State) elections.

Australian Electoral Commission AEC STATE ELECTORAL OFFICE

7. Dịch phần hướng dẫn điền mẫu đơn bầu cử dưới đây ra tiếng Việt:

How do I fill in the form?

These notes will help you fill in your enrolment form

**PLEASE USE BLOCK LETTERS AND
BLUE OR BLACK INK**

2 Please give full details to show your exact residential address.

Rural electors only. If you live in a rural area where there are no street numbers, please give sufficient information to identify your residence (see over*).

4 If your postal address is the same as the address shown at question 2, print "as above".

10 Answer YES or NO. Are you an Australian citizen?

11 If you have changed any part of your name since your last enrolment, show here the full name you previously used.

12 Fill this in only if you have moved since your last enrolment.

Please check the section "Am I eligible to enrol?" before you sign this declaration. You must sign this declaration in front of a person who is eligible to be on the Commonwealth of Australia or Victorian electoral roll.

This form must be witnessed by a person who is eligible to be on the Commonwealth of Australia or Victorian electoral roll and can sign their name in writing.

8. Từng nhóm 5 - 6 học sinh đọc, thảo luận và tóm tắt tài liệu sau đây, xong trình bày lại trước lớp:

Những điều cần biết về **QUYỀN CÔNG DÂN**



VẤN ĐỀ DÂN QUYỀN

Thường trú nhân tại Úc được hưởng những quyền căn bản giống như mọi công dân Úc, nhưng không được cấp thẻ thông hành, không được ứng cử hay bầu cử vào nghị viện.

Các quyền tự do căn bản:

Các quyền tự do căn bản như tự do cá nhân, tư tưởng, ngôn luận, tín ngưỡng v.v... đều được bảo vệ theo luật phổ thông, nghĩa là luật pháp mặc nhiên công nhận những dân quyền này là đã có sẵn nên chỉ ghi lại những trường hợp những quyền này bị hạn chế. Những quyền này được luật pháp quy định một cách rõ ràng và cụ thể hơn, như quyền lập gia đình ở một hạn tuổi nào đó, quyền tự do hội họp...

Dân quyền được bảo vệ ra sao?

Thường trú nhân tại Úc cũng như công dân Úc bất cứ lúc nào cũng có thể xin tòa án ra quyết định để bảo vệ dân quyền của mình. Dân quyền được luật pháp bảo vệ thông qua các tòa án, thủ tục kháng cáo, các dân biểu, tổng thanh tra, hay báo chí. Tuy nhiên, sự bảo vệ này thường mạnh trên lý thuyết hơn là trên thực tế, thí dụ việc hầu tòa thường rất tốn kém cho mọi người.

QUYỀN BẦU CỬ

Các chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương đều do dân bầu. Việc bầu cử được thực hiện theo thể thức bỏ phiếu kín. Công dân Úc từ 18 tuổi trở lên và thần dân của Anh quốc đã sống tại Úc được 6 tháng đều phải đi bầu. Việc bầu cử tiểu bang và địa phương có khác nhau tùy theo luật pháp của từng tiểu bang. Thổ dân không bị bắt buộc phải đi bầu.

Ghi danh bầu cử:

Phải điền một mẫu đơn ghi danh bầu cử có sẵn tại các bưu điện và gửi đơn này đến Văn phòng Ủy ban Bầu cử. Tại một vài tiểu bang, bạn có thể phải điền tới hai mẫu đơn, một cho bầu cử liên bang và một cho tiểu bang.

Bỏ phiếu ở đâu và như thế nào?

Việc bỏ phiếu được tổ chức tại các phòng phiếu thường được đặt tại các trường học địa phương hay tòa thị sảnh. Văn phòng Ủy ban Bầu cử có thể hướng dẫn bạn cách điền phiếu và cung cấp cho bạn những bản chỉ dẫn bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau.

Bỏ phiếu cho ai?

Muốn bầu cho ứng cử viên xứng đáng, bạn phải tìm hiểu về ứng cử viên qua báo chí, tìm hiểu về các đảng phái chính trị và dự những buổi họp công khai do đích thần ứng cử viên đến nói chuyện.

TƯ CÁCH CÔNG DÂN

Công dân Úc có một số dân quyền mà thường trú nhân không có, thí dụ như quyền bầu cử và ứng cử, xin cấp thẻ thông hành, xin

xuất ngoại mà không phải xin chiếu khán nhập cảnh, xin việc làm tại một số công sở.

Ngoài việc bầu cử, công dân Úc còn có những bốn phần khác đối với đất nước như bảo vệ nước Úc khi cần, gia nhập bồi thẩm đoàn nếu được yêu cầu.

Làm sao có được tư cách công dân?

Phải sinh trưởng tại Úc hay có cha mẹ là công dân Úc. Cũng có những trường hợp ngoại lệ để được hưởng tư cách công dân. Thường phải hội đủ những điều kiện cư ngụ, hạnh kiểm, và biết nói một ít tiếng Anh (ngoại trừ người già và người phôi ngẫu của một công dân). Kết hôn với người Úc không phải là điều kiện đương nhiên để trở thành công dân Úc.

Muốn biết thêm chi tiết, có thể hỏi Bộ Di trú và Sắc tộc Sự vụ.

Có thể bị mất quyền công dân không?

Chính phủ Liên bang có thể tước quyền công dân của một người nhưng điều này ít khi xảy ra. Có thể bị mất quyền công dân nếu bạn trở thành công dân của một nước khác, nhưng nếu vì kết hôn mà trở thành công dân một nước khác thì vẫn còn tư cách công dân Úc.

Song tịch:

Úc không khuyến khích một người có hai quốc tịch. Khi đã thành công dân Úc, bạn phải khước từ quốc tịch thứ nhất. Tuy nhiên, việc mất tư cách công dân quốc gia thứ nhất hay không còn tùy thuộc vào luật pháp của quốc gia đó. Đôi khi không thể viện dẫn lý do là công dân Úc để được che chở, nếu bạn trở lại quốc gia cũ.

VẤN ĐỀ KỶ THỊ CHUNG TỘC

Bạn có thể nhờ luật pháp can thiệp khi thấy mình bị đối xử bất công vì lý do kỳ thị chủng tộc.

Những đạo luật nào có thể bảo vệ bạn?

Bạn có quyền yêu cầu tòa án can thiệp bằng cách ra lệnh cho người đã đối xử bất công với bạn phải làm gì, không được làm gì, hoặc phải bồi thường cho bạn. Bạn cũng có thể khiếu nại với người có quyền kiểm soát kẻ đã có những hành động kỳ thị đối với bạn.

Chính quyền có những quyền hạn gì?

Ủy hội Nhân quyền phụ trách mọi vấn đề liên quan tới luật pháp Liên bang. Quyền hạn của Ủy hội này cũng ở mức hạn chế. Ủy hội sẽ tìm cách dàn xếp hai bên và cấp giấy chứng nhận để bạn đưa vấn đề ra tòa. Chính phủ Liên bang dự định đưa ra những đạo luật mạnh mẽ hơn trong tương lai, như một "đạo luật dân quyền".

Kháng cáo như thế nào?

Muốn kháng cáo một vấn đề gì liên quan đến kỳ thị chủng tộc, bạn có thể điện thoại hoặc viết đơn tới những văn phòng trung ương tại Canberra.

Muốn biết thêm chi tiết, có thể hỏi tại Ủy hội Nhân quyền (văn phòng trung ương tại Canberra, văn phòng tiểu bang tại New South Wales, Victoria và Tây Úc), Hội đồng chống kỳ thị NSW và Nam Úc, Ngành liên lạc công đồng của cảnh sát tiểu bang, Phòng chống kỳ thị (tại Victoria).



9. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

Đ	S
---	---

9.1 Người thường trú tại Úc được hưởng những quyền tự do căn bản như mọi công dân Úc.

--	--

9.2 Các quyền tự do căn bản ấy bao gồm tự do cá nhân, tự do tư tưởng, ngôn luận, tín ngưỡng...

--	--

9.3 Người thường trú cũng được cấp thẻ thông hành như công dân Úc.

--	--

9.4 Công dân Úc từ 18 tuổi trở lên không bị bắt buộc phải đi bầu.

--	--

9.5 Muốn đi bầu trước hết phải ghi tên vào danh sách bầu cử.

--	--

9.6 Di dân chưa nhập quốc tịch Úc cũng có quyền bầu cử và ứng cử.

--	--

9.7 Một em bé sinh ra ở Úc đương nhiên có quốc tịch Úc.

--	--

9.8 Chính phủ tiểu bang có thể tước quyền công dân Úc.

--	--

9.9 Khi bị đối xử bất công vì lý do kỳ thị chủng tộc, bạn có thể nhờ tòa án can thiệp.

--	--

10. Đọc và thảo luận về bài sau đây:

ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ TẠI ÚC

ĐẢNG LAO ĐỘNG

Đảng Lao Động Úc là đảng lâu đời nhất của Úc, được thành lập trước đảng Quốc Gia 20 năm và trước đảng Tự Do 45 năm. Từ năm 1890 đến năm 1899, nhiều đảng Lao Động riêng lẻ đã ra đời tại các tiểu bang. Những đảng này, được sự hỗ trợ mạnh mẽ của công đoàn, đã tham gia rất tích cực vào các phong trào chính trị tại Úc.

Trước ngày thành lập chính phủ Liên bang, các đảng Lao Động tại Tây Úc, Tasmania và Victoria hầu như yếu và thiếu liên kết. Khoảng năm 1900, những đảng Lao Động mạnh bắt đầu xuất hiện tại Queensland và New South Wales, nhanh chóng đảm nhận vai trò quan trọng trong nghị trường chính trị. Đảng Lao Động đầu tiên của Úc nắm chính quyền tại Queensland vào năm 1899 và chỉ tồn tại được 7 ngày. Mặc dù bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các công đoàn nhưng các đảng Lao Động mới này không chỉ phục vụ cho các nghiệp đoàn mà thôi. Những chương trình chính trị đầu tiên của các đảng này cho thấy họ đã cố gắng tìm kiếm sự ủng hộ của các chủ nông trại, giới tiểu thương, những công nhân không gia nhập nghiệp đoàn, bao gồm những

người làm việc văn phòng và các công chức. Về bản chất, từ khi được thành lập, đảng Lao Động là một đảng hành động và thực dụng, nhắm đến những lợi ích kinh tế và xã hội. Đảng kêu gọi sự tham gia rộng rãi của quần chúng vào những mục tiêu có giới hạn, và điều này đã làm cho các đảng đối lập không ngừng chỉ trích đảng Lao Động là một đảng cực đoan.



J.C. Watson

Đảng Lao Động Úc tham gia vào sinh hoạt chính trị liên bang tại các cuộc tuyển cử liên bang đầu tiên vào năm 1901, khi 16 dân biểu và nghị sĩ được bầu vào Hạ viện và Thượng viện. Các dân biểu, nghị sĩ này đã nhóm họp trước kỳ họp thứ nhất của Quốc hội vào ngày 8 tháng 5 năm 1901 và đã đồng ý thành lập Đảng Lao Động Liên bang. J.C. Watson, một chủ nhà in tại Sydney và nguyên là dân biểu của Quốc hội New South Wales, được bầu làm lãnh tụ đầu tiên của đảng.

ĐẢNG TỰ DO

Đảng Tự Do tại Úc được thành lập vào ngày 16 tháng 10 năm 1944, sau 3 ngày hội nghị do Robert Menzies triệu tập tại Canberra. 80 đại biểu có mặt tại hội nghị đại diện cho 18 tổ chức chính trị và nhiều cơ quan, tất cả đều đối lập với đảng Lao Động. Menzies, lúc đó là lãnh tụ của đảng Liên Hiệp Úc, tin tưởng rằng đã đến lúc một lực lượng chính trị mới cần xuất hiện tại Úc, một lực lượng tranh đấu cho tự do cá nhân và những chính sách cấp tiến khác.

Hội nghị này đã tán đồng những mục tiêu rộng lớn và quyết định cần phải có một tổ chức liên bang và mỗi chi nhánh (bây giờ gọi là phân khu) tại mỗi tiểu bang, một hội đồng liên bang và một ban chấp hành liên bang. Hội nghị lần thứ hai của đảng tại Albury đã chấp nhận nguyên tắc điều hành (hiến pháp) liên bang của đảng Tự Do.

5 năm sau ngày được thành lập, vào ngày 10 tháng 12 năm 1949, đảng Tự Do kết hợp với đảng Quốc Gia đã được bầu điều hành chính quyền liên bang và nắm giữ chính quyền trong một thời gian kỷ lục là 17 năm. Đảng chỉ ở vị thế đối lập trong một khoảng thời gian ngắn 3 năm, giữa năm 1972 và 1975, sau đó nắm lại chính quyền vào tháng 12 năm 1975. Thắng lợi đầu tiên của đảng Tự Do tại các tiểu bang xảy ra vào năm 1947, khi đảng này nắm chính quyền tại Tây Úc, Nam Úc và Victoria. Tuy nhiên, phân khu của đảng tại tiểu bang New South Wales vẫn giữ vị thế đối lập mãi cho đến năm 1965, dưới quyền lãnh đạo của Robert Askin, đảng liên hợp với đảng

Quốc Gia, chiếm giữ một ghế để thắng cử. Liên minh hai đảng đã nắm giữ chính quyền liên tục 11 năm cho đến khi bị đánh bại với một tỉ số khít khao vào năm 1976.

11. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: *biểu quyết, trung thành, Quốc hội, giá trị, quốc gia, lãnh tụ, nhân loại, Nội các, nhân dân, việc nước, đại biểu, chuyên chế.*

CHÍNH THỂ

Xưa kia, dưới chính thể quân chủ , nhà vua nắm trọn quyền hành về mọi mặt, tự ý định đoạt Nhưng rồi theo trào lưu tiến hóa của nhân loại, chế độ độc đoán này đã phải nhường chỗ cho chính thể quân chủ lập hiến trong đó người dân có quyền bầu vào nghị viện để cùng vua điều khiển chính quyền. Vua tuy vẫn đứng đầu , nhưng quyền hành của vua được hiến pháp quy định và hạn chế, như hiện nay ở nước Anh và nước Nhật.

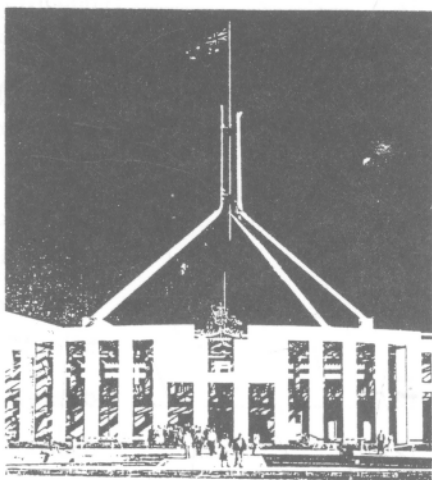
Ngày nay, đa số các nước trên thế giới đều theo chính thể cộng hòa: chủ quyền của quốc gia do đại biểu của nắm giữ. Có nước cộng hòa theo tổng thống chế như Hoa Kỳ, giao cho tổng thống quyền chỉ huy hành chính độc lập, tự ý lựa chọn các bộ trưởng và không chịu trách nhiệm đối với Quốc hội.

Tại các nước dân chủ, dân có quyền bầu đại biểu của mình vào

Cuộc tuyển cử tự do chỉ có khi các cử tri đều sáng suốt chọn mặt gửi vàng, bầu người xứng đáng đại diện cho mình để điều khiển việc nước.

Tại các nước cộng hòa theo tổng thống chế như Hoa Kỳ, đứng đầu là tổng thống do toàn dân bầu ra để sử dụng quyền hành pháp. Tổng thống là vị chính trị tối cao của cả nước. Tổng thống vừa là quốc trưởng, vừa là thủ tướng: tổng thống bổ nhiệm các bộ trưởng và thứ trưởng, thành lập để điều khiển guồng máy quốc gia.

Ở các nước dân chủ, Quốc hội nắm quyền lập pháp. Trong các phiên họp, Quốc hội thường tranh luận rất sôi nổi về các vấn đề trước khi



Quốc hội Úc - Canberra

Tại một số nước, chỉ có một đảng nắm trọn quyền hành. Trái lại, ở một số nước khác, thường có hai hoặc nhiều đảng tham chính. Đường lối chính trị của một chính đảng được nêu rõ trong đảng cương. Đảng viên nào tuyệt đối với đảng cương và triệt để tuân hành những quyết nghị của Ban Chấp hành mới là đảng viên trung kiên. Trước khi gia nhập một chính đảng, ta cần phải suy xét xem đảng ấy có tranh đấu cho quyền lợi tối cao của tổ quốc hay chỉ nhằm phục vụ tham vọng của một nhóm người đầu cơ chính trị.

12. Chọn và viết lại từ thích hợp ở B trước mỗi câu định nghĩa ở A.

A

- 12.1 : hình thức chính trị, cách thức tổ chức một quốc gia.
- 12.2 : chính thể trong đó vua độc đoán, nắm trọn quyền hành về mọi mặt.
- 12.3 : chính thể trong đó vua đứng đầu quốc gia, nhưng quyền của vua được hiến pháp quy định và hạn chế, như ở nước Nhật.
- 12.4 : chính thể một nước không có vua, chủ quyền quốc gia do đại biểu của nhân dân nắm giữ, như ở nước Pháp.
- 12.5 : người đứng đầu một nước, nắm trọn quyền hành trong tay mình và điều khiển việc nước theo ý riêng của mình.
- 12.6 : chế độ chính trị giao cho tổng thống quyền chỉ huy hành chính độc lập, tự ý chọn lựa các bộ trưởng và không chịu trách nhiệm trước Quốc hội, như ở Hoa Kỳ.
- 12.7 : bản văn quy định việc tổ chức chính quyền quốc gia và quyền lợi, nhiệm vụ của người công dân.
- 12.8 : cơ quan trung ương tối cao của chính phủ gồm có các bộ do tổng trưởng hay bộ trưởng điều khiển.
- 12.9 : đường lối chính trị của một đảng.
- 12.10 : đoàn thể của những người cùng đường lối chính trị kết hợp với nhau tranh đấu để thực hiện chủ trương chung.

- 12.11 : hỏi ý kiến nhân dân bằng cách phổ thông đầu phiếu về một vấn đề hệ trọng đến quốc gia.
- 12.12 : cơ quan gồm những đại biểu của toàn dân trong một nước dân chủ, thường giữ quyền lập pháp; cùng nghĩa với nghị viện.



- | | |
|-----------------------|---------------------|
| - tổng thống chế | - quân chủ lập hiến |
| - hiến pháp | - Quốc hội |
| - chính thể | - trung cấu dân ý |
| - quân chủ chuyên chế | - chính đảng |
| - nhà độc tài | - đảng cương |
| - cộng hòa | - Nội các |

13. Trả lời các câu hỏi sau đây:

13.1 Chính thể quân chủ chuyên chế và quân chủ lập hiến khác nhau ra sao?

.....

13.2 Ngày nay, đa số các nước trên thế giới theo chính thể nào?

.....

13.3 Thế nào là tổng thống chế?

.....

13.4 Tại các nước dân chủ, người dân có quyền gì?

.....

13.5 Nhiệm vụ của cử tri khi đi bầu là gì?

.....

13.6 Tại các nước theo tổng thống chế, tổng thống có quyền gì?

.....

13.7 Nội các gồm có những ai?

13.8 Quốc hội nắm quyền gì?

13.9 Trước khi gia nhập một chính đảng, ta phải suy xét những vấn đề gì?

14. Từng học sinh đọc đoạn văn sau đây. Chú trọng đến dấu chấm câu.

XÂY DỰNG DÂN CHỦ

Luật lệ không thể bao gồm mọi hình thái của đời sống. Bản văn hiến pháp không tạo ra dân chủ. Dân chủ chỉ phát triển ở nơi mà tinh thần và ý chí của nhân dân có những điều kiện thuận tiện: Dân chủ là một chế độ đạo đức chỉ phát triển nếu quan niệm thiện ích ăn sâu trong nhân dân và chính quyền.

Ta cần phải kiến tạo tinh thần yêu chuộng công ích, trọng danh dự và thể diện quốc gia, đức liêm khiết và chính trực; ta cần phải rèn luyện tinh thần hy sinh, óc kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, sự nhả nhận trong việc giao thiệp, và tỏ ra biết tự trọng và trọng người khác.

Nói một cách khác, ta cần phải đề cao chữ Thành và chữ Tín của đạo nghĩa cổ truyền. Thành là chân thành về trí cũng như đức, là nhận rõ bốn phận của mình đối với tạo hóa, với tổ quốc, với đồng loại và bản thân. Tín là can đảm và chân thật làm tròn bốn phận của mình, dù khó khăn đến đâu cũng không nản. Mỗi người nhận rõ bốn phận của mình về mọi mặt, làm tròn bốn phận ấy thì sẽ gây nên trong xã hội niềm tin tưởng, lòng tín nhiệm, là những điều kiện cần thiết để cho dân chủ có thể sinh hoạt, nảy nở.

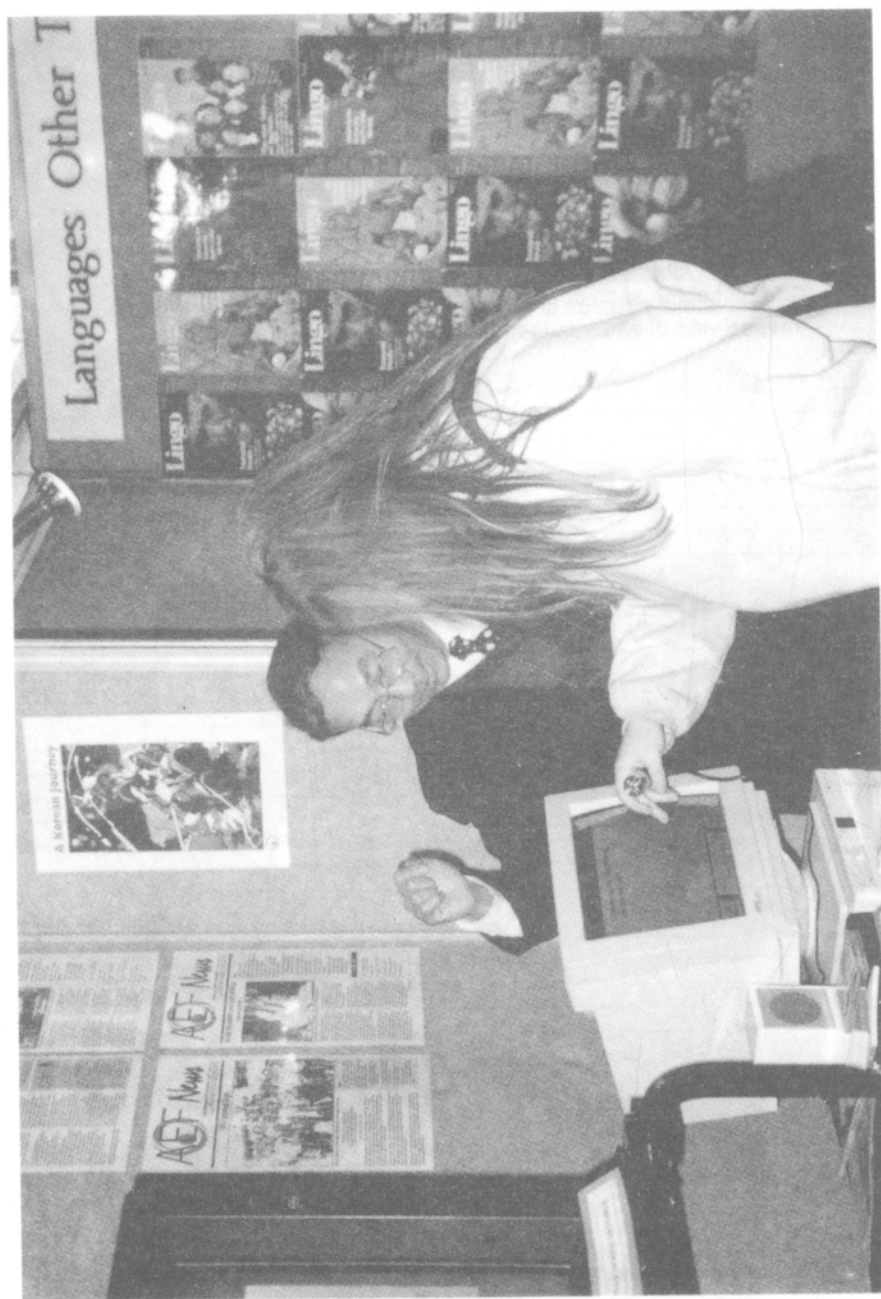


Vua Trần Nhân Tông triệu tập Hội nghị Diên Hồng vào năm 1283 để ương cầu dân ý.

15. Viết một bảng hướng dẫn cho một người Việt mới nhập quốc tịch Úc tham dự bầu cử. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- Xin đơn ghi danh bầu cử ở đâu?
- Phải tham gia những cuộc bầu cử nào?
- Không đi bầu có bị phạt không?
- Phòng phiếu thường được đặt ở đâu?
- Cho biết cách điền phiếu bầu cử.
- Muốn bầu cho ứng cử viên xứng đáng, ta phải làm gì?
- Ở Úc có mấy đảng phái chính trị lớn?
- Cho biết chính sách của mỗi đảng.
- Tại sao việc đi bầu vừa là một bổn phận vừa là một quyền lợi?

[illegible]



◉ Học tiếng Việt bằng những phương tiện kỹ thuật hiện đại

1. Đọc lớn bài sau đây:

PHỤ NỮ VIỆT NAM

Ngày xưa, phụ nữ Việt Nam thường theo khuôn mẫu tam tông tứ đức. Đây là khuôn mẫu của Nho giáo nên nhiều khi trái với văn minh và phong tục của người Việt Nam.

Chữ "tam tông" lấy từ câu "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử". Câu này có nghĩa là lúc ở nhà, phụ nữ phải theo cha, đến khi lấy chồng thì theo chồng và khi chồng chết thì phải theo con. Quan niệm này ngày nay đã đổi khác nhiều vì đã gây ra bao nhiêu sự bất công đối với phụ nữ Việt Nam.

Còn "tứ đức" là bốn đức tính cần có của phụ nữ. Đó là công, dung, ngôn, hạnh. *Công* là làm việc giỏi, đảm đang nội trợ, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc nuôi dạy con cái. *Dung* là vẻ đẹp: đẹp từ cách ăn mặc, vóc dáng đến cử chỉ điệu bộ, lời ăn tiếng nói. *Ngôn* là lời nói. Phụ nữ phải nói năng nhẹ nhàng, êm ái, rõ ràng, vui tươi. Lời nói phải đoan trang, không được vừa nói vừa cười lá lơi. Phụ nữ cũng không được nói to, quát tháo thô lỗ. *Hạnh* là tính nết. Phụ nữ phải nhu mì, khiêm tốn, luôn luôn hòa nhã với mọi người. Trong nhà, phụ nữ phải kính yêu chồng, thương con, đối xử tử tế với anh chị em họ hàng. Ngoài xã hội, phụ nữ phải biết kính trên nhường dưới, ôn tồn, khiêm tốn với mọi người.

Công, dung, ngôn, hạnh vốn là những khuôn mẫu có giá trị đối với phụ nữ Việt Nam.



2. Viết các từ tiếng Anh tương đương với các từ tiếng Việt sau đây:

- 2.1 khuôn mẫu :
- 2.2 tam tông :
- 2.3 tứ đức :
- 2.4 Nho giáo :
- 2.5 văn minh :
- 2.6 phong tục :
- 2.7 quan niệm :
- 2.8 sự bất công :
- 2.9 nhẹ nhàng :
- 2.10 đoan trang :

3. Từng nhóm 5 hay 6 học sinh thảo luận về nội dung bài đọc ở (1). Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

3.1 Tam tông là gì?

.....

3.2 Phụ nữ Việt Nam ngày nay có chấp nhận tam tông không? Tại sao?

.....

3.3 Tứ đức là gì?

.....

3.4 Theo bạn, quan niệm cho rằng phụ nữ phải có tứ đức còn thích hợp không?

.....

4. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: yếu đuối, dịu dàng, phụ nữ, thế giới, chiến đấu, anh thư, đánh giặc, con cái, đảm đang, thủy mị.

ĐẶC TÍNH CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

Hai đặc tính nổi bật của phụ nữ Việt Nam được người ta nhắc nhở đến nhiều nhất là: sự thủy mị và sự đảm đang.

Khác với phần đông Tây phương
thường tự nhiên, mạnh bạo trong ngôn ngữ và cử
chỉ, phụ nữ Việt Nam thường , có
phần e ấp. Ít khi họ nói to, cười to. Giọng nói và
tiếng cười của họ thường khẽ khàng. Mỗi khi e thẹn,
họ thường nghiêng đầu, dùng mái tóc hay chiếc nón
che mặt. Bước đi của họ khoan thai. Khi người phụ
nữ mặc áo dài, tính chất của họ
càng nổi rõ: chiếc áo bó gọn lấy thân hình làm tăng
thêm sự mảnh mai, đồng thời tà áo cứ bay phấp
phới trong gió càng làm tăng thêm nét thơ mộng.
Nhiều người Tây phương cho chiếc áo dài phụ nữ
Việt Nam mặc là một trong những y phục đẹp trên

Tuy nhiên, không nên hiểu sự thủy mị là một sự
..... . Thực tế, trong lịch sử cũng như trong
xã hội hiện nay, phụ nữ Việt Nam rất
Ngày xưa, chiến tranh triền miên, nam giới phần lớn
phải đi , bao nhiêu gánh nặng trong
cuộc sống đều oằn xuống đôi vai của phụ nữ. Họ
làm ruộng, buôn bán, nuôi dạy Ngay
trong thời bình, chồng ở nhà, họ cũng dành phần
gánh vác mọi việc để chồng có thì giờ học hành,
chờ khoa thi. Hình ảnh người chồng ngồi đọc sách
bên cô vợ đang cầm cúi quay tơ, dệt vải rất phổ biến
trong cuộc đời cũng như trong văn chương. Đôi khi,
đứng trước họa ngoại xâm, không nể hà hiểm nguy,
họ tham gia trong cả việc nữa. Trong
lịch sử Việt Nam không hiếm những tấm gương phụ
nữ kiên cường và bất khuất, được người đời sau tôn
thờ là những bậc Ngày nay, phụ
nữ Việt Nam, dù ở trong hay ở ngoài nước, vẫn giữ
được truyền thống tốt đẹp của mình. Lúc trẻ, họ chăm
chỉ học hành, phụ việc với cha mẹ; lúc lập gia đình,
một lòng cùng chồng làm ăn, nuôi dạy con cái.



5. Trong bài "Đặc tính của phụ nữ Việt Nam" có một số danh từ ghép được cấu tạo bởi từ "sự" và tính từ. Ví dụ: sự thủy mị.

5.1 Tìm trong bài 3 danh từ ghép tương tự và đặt câu với những từ này.

5.1.1

5.1.2

5.1.3

5.2 Tìm thêm 4 danh từ ghép tương tự khác (không có trong bài) và đặt câu với những từ này.

5.2.1

5.2.2

5.2.3

5.2.4

6. Trong tiếng Việt, ngoài cách cấu tạo nêu trên (5), danh từ ghép còn được ghép bởi các từ *niềm*, *việc*... với động từ hoặc tính từ. Ví dụ: niềm hy vọng, niềm vui, việc mua bán... Tìm 5 danh từ ghép tương tự với những ví dụ đã cho và đặt câu với những từ đó.

6.1

6.2

6.3

6.4

6.5

7. Viết chính tả bài sau đây:

Hình ảnh người phụ nữ trong ca dao Việt Nam

Hình ảnh người phụ nữ hiện ra trong ca dao trước hết là những người phụ nữ đảm đang. Họ phải tảo tần làm ăn, buôn bán để nuôi con và có khi phải nuôi cả chồng ăn học:

*Rương xe, chìa khóa em cầm
Giang sơn em gánh, nợ nần em lo.*

Dù cho chồng họ có thi hỏng, thất bại trên đường đời, họ vẫn sắt son, chung thủy:

*Chồng ta áo rách ta thương
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.*



Họ yêu chồng, cả trong cảnh lao động vất vả, nhọc nhằn:

*Qua đồng ngã nón thăm đồng
Đồng bao nhiêu lúa thương chồng bấy nhiêu.*

Và không hề so đo tính toán:

*Vợ chồng là nghĩa già đời
Ai đi chớ nghĩ những lời thiệt hơn.*

Có thể nói, một trong những hình ảnh nổi bật nhất của phụ nữ trong ca dao là hình ảnh của những con người dịu dàng, có tình, có nghĩa. Những con người sống trọn vẹn cho tình yêu, chấp nhận mọi sự khó khăn, gian khổ vì người mình yêu. Họ âm thầm, lặng lẽ đâu đó, trong một góc nhà, một mảnh vườn, một thửa ruộng, nhưng tâm hồn của họ mệnh mông và đẹp đẽ vô cùng. Chính vì vậy người Việt Nam từ xưa đến nay thường tự hào về họ. Niềm tự hào đó được thể hiện ở những cách nói chung chung như "Người Mẹ Việt Nam", "Người Vợ Việt Nam" hoặc rộng hơn, "Phụ Nữ Việt Nam". Cách nói này ngụ ý: người mẹ, người vợ hoặc người phụ nữ Việt Nam nói chung có một số đặc tính riêng mà những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ ở các nước khác không có hay chỉ có một cách mờ nhạt, không đậm nét bằng.

8. Đọc bài sau đây và viết ra 5 điểm quan trọng để thảo luận trong lớp.

VẤN ĐỀ NỮ QUYỀN

Nhìn lại hình ảnh phụ nữ Việt Nam trong lịch sử, trong ca dao, chúng ta phát hiện ra nhiều vẻ đẹp đáng quý. Tuy nhiên, không nên quên những khổ nhục mà họ đã phải chịu đựng. Những khổ nhục ấy không phải là ít.

Điều khổ nhục đầu tiên là họ không có quyền gì cả. Ngay trong hôn nhân, chuyện quan trọng liên quan đến cả cuộc đời của họ, họ cũng không có quyền quyết định:

*Thân em như quả xoài trên cây
Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc,
Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành
Một mai vô tình rụng xuống, biết vào tay ai?*

Lập gia đình, với họ, nhiều khi chỉ là một khổ nạn. Giữa họ và chồng họ không hề có tình yêu hay sự cảm thông nào cả. Hơn nữa, trong một xã hội trọng nam khinh nữ, mặc dù đã phải làm việc vất vả nuôi chồng nuôi con, có khi họ còn bị chồng hay cha mẹ chồng hắt hủi, đánh đập tàn nhẫn. Chồng họ có quyền có "năm thê bảy thiếp", họ thì phải suốt đời chung thủy, chính chuyên.

Nhân phẩm của phụ nữ không những bị chà đạp trong gia đình mà còn bị chà đạp ngoài xã hội nữa. Phụ nữ không được đi học, đi thi. Phụ nữ không được tham gia ý kiến vào bất cứ một công việc chung nào của cộng đồng. Họ không được giữ chức vị nào trong chính quyền. Hiện tượng một số phụ nữ do cha truyền con nối hoặc do các thủ đoạn chính trị lên cầm quyền ngày xưa chỉ là những hiện tượng hiếm hoi.

Những bi kịch trên không phải chỉ xảy ra tại Việt Nam mà hầu như ở khắp nơi trên thế giới trước thế kỷ 20. Điều này dẫn đến cuộc tranh đấu sôi nổi và dai dẳng của giới phụ nữ trong suốt nửa sau thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Những cuộc tranh đấu ấy được gọi chung là phong trào nữ quyền. Mục tiêu chính của phong trào nữ quyền là chống lại sự kỳ thị phái tính, đòi hỏi mọi người phải công nhận và phải tôn trọng quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong tất cả các lãnh vực. Trong phạm vi gia đình, cảnh "chồng chúa vợ tôi" cần phải chấm dứt. Vợ và chồng bình đẳng với nhau, yêu thương và kính trọng nhau. Trong phạm vi xã hội, phụ nữ có



quyền tham gia vào bất cứ công tác hay chức vụ nào họ có khả năng. Phụ nữ có quyền bầu cử và ứng cử ở mọi cấp chính quyền.

Nhờ phong trào nữ quyền, rõ ràng là xã hội ngày nay trở nên bình đẳng hơn và, do đó, nhân đạo hơn. Không còn cảnh ngay trong gia đình mà cũng có một bên trọng, một bên khinh, bên này chà đạp lên tự do và nhân phẩm của bên kia. Đã có một số phụ nữ nắm giữ chức vụ quan trọng trong chính quyền, trong các tổ chức xã hội. Việc phân công trong gia đình cũng hợp lý hơn: vợ chồng chia xẻ trách nhiệm với nhau trong mọi công việc. Dĩ nhiên một số thành kiến cũ về vấn đề kỳ thị nam nữ vẫn còn rói rớt đây đó, nhưng những thành kiến như vậy không nhiều và chắc chắn là dần dần sẽ bị đào thải với thời gian.

- 8.1
- 8.2
- 8.3
- 8.4
- 8.5

9. Viết một câu chuyện (từ 300 đến 400 chữ) liên quan đến vấn đề bất bình đẳng giữa nam và nữ đã xảy ra trong xã hội Việt Nam xưa hoặc nay, xong trình bày trước lớp. Dưới đây là một hình ảnh gợi ý.



10. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Loan và chị Trang. Loan và gia đình qua Úc đã 10 năm còn chị Trang mới được chống bảo lãnh từ Việt Nam qua cách đây 4 tháng.

Loan : *A! Chị Trang. Chị có nhận ra em không?*

Chị Trang : *Sao lại không nhận ra? Em không thay đổi gì nhiều. Em qua Úc lâu rồi, phải không?*

Loan : *Vâng, mới đó mà đã được 10 năm. Còn chị, chị qua hồi nào vậy?*

Chị Trang : *Chị mới qua chưa đầy 4 tháng.*

Loan : *Chị qua theo diện nào?*

Chị Trang : *Diện đoàn tụ gia đình. Chống chị bảo lãnh.*

Loan : *Chị mới qua đã làm gì chưa?*

Chị Trang : *Bây giờ chị đang học tiếng Anh. Tiếng Anh của chị còn dở, đi đâu cũng phải nhờ chống đưa đi và... làm thông dịch, làm sao xin việc làm được?*

- Loan : Từ từ thôi chị ơi. Hồi em mới qua cũng vậy, không có cách gì tìm được việc làm. Lúc đó, em lại còn có con nhỏ, bao nhiêu là khó khăn.
- Chị Trang : Bây giờ, em đang làm việc gì?
- Loan : Em đang làm ở ngân hàng. Em học tiếng Anh 2 năm, sau đó phải học lại Đại học để lấy bằng Cử nhân ở Úc rồi em mới xin việc làm.
- Chị Trang : Vậy thì con cái ai giữ?
- Loan : Con em được giữ miễn phí ở nhà trẻ của trường trong suốt 2 năm em học tiếng Anh. Đến khi em học Đại học, em vẫn tiếp tục gửi cháu ở nhà trẻ một thời gian, nhưng lúc ấy em phải trả một phần lệ phí còn bao nhiêu chính phủ trợ giúp. Từ khi cả hai vợ chồng em đều đi làm, con em đi học, em gửi cháu ở chương trình giữ trẻ sau giờ học và đón cháu về lúc 5 giờ rưỡi. Bây giờ em đang phải trả toàn bộ lệ phí. Năm sau, cháu lên trung học, có thể tự đi bộ từ trường về nhà, em cũng đỡ phải lo.
- Chị Trang : Cả hai vợ chồng cùng đi làm, ai lo cơm nước cho?
- Loan : Đi làm về, cả hai vợ chồng chui vào bếp nấu ăn. Hôm nào tụi em mệt quá, vợ chồng con cái dẫn nhau ra ăn tiệm thôi.
- Chị Trang : Chắc hôm nào chị nhờ em hướng dẫn thêm cho chị mau quen với cuộc sống bên này.
- Loan : Được chứ. Em sẵn sàng. Chị cho em số điện thoại và địa chỉ, cuối tuần em mời anh chị lại nhà em chơi.



11. Trong bài đàm thoại trên có câu "Chị có nhận ra em không?". Trong tiếng Việt, các phụ từ *ra*, *được* đặt sau động từ để biểu thị ý nghĩa của hành động. Đặt 2 câu với mỗi phụ từ trên. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: - Nếu đã hiểu thì hãy nói ra cho mọi người biết.
- Chị Trang mới nhận **được** giấy bảo lãnh của chồng.

11.1

11.2

11.3

11.4

12. Đọc bài tường trình sau đây:

NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM TẠI ÚC

Để thích ứng với cuộc sống mới, phụ nữ Việt Nam tại Úc phải đối diện với nhiều khó khăn trong gia đình, và nhất là ngoài xã hội. Khi bắt đầu đi làm, họ thường gặp phải những trở ngại sau đây:

1. **Phương tiện di chuyển:** Phần lớn phụ nữ Việt Nam đều đến sở làm bằng các phương tiện di chuyển công cộng. Việc đón xe làm họ phải mất nhiều thì giờ và gặp nhiều điều bất tiện, đó là chưa kể khi tài xế đình công, khi gặp trời mưa trời gió...

2. **Thiếu kinh nghiệm và khả năng làm việc chuyên môn:** Có rất nhiều phụ nữ chưa từng làm những công việc đòi hỏi kinh nghiệm và tay nghề cao khi ở Việt Nam. Do đó, trong thời gian đầu đi làm tại Úc, họ không có đủ khả năng am hiểu cách sử dụng các loại máy móc. Theo bản thống kê trong một bài thuyết trình năm 1991 của ông Sauro Antonelli, Giám đốc điều hành Văn phòng Bộ Sắc tộc, có đến 76.2% phụ nữ Việt Nam không có bằng cấp hoặc nghề nghiệp chuyên môn.

3. **Cơ hội tham gia các khóa huấn luyện tại sở:** Việc tham dự các khóa huấn luyện và thăng chức trong nghề nghiệp của phụ nữ Việt Nam nói chung thường hiếm hoi. Báo *Việt Luận* số ra ngày 10 tháng 3 năm 1992, trong bài "Vị thế của phụ nữ Việt Nam tại Úc" đã viết: "Đối với những phụ nữ Việt Nam hiện đang làm việc tại các công sở, cơ hội lên chức của họ kém xa so với nam giới vì họ không có thì giờ và điều kiện

để đầu tư tâm lực vào công việc như tham dự các khóa học tại sở; họ cũng không có thì giờ để giao tế ngoài xã hội để tạo được những thế lực ủng hộ cá nhân. Do đó, tại sở, họ có cảm giác bị cô lập và chỉ đến đó vì công việc mà thôi.

4. Tiếng Anh: Khó khăn lớn nhất của phụ nữ Việt Nam khi đi làm là tiếng Anh. Bức tường ngôn ngữ hầu như ngăn trở tất cả những gì họ muốn nói. Họ không có thì giờ tham gia các khóa học tiếng Anh vì phần lớn đã có gia đình và bận bịu với con nhỏ. Cũng theo bản thống kê trong bài thuyết trình của ông Sauro Antonell, có 50.6% phụ nữ Việt Nam không rành tiếng Anh.



Mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn trong xã hội mới, nhưng nhờ đảm đang, cần cù và chịu khó, phụ nữ Việt Nam đều cố gắng vượt qua được những khó khăn để ổn định cuộc sống, nhanh hay chậm tùy từng trường hợp. Hiện nay, đa số phụ nữ Việt Nam tại Úc đều có một cuộc sống tốt đẹp.

13. Lấy một số điểm chính trong bài đàm thoại ở (10) và bài tường trình ở (12), viết một lá thư cho một người bạn sắp qua Úc biết về những khó khăn của phụ nữ Việt Nam khi mới đến Úc.

14. Đọc và thảo luận về bài báo sau đây:

Vị thế của phụ nữ Việt Nam tại Úc

Trong xã hội Úc, vị thế của phụ nữ được đề cao vì những lý do sau đây:

- Phụ nữ là trung tâm điểm của gia đình, là một trong những tác nhân chủ yếu mang lại hạnh phúc cho tất cả thành viên trong gia đình.

- Phụ nữ giữ vai trò quan trọng trong việc nuôi dạy con cái, góp phần đào tạo những công dân tương lai cho xã hội.

- Phụ nữ là người chủ yếu chăm sóc các thành viên kém may mắn trong gia đình: người tàn tật, bệnh hoạn...

Thực tế cuộc sống tại Úc cho thấy mỗi phụ nữ đã và đang đóng vai trò quan trọng cả trong gia đình lẫn ngoài xã hội.

Vì nhu cầu "có an cư mới lạc nghiệp" của người Việt, việc làm chủ một căn nhà được chúng ta quan tâm một cách đặc biệt. Để có thể đạt được điều đó, cả hai vợ chồng đều phải có công ăn việc làm.

Một số phụ nữ Việt Nam khi

mới đến định cư tại Úc đã bỏ qua những lớp học tiếng Anh vì giờ giấc đi học bất tiện, trùng với giờ họ phải đi đón con hoặc vì bận chăm sóc cha mẹ già... Từ đó, họ thường phải chấp nhận làm việc tại nhà, may hoặc giữ trẻ, với điều kiện làm việc kham khổ nhiều giờ liên tục, lại không hề được hưởng những phúc lợi những người đi làm khác được hưởng như nghỉ lễ, nghỉ bệnh...

Đối với những phụ nữ Việt Nam hiện đang làm việc tại các công sở, cơ hội lên chức của họ kém xa so với nam giới vì họ không có thì giờ và điều kiện để đầu tư tâm lực vào công việc như tham dự các khóa học tại sở; họ cũng không có thì giờ để giao tế ngoài xã hội để tạo được những thế lực ủng hộ cá nhân. Do đó, tại sở, họ có cảm giác bị cô lập và chỉ đến đó vì công việc mà thôi.

Tan sở, họ vội vã về nhà để làm tròn vai trò của người nội trợ. Đôi khi, vì phải làm quá

nhiều công việc trong một ngày, tâm lý họ trở nên căng thẳng, khiến dễ xảy ra những xung đột trong gia đình giữa vợ chồng với nhau.

Phụ nữ cũng thường bị dặt vào tình thế khó xử giữa gia đình và sự nghiệp. Nói chung, vì gia đình, họ hay bỏ lỡ nhiều cơ hội để tiến thân trong xã hội mới.

Có một số không nhỏ phụ nữ Việt Nam, vì mang nặng trách nhiệm gia đình, phải ở nhà để chăm sóc con nhỏ. Dần dần họ cảm thấy như bị cô lập, tù túng ở trong nhà do họ không đủ thì giờ và tiếng Anh để giao tiếp với thế giới bên ngoài.

Tóm lại, phụ nữ Việt Nam thường đặt quyền lợi của mình sau quyền lợi của các thành viên khác trong gia đình. Vì phải thực hiện hai vai trò cùng một lúc: nội trợ và đi làm, cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp cũng như cơ hội tìm được việc làm thích hợp của họ ít ỏi hơn, nhiều so với nam giới.

(theo *Viết Luận* số 10/3/1992)

15. Từng học sinh đọc bài sau đây và trả lời các câu hỏi:

NHỮNG BẠC ANH THƯ TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM



Chữ *anh thư* có nghĩa giống như chữ *anh hùng*. Nhưng người xưa thường phân biệt: *anh hùng* dùng cho nam giới; *anh thư* dùng cho nữ giới. Như vậy, *anh thư* là những người phụ nữ can đảm, bất khuất, tài trí, có nhiều công nghiệp đối với đất nước.

Những vị *anh thư* đầu tiên trong lịch sử Việt Nam là chị em bà Trưng, Trưng Trắc và Trưng Nhị. Đó là hai người đứng lên khởi nghĩa chống lại sự tàn bạo của Tô Định, tên quan nhà Hán cai trị Việt Nam thời bấy giờ. Khởi nghĩa thành công, hai bà lên làm vua trong ba năm. Mấy thế kỷ sau lại xuất hiện một vị *anh thư* lừng lẫy khác: bà Triệu Thị Trinh, thường được gọi là Triệu Ẩu. Bà Triệu có công khởi nghĩa chống lại quân Ngô đang chiếm nước ta. Bà còn để lại một câu nói nổi tiếng: *"Ta muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, cởi ách nô lệ chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người ta"*.

Hai bà Trưng cũng như bà Triệu được sự góp sức của nhiều vị *anh thư* khác. Tướng của mấy bà phần lớn là phụ nữ. Tại tỉnh Vĩnh Phú hiện nay còn nhiều đền thờ các nữ tướng dưới quyền hai bà Trưng như Lê Chân, Thánh Thiên, Thiếu Hoa...

Thế kỷ XII có Ý Lan, vợ vua Lý Thánh Tông, nổi tiếng về tài trị nước. Thế kỷ XIII có bà Trần Thị Dung, vợ của Trần Thủ Độ, cũng nổi tiếng về khả năng chính trị, giúp

chống giành ngôi vua từ tay nhà Lý về nhà Trần, sau đó tham gia tích cực vào cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Thế kỷ XIX có bà Bùi Thị Xuân nổi tiếng về sự khí khái: bà không hề tỏ ra sợ hãi khi bị kẻ thù hành hình.

Trong các cuộc chiến tranh sau này hầu như ở đâu cũng có những phụ nữ quyết cường, tạo được nhiều chiến công hiển hách. Như thế, phụ nữ đâu phải chỉ đắm đuối trong việc nội trợ mà còn có tài chống giặc và trị nước nữa.

Câu hỏi:

15.1 Thế nào là *anh hùng* và thế nào là *anh thư*?

.....

15.2 Cho biết công trạng của hai bà Trưng.

.....

15.3 Bà Bùi Thị Xuân nổi tiếng là người như thế nào?

.....

15.4 Kể thêm một vài người phụ nữ Việt Nam nổi tiếng và những đóng góp của họ.

.....

16. Đọc diễn cảm câu chuyện sau đây:

Một phụ nữ Việt Nam được giải thưởng giáo viên xuất sắc tại Hoa Kỳ

Người phụ nữ Việt Nam nhỏ bé, hay cười ấy là Trần Nguyên Hương, 41 tuổi, giáo viên giảng dạy tiếng Anh tại trường Cao đẳng Kỹ thuật ở Long Beach, tiểu bang California. Chị vừa được bầu là giáo viên xuất sắc của ngành giáo dục Hoa Kỳ trong năm 1994, kèm theo giải thưởng trị giá 25.000 đô-la và trường của chị cũng được giải thưởng 35.000 đô-la.

Là sinh viên Việt Nam du học về Anh ngữ tại Hoa Kỳ từ năm 1971, nhưng sau khi tốt nghiệp



Trần Nguyên Hương

trường trung học Sư phạm, chị đi xin việc thì bị một nữ giáo sư ở trường chị xin vào dạy, nhận xét: "Chị nên chọn một nghề khác. Khả năng Anh ngữ của chị, so với những người Hoa Kỳ, không phù hợp với nghề này".

Rất buồn về lời nhận xét đó nhưng Nguyễn Hương quyết tâm tìm cách đạt cho bằng được mục tiêu của mình. Chị học miệt mài ngày đêm, thường xuyên rèn kỹ năng nói và nghe tiếng Anh và cuối cùng đã xin được việc tại trường Cao đẳng Kỹ thuật nói trên.

Bây giờ, nhớ lại câu chuyện cũ, chị nói: "Sau khi nghe bà giáo bảo tôi nên chọn nghề khác, tôi lại càng muốn chứng tỏ với bà và với bản thân tôi rằng tôi sẽ đạt được mục tiêu do mình đề ra".

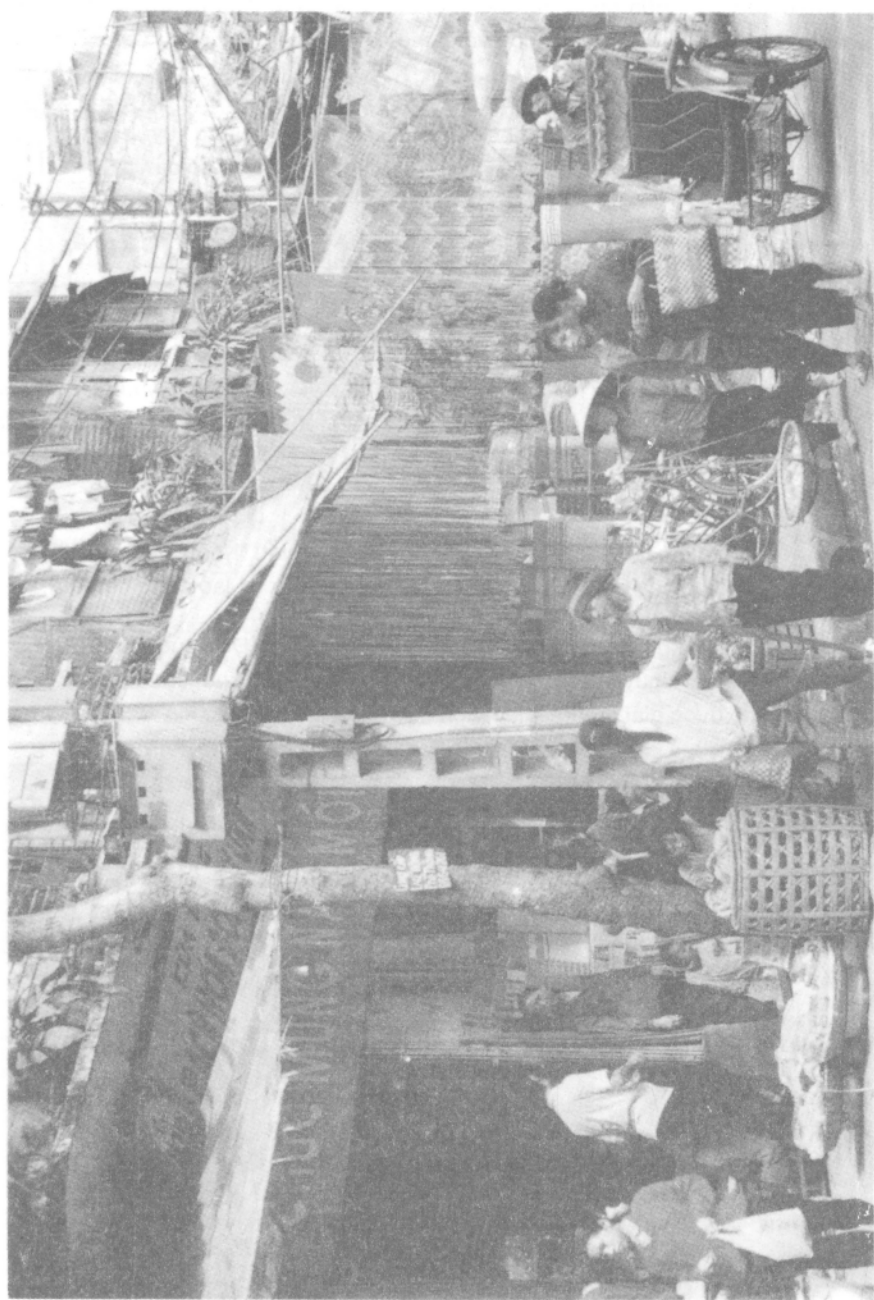
Và nhờ quyết tâm, ngày nay chị đã trở thành giáo viên chuyên dạy tiếng Anh cho những học sinh Việt Nam tại Hoa Kỳ. Chị nói: "Tôi muốn cho mọi học sinh, nhất là những học sinh gặp nhiều khó khăn, hiểu rằng chỉ có chăm học mới có thể tìm ra được những việc làm xứng đáng sau này".

Nói về nghề giáo, chị Trần Nguyễn Hương cười cho biết: "Không thể hy vọng học sinh chăm học nếu thấy giáo không chuẩn bị bài vở 110% và lao động cật lực".

Tại buổi lễ phát giải thưởng được tổ chức tại Hoa Thịnh Đốn cuối tháng 11 năm 1994 vừa qua, Trần Nguyễn Hương là một trong 36 giáo viên xuất sắc thuộc 12 môn học khác nhau, được giải thưởng giáo viên dạy giỏi ở Hoa Kỳ.



• Trường trung học Hai Bà Trưng



• Một khu phố Hà Nội

Các ngày lễ, Tết của người Việt

Vietnamese Festivals and Holidays



1. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

Đ	S
---	---

1.1 Các ngày lễ, tết của người Việt là:

- 1.1.1 Lễ Phật Đản
- 1.1.2 Lễ Giáng Sinh
- 1.1.3 Lễ Lao Động
- 1.1.4 Lễ Giỗ tổ Hùng Vương
- 1.1.5 Sinh nhật Nữ hoàng
- 1.1.6 Tết Nguyên Đán
- 1.1.7 Melbourne Cup
- 1.1.8 Tết Trung Thu
- 1.1.9 Anzac Day
- 1.1.10 Lễ Vu Lan
- 1.1.11 Good Friday
- 1.1.12 Boxing Day

1.2 Các thứ bánh đặc biệt trong dịp Tết Nguyên Đán là:

- 1.2.1 bánh bèo
- 1.2.2 bánh cuốn
- 1.2.3 bánh phồng tôm
- 1.2.4 bánh chưng
- 1.2.5 bánh da lợn
- 1.2.6 bánh tét
- 1.2.7 bánh bao
- 1.2.8 bánh xèo

1.3 Các loại hoa đặc biệt trong dịp Tết Nguyên Đán là:

- 1.3.1 hoa mai
- 1.3.2 hoa cúc
- 1.3.3 hoa lan
- 1.3.4 hoa đào
- 1.3.5 hoa vạn thọ
- 1.3.6 hoa sen
- 1.3.7 hoa dâm bụt
- 1.3.8 hoa hồng
- 1.3.9 hoa phượng

1.4 Tết Nguyên Đán là dịp để mọi người:

- 1.4.1 đánh bài
- 1.4.2 thăm viếng nhau
- 1.4.3 đi du lịch
- 1.4.4 chúc nhau những điều tốt đẹp
- 1.4.5 đi lễ chùa
- 1.4.6 đi lễ nhà thờ
- 1.4.7 đốt pháo
- 1.4.8 mừng tuổi nhau

2. Xem các thiệp Tết và đọc những lời chúc dưới đây, viết một thiệp chúc Tết để gửi cho một người bạn ở Việt Nam.

Nhân dịp
Tân Xuân
tinh chúc
Đồng Hương
t Năm Mới
An Khang
Thịnh Vượng



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hương thân,
Nhân dịp đầu năm, mến chúc Hương được mọi sự như ý.
Lan cũng chúc cả gia đình Hương được vui, khỏe.
Mến,
Lan

Season's Greetings

竹報平安
竹報平安

Chúc Tân Xuân



Chúc mừng năm mới

Happy
New
Year

Happy New Year



Mừng
Xuân
Mới

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Nhân dịp đầu xuân mới, chúng tôi
chân thành kính chúc quý thân chủ,
quý thân hữu, quý đồng hương và
quý quyến một năm mới vui tươi,
an khang, thịnh vượng và vạn sự như ý.





3. Đọc bài sau đây:

TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Chữ "tết" trong tiếng Việt do chữ "tiết", một từ Hán Việt, đọc trại ra. Nguyên nghĩa chữ "tiết" và chữ "tết" là để chỉ những ngày lễ định kỳ trong năm. Ngày xưa, ở Việt Nam cũng như ở Trung Hoa, một năm có nhiều ngày tết khác nhau: tết nguyên đán (đầu tháng giêng âm lịch), tết khai hạ (ngày bảy tháng giêng), tết thượng nguyên (ngày rằm tháng giêng), Tết hàn thực (ngày ba tháng ba), tết thanh minh (vào bất cứ ngày nào trong tháng ba), tết đoan ngo (mồng năm tháng năm), Tết trung nguyên (rằm tháng bảy), tết trung thu (rằm tháng tám), tết trùng cửu (mồng chín tháng chín), tết trùng thập (ngày mười tháng mười), tết hạ nguyên (ngày mồng một hoặc rằm tháng mười), và tết táo quân (ngày 23 tháng chạp). Về sau, một số ngày tết ở trên biến mất hoặc không còn phổ biến nữa. Chỉ còn lại ba cái tết được tổ chức quy mô, trọng thể: tết nguyên đán, tết trung nguyên và tết trung thu.

TẾT NGUYÊN ĐÁN

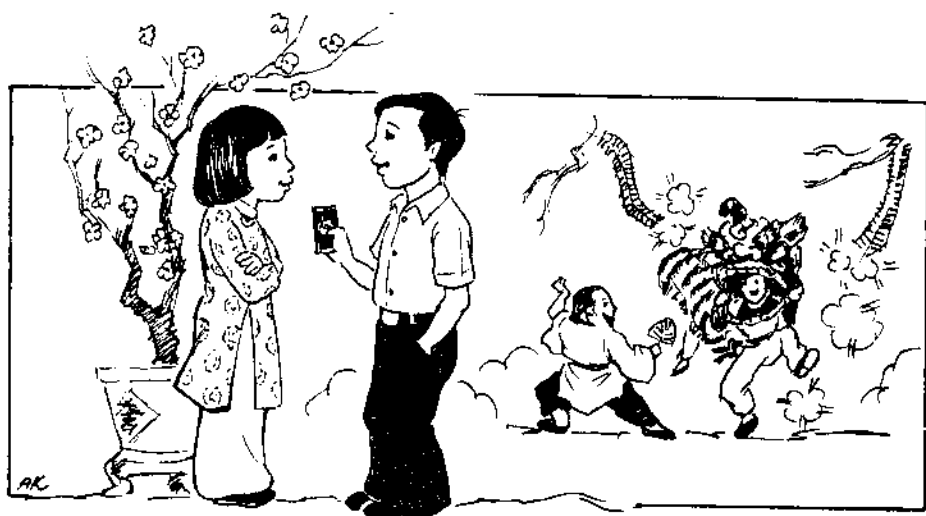
Tết Nguyên Đán được tổ chức vào đầu năm âm lịch. Không phải nước nào cũng thế. Tại châu Á, các nước Lào, Campuchia, Ấn Độ... ăn tết Nguyên Đán vào tháng tư, dựa theo tháng sinh hoặc ngày xuất gia của đức Phật Thích Ca. Chỉ có Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản và Triều Tiên là theo Âm lịch, chọn ngày đầu tiên của tháng giêng làm tết Nguyên Đán.

Tại Việt Nam, tết Nguyên Đán thường kéo dài nhiều ngày, có khi kéo dài cả tháng: "Tháng giêng ăn tết ở nhà". Sau, dần dần thu gọn lại trong ba ngày. Theo phong tục, ngày mồng một dành cho việc cúng gia tiên, chúc thọ và mừng tuổi giữa những người trong gia đình; ngày mồng hai dành cho việc thăm viếng, chúc tụng họ hàng, xóm giềng; ngày mồng ba dành cho việc chơi đùa, giải trí ngoài đình làng. Bởi vậy mới có câu ca dao:

Mồng một tụ họp chơi nhà

Mồng hai chơi ngõ, mồng ba chơi đình.

Tại Việt Nam, tết Nguyên Đán có nhiều ý nghĩa xã hội và văn hóa đặc biệt. Thứ nhất, đó là ngày con cháu, dù xa xôi đến mấy, cũng cố tề tựu về gia đình; Tết, do đó, có ý nghĩa như một ngày hội gia tộc. Thứ hai, mọi người trong thôn làng đi thăm viếng nhau, mừng tuổi nhau, xóa bỏ những giận hờn cũ, chia nhau một niềm vui, một niềm hy vọng: Tết, do đó, có ý nghĩa như một ngày hội của tình nghĩa. Thứ ba, để chuẩn bị đón tết, người ta may và mặc quần áo mới, dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ, kang trang: Tết, do đó, có ý nghĩa như một sự bắt đầu, một sự đổi mới.



TẾT TRUNG NGUYÊN

Tết trung nguyên được tổ chức vào rằm tháng Bảy, còn gọi là lễ Vu Lan theo sự tích Mục Kiền Liên cứu mẹ ở địa ngục. Người ta tin đây là ngày vong nhân được xá tội. Ngày xưa, có tục cúng cô hồn. Bài "Văn chiêu hồn" của Nguyễn Du được sáng tác và đọc trong dịp này:

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt.

Toát hơi may lạnh buốt xương khô.

Có người còn đốt giấy vàng bạc và hàng mã để các vong nhân dùng dưới âm ty. Ngày nay, các chùa thường làm lễ Vu Lan để tôn vinh mẹ và cầu cho các vong linh bị chết bất đắc kỳ tử.



TẾT TRUNG THU

Tết Trung Thu được tổ chức vào rằm tháng Tám. Đây là tết của trẻ em. Thiếu nhi thường rước lồng đèn và múa hát dưới trăng. Người lớn nhiều khi cũng tham gia để không khí thêm rộn rã.

Theo tục truyền, vua Đường Minh Hoàng ở Trung Hoa vào một đêm rằm tháng Tám nằm mơ thấy mình lên chơi trên cung trăng. Nhà vua được mời vào cung Quảng Hàn thưởng thức những màn vũ tuyệt vời. Thức giấc, tiếc nuối cảnh lòng lầy trên cung trăng, nhà vua đặt ra tết Trung Thu để có dịp long trọng thưởng trăng, sống lại những giây phút thần tiên trong mộng.



Đêm Trung Thu, người ta thường làm cỗ, trước là để cúng tổ tiên và sau là để cả gia đình cùng quây quần thưởng thức. Cỗ chủ yếu là hoa quả và bánh nướng, bánh dẻo. Đặc sắc nhất trong đêm Trung Thu là các loại đèn. Loại đèn nổi tiếng nhất là đèn kéo quân với rất nhiều màu sắc trông rất rực rỡ. Ngoài ra, trẻ em còn được xem múa lân và chơi các trò chơi truyền thống như dung dăng dung dẻ hay bịt mắt bắt dê.

Trong ba cái tết trên, tết trung nguyên dần dần biến thành ngày lễ mang tính chất tôn giáo. Danh xưng "lễ Vu Lan" càng ngày càng phổ biến, lấn át hẳn từ "tết trung nguyên". Do đó, trên thực tế, tại Việt Nam ngày nay chỉ còn hai cái tết: tết Nguyên Đán và tết Trung Thu. Vì tính chất quan trọng của nó, danh xưng tết Nguyên Đán dần dần được đồng nhất với khái niệm tết nói chung. Bởi vậy, với người Việt Nam hiện nay, thay vì dùng chữ tết Nguyên Đán, chúng ta chỉ cần dùng chữ "tết" là đủ nghĩa. Có điều, để tránh mọi sự lẫn lộn có thể xảy ra, chữ tết được viết hoa thành: Tết.

4. Chọn và viết lại câu giải nghĩa thích hợp ở B sau mỗi từ ở A.



- 4.1 tết trung nguyên:
- 4.2 vong nhân :
- 4.3 chúc thọ :
- 4.4 nguyên đán :
- 4.5 trung thu :
- 4.6 xóm giềng :
- 4.7 đồng nhất :
- 4.8 cổ truyền :



- ngày đầu tiên trong năm
- chỉ chung những người ở gần nhau trong một khu vực
- những người đã chết
- mừng được sống lâu
- từ xưa truyền lại
- giữa mùa thu
- lễ Vu Lan
- coi như là một

5. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

5.1 Ý nghĩa của chữ "tết" là gì?

.....

5.2 Chữ "tết" do đâu mà ra?

.....

5.3 Ngày xưa ở Việt Nam có bao nhiêu cái tết trong một năm?

.....

5.4 Hiện nay còn lại bao nhiêu?

.....

5.5 Sự khác nhau giữa chữ "tết" viết thường và chữ "Tết" viết hoa ra sao?

.....

6. Tìm các từ đồng nghĩa (tức những từ viết khác nhau nhưng cùng biểu thị một khái niệm giống nhau) của những từ sau đây:

6.1 xóm giềng :

6.2 vong nhân :

6.3 tế tỵ :

6.4 rộn rã :

6.5 trọng thể :

7. Từng nhóm 3 - 4 học sinh kể cho nhau nghe về sinh hoạt trong gia đình mình trong ngày Tết dựa theo những câu hỏi gợi ý sau đây:

7.1 Gia đình em chuẩn bị Tết như thế nào?

.....

7.2 Đêm giao thừa, gia đình em thức đến mấy giờ? và làm gì?

.....

7.3 Ngày Tết, anh chị em trong gia đình em có chúc Tết ba mẹ em không? Nếu có, chúc như thế nào?

.....

.....

7.4 Ở nhà em, thức ăn trong ngày Tết có gì khác lạ so với ngày thường?

.....

8. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: *dám, lán, kêu, treo, bằng, bận rộn, dọn dẹp, loại, hơn, dần, lau chùi, công việc, gói.*

Mấy ngày trước Tết, gia đình nào cũng
Phấn lo nhà cửa, bàn thờ,
đốt thờ; phấn lo và nấu bánh chưng, bánh
tét. Ngoài ra, gia đình nào cũng cố sắm sửa vài
hoa, thường là hoa mai, hoa đào, hoa cúc. Ngày xưa,
việc đón Tết còn phức tạp Ngoài những
..... nêu trên, người ta còn trồng một cây nêu
trước nhà. Nêu thật ra là một cây tre dài
tới gốc và để cả ngọn lá. Trên cây, người ta
mấy chiếc khánh đất nung. Mỗi
gió thổi qua, những chiếc khánh ấy lại leng
keng. Người ta tin là những tiếng kêu ấy làm cho ma quỷ
sợ, không đến quấy nhiễu.



9. Từng học sinh đọc và tóm tắt bài sau đây để trình bày trước lớp:

MỘT VÀI TỤC LỆ NGÀY TẾT

Chung quanh ngày Tết Nguyên Đán, dân tộc ta có một vài tục lệ nổi bật:

Thứ nhất là nhà ai, dù giàu hay nghèo, cũng đều tự gói hoặc đi mua một vài cái bánh chưng để ăn hoặc để đem đi biếu trong dịp Tết. Tục lệ này đã có từ lâu, tương truyền từ thời các vua Hùng, mấy ngàn năm trước. Nó xuất phát từ truyền thuyết "Bánh chưng, bánh dầy" sau đây:

Vua Hùng Vương thứ 6, sau khi dẹp xong giặc Ân, định tìm người kế vị. Nhà vua

bảo các hoàng tử: "Ai tìm được món ăn gì vừa ngon vừa có ý nghĩa, ta sẽ truyền ngôi cho". Các hoàng tử nghe xong vội vã đi kiếm các thức ăn ngon vật lạ đem về dâng vua cha. Chỉ có người con thứ 18, tên là Tiết Liêu, vì mẹ mất sớm, tính tình lại hiền lành, nên rất mực lo lắng, không biết phải làm gì. Một đêm, lúc chàng đang ngon giấc, một vị thần hiện ra dặn bảo: "Thức ăn trong trời đất không gì quý bằng gạo. Người hãy lấy gạo làm một cái bánh hình tròn và một cái bánh hình vuông tượng trưng cho trời và đất. Người lại lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột tượng trưng cho việc cha mẹ sinh thành, dưỡng dục". Thức giấc, Tiết Liêu mừng rỡ, theo lời thần bảo, lấy thứ gạo nếp thật tốt làm bánh, bánh vuông gọi là bánh chưng, bánh tròn gọi là bánh dầy.



Đến kỳ hẹn, các hoàng tử mang đến cho vua Hùng Vương bao nhiêu là sơn hào hải vị. Chỉ có Tiết Liêu là mang đến bánh dầy và bánh chưng. Vua Hùng vương nhìn hai thứ bánh giản dị ấy, ngạc nhiên hỏi. Tiết Liêu thật thà đem chuyện thần báo mộng kể lại. Hùng Vương ăn thấy ngon, lại khen bánh có nhiều ý nghĩa, nên quyết định truyền ngôi vua lại cho Tiết Liêu.

Từ đó, theo tục lệ, hằng năm, cứ đến dịp Tết, người Việt Nam lại làm bánh dầy và bánh chưng, một là để tưởng nhớ sự tích trên, hai là để tỏ bày lòng hiếu thảo của mình với ông bà, cha mẹ.

Tục lệ thứ hai cho đến bây giờ vẫn còn phổ biến là tục đốt pháo. Ở Việt Nam, vào đúng giao thừa, tức 12 giờ đêm 30 tháng chạp, hầu như từ mọi căn nhà đều vang lên rộn rã những tiếng pháo. Tùy theo mức độ giàu nghèo của chủ nhà, số lượng pháo đốt sẽ nhiều ít khác nhau. Suốt cả tiếng đồng hồ kể từ giao thừa, tiếng pháo nổ vang vang khắp cùng thôn xóm. Sáng mai dậy, đúng mồng một Tết, người ta thấy trên đường, trước sân nhà, xác pháo đỏ tươi trông rất đẹp mắt. Hiện nay, ở hải ngoại, việc đốt pháo không còn thông dụng nữa. Ít có ai đốt pháo vào giao thừa. Tuy nhiên, các hiệu buôn người Việt và người Hoa vẫn đốt pháo vào sáng mồng một. Người ta coi đó là một cách để cầu sự may mắn.

Tóm lại, đốt pháo và ăn bánh chưng là hai hoạt động đặc trưng trong ngày Tết của dân tộc Việt.

10. Viết chính tả bài sau đây:

CHỢ TẾT

Ở Việt Nam, mấy ngày trước Tết, không khí trong từng gia đình sôi nổi, háo hức; không khí làng xóm, phố phường cũng tung bừng, náo nhiệt, đặc biệt ở các khu chợ Tết.

Chợ Tết có thể được tổ chức trong chợ, nghĩa là giống như ngày thường, song có điều hàng hoá nhiều hơn, người mua kẻ bán tấp nập hơn, cách bày biện cửa hàng rực rỡ hơn. Nổi bật trong chợ Tết là trái cây, bánh mứt và hoa. Nhưng hình thức chợ Tết hấp dẫn nhất là những chợ đặc biệt chỉ nhóm họp vào dịp Tết mà thôi. Những chợ này thường lộ thiên, ngay trên đường phố và thường chỉ bán hoa và cây cảnh. Tại Sài Gòn trước đây, chợ hoa thường họp ngay trên đại lộ Nguyễn Huệ, tức ở trung tâm thành phố.

Ở hải ngoại, theo truyền thống, người Việt cũng cố gắng tổ chức các chợ Tết. Thật ra, chúng không hẳn là "chợ". Ở đó, việc buôn bán chỉ là phụ, việc chính là họp mặt và giải trí. Thích hợp hơn phải gọi là "hội chợ".

Hội chợ thường được tổ chức vào cuối tuần ngay trước hoặc ngay sau Tết nguyên đán. Ở một số địa phương, số người tham dự hội chợ rất đông. Hội chợ tại San Jose quy tụ khoảng trên 50.000 người, tại Nam California và Houston khoảng hơn 30.000 người, tại Toronto và Montreal khoảng trên 20.000 người, tại Sydney và Melbourne khoảng trên dưới 20.000 người. Ở các địa phương khác, số người Việt định cư ít hơn nên tầm vóc hội chợ cũng nhỏ hơn, khoảng từ 1.000 đến 10.000 người.

Hội chợ thường có các gian hàng, quầy thức ăn, thức uống và nhiều nhất là các trò chơi. Ngoài ra còn có một số nghi lễ cổ truyền như cúng tổ tiên, múa lân, đốt pháo. Hội chợ thường kéo dài từ hai đến ba ngày tùy nơi. Người Việt Nam nào cũng cố gắng sắp xếp thì giờ đến tham dự hội chợ Tết để có dịp sống lại không khí quê hương bấy giờ đã xa xôi.



11. Hầu hết các tính từ đơn âm trong tiếng Việt đều có thể được lặp lại để giảm nhẹ tính chất, mức độ; trong khi đó các danh từ đơn âm được lặp lại để chỉ sự gia tăng về số lượng. Tìm 3 tính từ và 3 danh từ theo mẫu các ví dụ dưới đây và đặt một câu với mỗi từ.

Ví dụ: - tính từ: ngon ngon

Vua Hùng Vương ăn bánh chưng thấy ngon ngon nên quyết định truyền ngôi lại cho Tiết Liêu.

- danh từ: nhà nhà

Tết đến, nhà nhà đều trưng bày hoa bánh.

- 11.1
11.2
11.3
11.4
11.5
11.6

12. Phần lớn các cặp đại từ nghi vấn có thể liên kết hai thành phần hoặc hai câu có quan hệ tương ứng. Đặt câu với các cặp đại từ nghi vấn dưới đây. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: - nào... đó

Trong ba ngày Tết, nhà nào lo cúng giỗ nhà đó.

- ai... nấy

Ai làm nấy chịu.

- 12.1 nào... đó :
12.2 đâu... đấy :
12.3 sao... vậy :
12.4 gì... nấy :
12.5 thế nào... thế ấy:

13. Đọc bài sau đây và trình bày lại trong nhóm 5 - 6 học sinh:

Lễ hội Việt Nam



Lễ là những hoạt động có những nghi thức trang trọng. Hội là những hoạt động có tính chất giải trí. Ở Việt Nam, phần lớn các lễ trong dân gian đều có khuynh hướng trở thành hội, nghĩa là ngoài các đám rước hay các lễ tế còn có các mục văn nghệ, thi đua, vui chơi. Vì vậy, người Việt Nam thường gọi chung là lễ hội.

Lễ hội có ý nghĩa văn hoá rất lớn: nó góp phần giáo dục dân chúng về truyền thống dân tộc, tưởng nhớ công đức các vị anh hùng, các danh nhân trong lịch sử. Lễ hội còn có ý nghĩa xã hội: nó là dịp cho mọi người trong làng xã gặp gỡ nhau, làm quen nhau. Ngoài ra, lễ hội giúp mọi người, sau những ngày tháng lao động vất vả, được hưởng những thú vui lành mạnh với những trò chơi dân gian như đánh đu, đánh vật, những cuộc thi như thi nấu cơm, thi bơi, thi kéo co, hoặc những tiết mục văn nghệ như hát tuồng, hát ví, hát quan họ v.v...

Số lượng lễ hội tại Việt Nam rất nhiều. Có những lễ hội được tổ chức trong phạm vi cả nước, có những lễ hội chỉ được tổ chức trong phạm vi một tỉnh, một quận, hoặc một làng, một xã. Lễ hội diễn ra tại đền Hùng, nơi khởi nguồn tiên tổ, tại vùng đồng bằng sông Hồng, tại miền Trung hoặc tại miền Nam nơi có dòng sông Cửu Long trù phú. Theo một số liệu có lẽ chưa đầy đủ, hàng năm tại Việt Nam có khoảng hơn 400

lễ hội khác nhau. Đó là những lễ hội có truyền thống lâu đời. Còn những lễ hội mới nảy sinh, chỉ giới hạn trong phạm vi một làng, một xã nhỏ mà thống kê được hết. Theo báo chí trong nước, riêng tại hai tỉnh Hải Hưng và Thái Bình đã có tới 50 làng mở hội. Nhiều khi chỉ cần một lá cờ thật lớn kéo lên trên đỉnh làng, một hồi trống, một hồi chiêng vang dội, những binh hương toả khói nghi ngút, rồi vài trăm người tụ họp lễ vái rồi vui chơi cũng thành một lễ hội. Đó là chưa kể đến những lễ hội mang màu sắc chính trị như lễ Quốc Khánh, thường thay đổi theo từng chế độ, nhằm ghi nhớ một ngày nào đó được coi là có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng. Cũng chưa kể đến những lễ hội thoát đấu hoàn toàn chỉ có tính cách tôn giáo nhưng về sau dần dần biến thành ngày hội chung của mọi người, không kể có là tín đồ của tôn giáo ấy hay không, như trường hợp lễ Phật Đản hoặc lễ Giáng Sinh.

Điều chắc chắn là, trong những hình thức đa dạng của nó, lễ hội đã tồn tại rất lâu trong lịch sử và có lẽ sẽ kéo dài mãi. Một số nhà cầm quyền, trong một thời gian nào đó, thường có chính sách cấm đoán lễ hội vì cho đó là hình thức của mê tín dị đoan, song họ đều thất bại. Dân chúng, bất chấp những đe dọa, vẫn tham gia lễ hội. Sức sống của lễ hội chứng tỏ nó đã đáp ứng được một nhu cầu tâm linh của con người: ai cũng muốn tìm sự giao cảm không phải chỉ với đồng loại mà còn với những bậc thiêng liêng.

14. Tóm tắt bài sau đây:

LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Trong các lễ hội quan trọng hàng năm của Việt Nam, có một lễ hội đặc biệt có ý nghĩa: đó là lễ giỗ tổ Hùng Vương.

Trước kia, lễ giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức ngay tại các khu vực đền Hùng thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú, là nơi tương truyền các vua Hùng dựng nghiệp và lập quốc. Ngày giỗ được tiến hành vào ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch. Đồ tế lễ gồm hoa quả, bánh trái, trong đó, đặc biệt nhất là phải có bánh dầy và xôi màu. Đó là hai lễ vật theo truyền thuyết, Tiết Liêu, con vua Hùng Vương thứ VI, đã làm ra. Ngoài lễ tế, trong ngày giỗ tổ Hùng Vương còn có nhiều tiết mục phong phú và sinh động khác như rước voi, rước kiệu, thi đấu cờ tướng, đấu vật, thi hát chèo, hát trống quân v.v...

Về sau, lễ giỗ tổ Hùng Vương không còn giới hạn tại đền Hùng nữa. Ở miền Nam, trước năm 1975, lễ giỗ tổ Hùng vương được tổ chức rất trọng thể. Sau năm 1975, ở hải ngoại, lễ giỗ tổ Hùng Vương trở thành một ngày lễ hội quan trọng đối với cộng đồng người Việt. Ở bất cứ địa phương nào có đông người Việt cư ngụ, mỗi năm người ta đều cố gắng tổ chức lễ giỗ tổ với những nghi thức truyền thống đầy tôn nghiêm.

Lễ giỗ tổ Hùng Vương biểu hiện một đức tính nổi bật của người Việt Nam: lòng biết ơn sâu đậm đối với tiền nhân, những người đã có công hình thành tổ quốc và sau đó không tiếc xương máu để bảo vệ tổ quốc. Chính qua việc biểu lộ lòng biết ơn này, người ta càng củng cố thêm tình yêu của mình đối với đất nước. Ngày giỗ nhắc nhở mọi người một điều quan trọng: mọi người Việt Nam, dù làm gì, ở đâu, đều là con cháu của vua Hùng, đều sinh ra từ bọc trứng của mẹ Âu Cơ.

Tục ngữ Việt Nam có câu: *Cây có cội, nước có nguồn*. Làm người càng cần có nguồn cội. Ngày giỗ tổ Hùng Vương chính là dịp nhắc nhở chúng ta về nguồn cội của mình.

15. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

15.1 Ngày nào là ngày giỗ tổ Hùng Vương?

.....

15.2 Vua Hùng Vương dựng nghiệp và lập quốc ở đâu?

.....

15.3 Trên bàn thờ tổ có những lễ vật chính gì?

.....

15.4 Tại sao người Việt tổ chức lễ giỗ tổ Hùng Vương?

.....

15.5 Giải thích câu tục ngữ: *"Cây có cội, nước có nguồn"*.

.....

16. Đọc bài tường thuật ngày đại lễ giỗ tổ Hùng Vương sau đây:

NGÀY GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Năm ngoái, ngày lễ giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức long trọng tại hội trường của Cộng đồng người Việt. Hôm đó, em được ba mẹ em đưa đến dự lễ.

Trước cửa hội trường, trên ngọn một cây cột cao, lá cờ đại năm màu bay theo chiều gió, trông rất oai nghiêm và hùng tráng. Dưới lá cờ đại là một tấm biểu ngữ dài và rộng, ghi hàng chữ: "Kỷ niệm quốc tổ Hùng Vương".

Khi gia đình em bước vào hội trường, ban tiếp tân niềm nở chào đón và mời đến các hàng ghế ngồi. Phía trước các hàng ghế là bàn thờ quốc tổ được trưng bày rất trang trọng. Trên bàn thờ, quốc kỳ Việt Nam được treo cao. Bên trên quốc kỳ là một tấm biểu ngữ nền vàng, nổi bật bốn chữ đỏ: "Quốc Tổ Hùng Vương". Hai bên quốc kỳ có treo hai câu đối. Phía trước có đỉnh trầm và bát nhang đang nghi ngút khói. Hai bên đỉnh trầm là hai cây nến to, cháy sáng lung linh. Ngoài ra còn có hai lọ hoa tươi tắn điểm cho cảnh sắc thêm phần trang nghiêm. Trước bàn thờ, kê một cái bàn phủ khăn màu hồng. Trên mặt bàn, có đài rượu, mâm trái cây, mâm bánh dầy và bánh chưng.

Các hàng ghế đều kín người. Ai nấy đều ăn mặc rất trang trọng. Đa số các bà, các cô mặc áo dài; những tà áo đủ màu thướt tha, duyên dáng. Đúng 10 giờ, trưởng ban tổ chức lên đọc chương trình và tuyên bố khai mạc đại lễ. Sau nghi thức chào cờ và mặc niệm, một vị bồ lão lên chào mừng quan khách và nói về ý nghĩa ngày giỗ tổ. Tiếp theo, ba vị bồ lão lên dâng hương, đọc văn tế quốc tổ. Sau đó, mọi người lần lượt vào làm lễ tổ.

Sau phần nghi lễ là chương trình văn nghệ. Trong khi mọi người thưởng thức văn nghệ, ban tiếp tân mang bánh dầy, bánh chưng và nước ngọt đến mời tất cả cùng hưởng lộc tổ.

Uống nước nhớ nguồn. Dù sống tha hương người Việt Nam vẫn nhớ ngày giỗ tổ. Em mong một ngày được trở về dự lễ giỗ tổ Hùng Vương ngay trên quê hương.

(theo Bảo Văn)



• Giỗ Tổ Hùng Vương

Phóng sự Hội chợ Tết Việt Nam

Năm nay, người Việt ở tiểu bang Victoria ăn Tết có vẻ lớn. Từ hơn một tuần trước Tết, các thương gia tại Footscray, nơi tập trung đông đảo các cơ sở doanh thương của người Việt, đã lo sửa soạn tổ chức chợ Tết. Dù đây là lần đầu tiên được tổ chức và chỉ được chuẩn bị trong một khoảng thời gian ngắn, chợ Tết tại Footscray đã thành công tốt đẹp.

Riêng chợ Tết tại Richmond được tổ chức vào Chủ nhật 29 Tết đã thu hút rất đông người, cả Việt lẫn Úc, đến tham dự.

Từ tờ mờ sáng Chủ nhật, ở hai bên đường Victoria, suốt từ đường Hoddle đến đường Church, các cột đèn được trang trí bằng các chùm bong bóng đỏ vàng và các biển vôi mang màu cờ Việt Nam đã làm cho khu phố có ngay màu sắc và không khí của ngày Tết ở Việt Nam. Các cửa tiệm và hàng quán đều rực rỡ mai vàng, pháo đỏ và hàng chữ "Chúc Mừng Năm Mới". Đứng giữa con đường rộn rịp mỗi ngày nhưng giờ đây còn vắng ngắt, trong không khí của một buổi sáng rất Xuân, lòng tôi bỗng rưng rưng với những kỷ niệm Tết ở quê nhà.

Sân khấu lộ thiên ở giữa khu phố trên đường Nicholson nằm duyên dáng giữa những tàn cây và được tô điểm thêm bằng những chậu vạn thọ vàng tươi được hoàn tất vào lúc 8 giờ sáng. Dân loa phóng thanh 32 cái treo dọc theo con đường giúp phóng âm mọi chương trình từ sân khấu

ra đều khắp khu chợ Tết.

Đúng 10 giờ sáng, hai đầu đường Victoria được ngăn lại, không cho bất cứ loại xe cộ nào, kể cả xe điện, được chạy vào khu chợ Tết. Người đi lại trên đường thoải mái như đi dạo trong công viên. Những bản nhạc Xuân được phát thanh từ dàn loa của ban tổ chức hoà với âm thanh của các gian hàng băng nhạc, chơi lon, chơi lô-tô... tạo cho khu chợ Tết một không khí rất tung bừng, náo nức.

Ba đoàn lân của Cộng đoàn Broadmeadows, Gia đình Phật tử Đại bi Quan Âm và Hội Thanh thiếu niên người Hoa Melbourne thay phiên nhau múa ở hai đầu đường và trước khán đài từ 10 giờ rưỡi sáng trong những tràng pháo dồn tan hấp dẫn rất nhiều người thường ngoạn, không riêng gì trẻ em.

11 giờ 45, quan khách đã tề tựu đông đủ tại góc đường Church và Victoria. Phái đoàn quan khách gồm có ông Tổng trưởng Di trú Liên bang, bà Bộ trưởng Sắc tộc vụ tiểu bang, lãnh tụ đối lập tiểu bang, Thị trưởng Collingwood, Nunawading, Richmond, các nghị viên, các đại diện đoàn thể người Việt tại Victoria cũng như rất đông quan khách khác.

Đoàn lân Broadmeadows dẫn đầu, theo sau là học sinh hai trường tiểu học Richmond North và Abbotsford với biểu ngữ "Cung chúc tân xuân", rồi đến các thiếu nữ Việt trong áo dài truyền thống hướng dẫn quan khách về hướng khán đài trong tiếng pháo nổ suốt. Ông Tổng trưởng Di trú và Thủ hiến Victoria cũng chăm pháo ném vào đoàn lân, hoà mình vào sự



náo nức đón Tết của người Việt ở Úc.

Phần khai mạc rất ngắn với lời chúc Tết và ca ngợi sự ổn định nhanh chóng của Cộng đồng người Việt tại Úc của quan khách Úc. Sau đó, ba đoàn lân đã cùng múa chúc mừng năm mới mọi người.

Chương trình văn nghệ thật đặc sắc liên tục kéo dài đến 7 giờ 45 tối trước khi đoàn cải lương Tiếng Quê Hương trình diễn hai màn Tống Tửu Đơn Hùng Tín và Mùa Xuân Ngủ Trong Đêm.

Từ 11 giờ sáng, đường Victoria đã tràn ngập người. Theo ước tính của cảnh sát giữ trật tự trong ngày thì số người đến dự chợ Tết tại Richmond có thể lên đến gần 100.000 người, trong số này có gần một phần ba là người Úc và các sắc tộc khác.

Nhờ rút tỉa kinh nghiệm của chợ Tết những năm trước, và cũng nhờ sự đoàn kết của thương gia trong vùng và sự làm việc hăng hái của anh em trong ban tổ chức, chợ Tết tại Richmond đã được tổ chức rất chu đáo và

sự thành công của nó không làm ai ngạc nhiên cả.

Ngoài việc qui tụ được nhiều gia đình người Việt với đầy đủ ông bà, cha mẹ, con cháu đến tham dự, ngoài việc không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra, điểm son của chợ Tết tại Richmond là đã thu hút được người Úc và các sắc tộc khác đến để cùng chia xẻ cái háo hức vui mừng của người Việt trong những ngày cuối năm và làm quen với nền văn hoá cổ truyền của một sắc dân đến định cư ở Úc chưa được lâu.

(theo Nguyễn Ngọc Vân)

18. Đọc thêm bài sau đây:

Một vài tập tục ngày Tết tại Việt Nam

HÁI LỘC ĐẦU NĂM

Lộc là những cành non của cây cối. Lộc tượng trưng cho sự phát triển tốt lành trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của con người. Vì vậy, trong ngày đầu Xuân, một trong những tập lệ phổ biến tại Việt Nam là hái lộc đầu năm.

Sau khi cúng giao thừa, dân chúng khắp nơi, với áo quần tươi tắn, thường đi lễ tại các đình, chùa. Tại Việt Nam, trước cửa các đình, chùa hay có những loại cây cổ thụ như cây đa, cây đề; đến khi mùa xuân về, nhờ khí trời ấm áp, cành lá trở nên xum xuê. Khách đi lễ xong, khi ra về thường có tập lệ hái một cành non mang về nhà, xem như đây là lộc của trời ban cho mọi người với niềm hy vọng sẽ có nhiều điều may mắn tốt lành nảy sinh trong năm mới. Cành lộc sau đó thường được người ta mắc trước cửa ra vào.



XÔNG NHÀ

Xông nhà là bước chân đầu tiên vào nhà mình vào ngày đầu năm. Người đầu tiên bước chân vào nhà mình phải là người vui tính, đang trong vận may. Những người còn mang tang chết không được xông nhà. Cũng vì lý do đó nên trong ngày đầu năm, muốn đến thăm một gia đình nào cũng phải tránh đến sớm vì nếu sau đó trong năm họ gặp những điều không may, họ có thể trách người đến xông nhà. Nếu không có một người nào tốt đến xông nhà đầu tiên thì gia đình thường nhờ đến một người đang làm nên danh phận thân bằng quyến thuộc đến xông nhà cho mình. Nhiều khi gia chủ cũng có thể tự xông nhà lấy.

CÚNG GIỖ

Trong những ngày Tết, những người trong gia tộc nội, ngoại thường đến cúng lễ trong nhà tộc trưởng, sau đó chúc Tết lẫn nhau. Người Đông phương thường quan niệm: "Sự tử như sự sanh; sự vong như sự tồn" cho nên trong những ngày Tết, những vị tổ tiên cũng trở về ăn Tết với con cháu. Khi cúng tế người ta thường cầu cho mưa may bán đất, mưa thuận gió hoà, gia đình hạnh phúc.

Khi đến chúc Tết trong nhà người thân thích, khách thăm viếng, sau khi cúng lễ xong thường được mời trà bánh, chúc tụng lẫn nhau, hàn huyên chuyện cũ và lì xì cho con cháu. Đó là tập quán cho nên mỗi khi có khách đến chúc Tết thì trẻ em trong nhà chờ sẵn để mừng tuổi khách và được lì xì.

19. Đọc diễn cảm bài thơ sau đây:

CHÙA HƯƠNG



Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thấy mẹ em đây
Em vẫn đứng soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao
Em đeo giải yếm đào
Quần lĩnh, áo the mới
Tay cầm nón quai thao.

Mẹ cười: "Thấy nó trông
Chân đi đôi dép cong
Con tôi xinh xinh quá
Bao giờ cô lấy chồng?"

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mới mai đưa tiếng
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai
Vì thấy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm
Ý đợi người tài trai.

Em đi cùng với mẹ
Mẹ em ngồi cồng tre
Thấy theo sau cười ngựa
Thất lúng dài đỏ hoe.

Thấy mẹ ra đi dò
Thuyền mấp ménh bên bờ
Em nhìn sông nước chảy
Đưa cánh bướm lơ nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần
Đời mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước
Em thấy một vãn nhân.

Người đầu thanh lạ thường!
Tướng mạo trông phi thường
Lưng cao dài, trán rộng
Hỏi ai mà không thương?

Chàng ngồi bên mẹ em
Mẹ hỏi chuyện làm quen:
"Thưa thấy đi chùa ạ?
Thuyền đóng giong di chen!"

Chàng thưa: "Vâng, thuyền đóng"
Rối ngấm giong ménh mộng
Xa xa mờ núi biếc
Phơn phớt ánh mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ
Ngắm nga chàng đọc thơ
Thấy khen hay, hay quá
Em nghe rối ngẩn ngờ.

Thuyền đi, bến Đục qua
Mỗi lúc gặp người ra
Thẹn thùng em không nói
Nam mó A Di Đà.

Réo rất suối đưa quanh
Ven bờ, ngọn núi xanh
Nhịp cầu xa nhỏ nhỏ
Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi
Bao nhiêu là khỉ ngồi
Tới núi con voi phục
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.

Em đi chàng theo sau
Em không dám đi mau
Ngại chàng chê hấp tấp
Số gian nan không giàu.

Thấy mẹ đến điện thờ
Trám hương khói toả mờ
Hương như là sao lạc
Lớp sóng người lơ nhô.

Chen vào thật lấm cồng
Thấy mẹ em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo:
"Mai mới vào chùa trong".

Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
"Mai ta vào chùa trong".

Đêm hôm ấy em mừng
Mùi trầm hương bay lừng
Em nằm nghe tiếng mõ
Rối chim kêu trong rừng.

Em mơ em yêu đời
Mơ nhiều... viết thể thôi
Kêu ai mà xem thấy
Nhìn em đến nức cười.

Em chưa tỉnh giấc nồng
Mây núi đã pha hồng
Thấy mẹ em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.

Đường mây đá cheo leo
Hoa đỏ, tím, vàng leo
Vi thương mẹ quá mệt
Sân sóc, chàng đi theo.

Me bảo: "Đường còn lâu
Cứ vừa đi vừa cầu
Quan thế âm bồ tát
Là tha hồ đi mau".

Em ư? Em không cầu
Đường vẫn thấy đi mau
Chàng cũng cho như thế
(Ra ta hợp tâm đầu).

Khi qua chùa Giải oan
Trông thấy bức tường ngang
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thấy khen hay
Chữ đẹp như rồng bay
(Bài thơ này em nhớ
Nên chắp chép vào đây).

Ồ, chùa trong đây rồi
Động thẳm bóng xanh ngời
Gấm thêu trần thạch nhũ
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả hê:
"Tặc! Con đường dài ghê!"
Thấy kêu: "Mau lên nhé
Chiều hôm nay ta về".

Em nghe bỗng rụng rời
Nhìn ai luống ngẹn lời
Giờ vui đời có vậy
Thoảng ngày vui qua rồi!

Làn gió thổi hây hây
Em nghe tà áo bay
Em tìm hơi chàng thở
Chàng ôi, chàng có hay.

Đường đây kia lên giờ
Ta bước tựa vai cười
Yêu nhau, yêu nhau mãi
Đi, ta đi, chàng ôi!

Ngọn ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng
Em cầu xin gởi Phật
Sao cho em lấy chàng...

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP



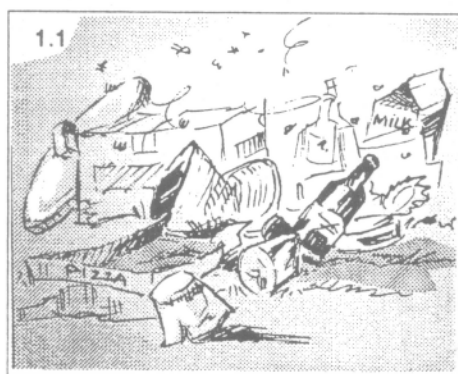
• "Em đi chàng theo sau"



• Hội Tết Việt Nam tại công viên Footscray - Victoria

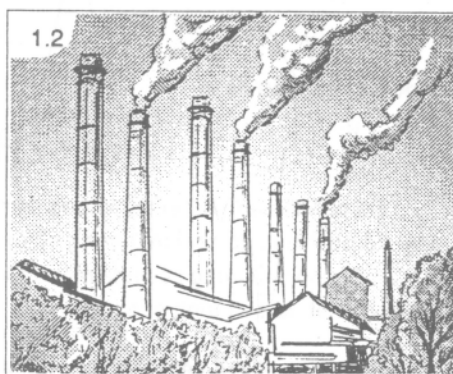
1. Xem các hình vẽ dưới đây và thảo luận với một học sinh khác:

- a. Bạn đã thấy gì trong hình vẽ?
- b. Hình vẽ này nói đến vấn đề gì liên quan đến môi trường sinh sống?



- a.
-
- b.
-
-

- a.
-
- b.
-
-

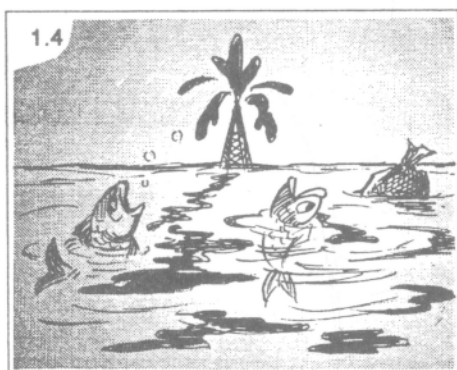


a.

.....

b.

.....



a.

.....

b.

.....

2. Đọc lớn bài sau đây:

ĐỒ PHẾ THẢI

Đồ phế thải là những thứ không còn dùng được nữa và cần phải bỏ đi. Có nhiều loại đồ phế thải: đồ phế thải trong nhà như bàn ghế, áo quần, giày dép, thức ăn cũ v.v... ; đồ phế thải trong các nhà máy và khu vực kỹ nghệ như chất dầu, chất nhớt, cặn bã hoá chất do quá trình sản xuất.

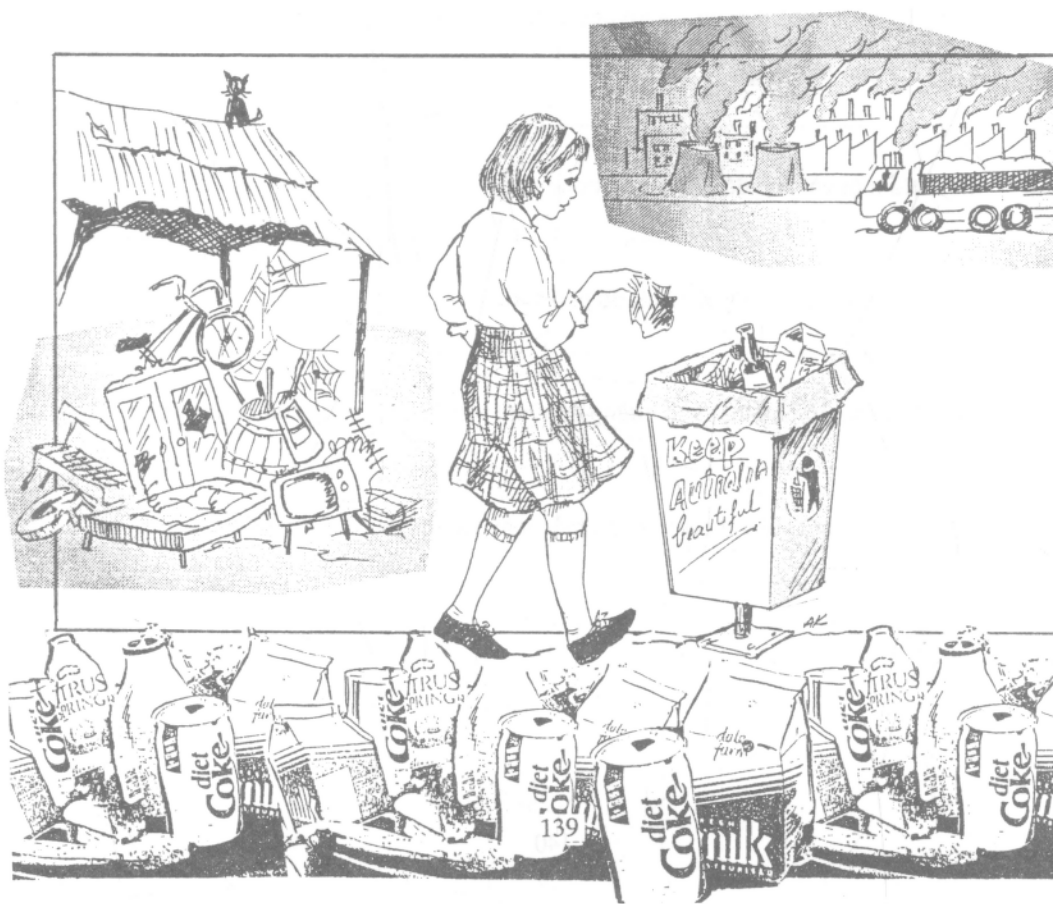
Chúng ta có thể vất bỏ những đồ phế thải này một cách dễ dàng nhưng chúng không thể tự biến mất được! Chúng ta có thể đốt những đồ phế thải này nhưng đốt xong, chúng không bị tiêu hủy hoàn toàn, ít ra chúng vẫn còn tồn tại dưới dạng tro bụi hoặc chất khí. Chúng ta có thể chôn những đồ phế thải này nhưng chúng sẽ bị phân hủy, biến thành những chất sinh thối, gây ô nhiễm môi trường sống chung quanh.

Nói cho cùng, những sản vật chúng ta dùng đều xuất phát từ nguyên vật liệu trong thiên nhiên, từ lòng đất hay từ đại dương. Đúng theo chu trình tuần hoàn, cuối cùng, mọi sản vật, khi bị loại bỏ, lại trở về với đất, với biển cả hoặc bầu khí quyển.

Ngày nay, chúng ta có nhiều cách hơn để giải quyết đồ phế thải. Cách thứ nhất là giữ gìn chúng cho sạch sẽ để có thể dùng lại hoặc cho người khác dùng lại. Cách thứ hai là tái biến chế. Thí dụ như giấy cũ, chai thủy tinh, bao nhựa đều có thể được đưa vào nhà máy để tái biến chế thành đồ dùng khác. Nhưng cuối cùng, dù có được dùng lại hay tái biến chế, những vật dụng chúng ta dùng đến một lúc nào đó phải trở thành đồ phế thải và phải được hủy bỏ đi bằng cách chôn vào đất, thả vào sông biển hoặc đốt đi...

Những xã hội tân tiến thường là những xã hội tiêu thụ. Càng tiêu thụ nhiều càng có nhiều đồ phế thải. Có thể nói mỗi người trong chúng ta đã và đang vất đi trung bình một kí-lô đồ phế thải mỗi ngày.

Muốn sống lành mạnh, không bệnh tật, con người phải ra sức giữ cho môi trường sinh sống luôn luôn được trong lành. Giải quyết đồ phế thải một cách có phương pháp và khoa học là một trong những phương cách chính để bảo vệ môi sinh.



3. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

3.1	<i>consumer society</i>	:		đồ phế thải
3.2.	<i>to disappear</i>	:		đồ phế thải trong nhà
3.3	<i>to return</i>	:		quá trình sản xuất
3.4	<i>rotted materials</i>	:		vứt đi
3.5	<i>environment</i>	:		biến mất
3.6	<i>waste</i>	:		vật sinh thối
3.7	<i>production process</i>	:		hoàn trả
3.8	<i>domestic waste</i>	:		tái biến chế
3.9	<i>to throw away</i>	:		cách
3.10	<i>to recycle</i>	:		môi trường sinh sống
3.11	<i>way</i>	:		xã hội tiêu thụ

4. Từng hai học sinh hỏi và trả lời các câu sau đây:

4.1 Đồ phế thải là gì?

.....

4.2 Kể một vài loại đồ phế thải ở trong nhà.

.....

4.3 Kể một vài cách giải quyết đồ phế thải.

.....

4.4 Tại sao đồ phế thải ảnh hưởng đến môi trường sinh sống của chúng ta?

.....

4.5 Liệt kê một vài thứ do cá nhân mỗi ngày vứt đi.

.....

5. Đặt câu với những từ sau đây để phân biệt dấu hỏi và dấu ngã.

- 5.1 phế thải :
5.2 thừa thải :
5.3 bảo vệ :
5.4 hoài bão :
5.5 cận bã :
5.6 bã vai :
5.7 giải quyết :
5.8 giải bày :

6. Viết chính tả bài sau đây:

RÁC! RÁC!

Rác đôi khi còn được gọi là đồ bỏ đi, là những sản phẩm hết xài của xã hội loài người. Chúng ta đã sản xuất những sản phẩm này và rồi chúng ta lại phải đương đầu với vấn đề phải hủy bỏ chúng đi.

Vấn đề rác rưởi trong đời sống hằng ngày tuy vậy đã trải qua nhiều giai đoạn tiến hoá. Thí dụ như lúc sơ khai, rác đôi khi chỉ bao gồm không hơn không kém những dụng cụ hư hỏng, áo quần cũ, thức ăn thừa v.v... Ở thời kỳ này có vấn đề phiền toái là mùi hôi thối do sâu bọ sản sinh ra từ thức ăn thối rữa. Đến đầu thế kỷ 20 đã có những tổ chức thu rác tại mỗi tư gia. Tuy nhiên số lượng rác thu không nhiều vì hầu hết các cư dân đô thị đều giải quyết vấn đề thức ăn thừa thải bằng cách hoặc nuôi gia súc như gà, vịt, heo, chó... hoặc ném chúng ra đường, ném xuống sông chờ trời mưa cuốn đi. Việc ném rác bừa bãi này lại gây ra một vấn đề khác: vi trùng và bệnh tật.

Ngày nay, các thành phố lớn ở các quốc gia phát triển đều có tổ chức thu rác do các hội đồng thành phố địa phương đảm trách.



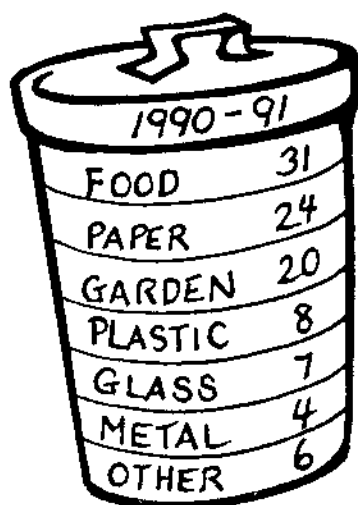
Rác được thu gom lại và được mang ra đổ ở các bãi rác. Rác được lấp đất dần cho đến khi bãi rác đầy thì hội đồng thành phố phải tìm một nơi khác và nơi này lẽ tất nhiên phải nằm xa khu vực cư dân.

Hệ thống thu rác hiện nay phải nói là rất có hiệu quả vì nhờ đó chúng ta không còn phải lo lắng chuyện phải đưa rác đi đâu hoặc xả rác bừa bãi như xưa. Chúng ta chỉ cần nhớ ngày giờ đưa thùng rác ra ngoài lề đường để nhân viên vệ sinh đến thu dọn.

Xã hội Úc là một trong những xã hội tiêu thụ. Càng tiêu thụ nhiều thì càng có rác nhiều. Ngày nay, các sản phẩm và nhất là thực phẩm đều được cho vào chai, hộp, thùng..., tạo thêm nhiều rác. Ngay cả chó, mèo... cũng ăn thức ăn đóng hộp chứ ít khi ăn thức ăn thừa của người như ngày xưa. Chúng ta cũng có khuynh hướng mua các vật dụng mới để xài trong nhà thay vì mua các đồ cũ đã được sửa chữa lại. Do đó, số lượng rác trong các xã hội tiêu thụ mỗi ngày mỗi tăng. Thí dụ, trong những năm 90, người Úc đã vất đi hơn 13 triệu tấn rác mỗi năm. Nếu chia đều con số cho mỗi cư dân thì mỗi người đã vất khoảng 800 kí rác mỗi năm!

Rác, một vấn đề tưởng là đơn giản, nhưng thực ra chẳng đơn giản chút nào!

7. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa:



8. Câu cảm thán là câu diễn tả sự thán phục, ca ngợi, kêu than, ngạc nhiên, vui mừng, đau đớn hay giận dữ... Ở cuối câu phải có dấu chấm than (!). Dựa vào các ví dụ cho sẵn, cho biết các câu cảm thán dưới đây diễn tả tình cảm gì.

Ví dụ: - Rác! rác!: chỉ sự kêu than

- Trung bình mỗi người chúng ta đã vất đi khoảng 800 kí rác một năm! chỉ sự ngạc nhiên

- 8.1 Ôi! Rác đâu mà nhiều thế! :
- 8.2 Anh ấy giỏi thật! Cả ngày hôm nay đã dọn xong đống rác! :
- 8.3 Ô kìa! Bàn ghế tốt thế này lại vất đi! :
- 8.4 Cả một góc đường đầy đồ phế thải! :

9. Tìm các từ tiếng Việt tương đương với các từ tiếng Anh sau đây:

- 9.1 *disease* :
- 9.2 *rubbish* :
- 9.3 *to tip* :
- 9.4 *dweller* :
- 9.5 *private time* :
- 9.6 *products* :
- 9.7 *city council* :
- 9.8 *to destroy* :
- 9.9 *bottle* :

10. Từng nhóm 4 - 6 học sinh thảo luận về vấn đề rác. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- 10.1 Rác do đâu mà có?

.....

- 10.2 Làm thế nào để giải quyết hết rác trong nhà?

.....

10.3 Có nên đốt rác trong nhà không? Tại sao?

.....

10.4 Khi có nhiều đồ phế thải, bạn phải làm gì?

.....

10.5 Có nên tái biến chế giấy, bao nhựa không? Tại sao?

.....

10.6 Nếu bạn có một máy truyền hình bị hư, bạn vứt đi và mua máy mới hay là sửa lại dùng? Cho biết lý do.

.....

.....

11. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: trở thành, lợi dụng, phá hoại, vi phạm, hàng ngàn, đặc lực, túi riêng, làm nhà.

NẠN PHÁ RỪNG



Đố ai đếm được lá rừng? Điều này thật khó! Và cũng không kém phần hóc búa nếu như đố ai tính được có bao nhiêu vụ luật bảo vệ rừng hằng năm ở tỉnh Lâm Đồng.

Những con số thống kê cho biết hằng năm có vụ phá rừng. Chỉ trong tháng đầu năm 1993 thôi, đã có tới gần 2.000 vụ.

Mấy năm gần đây, nạn phá rừng ở tỉnh Lâm Đồng đã cơn sốt!
Người phá rừng có nhiều thành phần như do nạn du canh du cư, di dân tự do, kiếm gỗ
....., làm củi trái phép. Trong trường hợp này, đã có nhưng đơn vị quốc
doanh lâm nghiệp góp phần vào công việc hạ rừng với một ngàn lẻ
một thủ đoạn trực tiếp hay gián tiếp.

Khi công tác tổ chức chưa được hợp lý và việc thực hiện luật pháp chưa được
nghiêm chỉnh thì rừng vẫn là miếng mồi béo bở cho những con sâu mọt của xã hội tàn
cồng. Chúng đã quyền hạn được giao để ngang nhiên phá rừng lấy
gỗ bán thu tiền vào Rừng Lâm Đồng không những là "kho vàng
xanh" mà còn là rừng phòng hộ, rừng cảnh quan du lịch. Tỉnh Lâm Đồng có diện tích
rừng khoảng 700.000 héc-ta nhưng hiện nay con số chỉ còn hơn một nửa. Dân địa
phương phải làm gì để trả lại màu xanh đã mất? Và chính quyền phải làm gì để trừng
trị những kẻ rừng.

Đà Lạt là thành phố nổi tiếng đẹp đẽ và mát mẻ, là nơi hấp dẫn rất nhiều du
khách trong và ngoài nước, lại nằm trong địa phận tỉnh Lâm Đồng! Tình trạng phá
rừng kéo dài ở tỉnh Lâm Đồng sẽ làm cho thành phố Đà Lạt trở nên trơ trụi, nóng nực
và không còn hấp dẫn du khách bốn phương đến viếng thăm và nghỉ mát.

(theo Thanh Nguyên, *Lao Động* 7/11/93)

**12. Từng nhóm 2 - 4 học sinh thảo luận dựa theo các câu hỏi sau đây và tường trình
lại trước lớp:**

12.1 Ở Úc, những vấn đề môi sinh nào đang được chú trọng?

.....

12.2 Những vấn đề bảo vệ môi trường sinh sống đã được đề cập đến hoặc viết ra ở
đầu và như thế nào?

.....

.....

12.3 Đồ phế thải và rác rưởi đã ảnh hưởng đến đời sống con người như thế nào?

.....

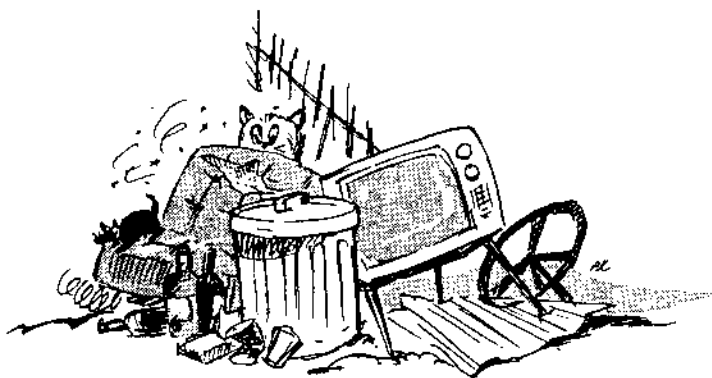
12.4 Thế giới ngày nay có những vấn đề gì quan trọng nhất liên quan đến việc bảo
vệ môi trường sinh sống?

.....

12.5 Nếu trong khu vực bạn ở có vấn đề ô nhiễm môi sinh, bạn phải làm gì?

13. Sau đây là một đoạn trong lá thư em vừa nhận được của một người bạn. Hãy viết một đoạn văn ngắn cho biết ý kiến của em về vấn đề được đưa ra trong thư.

"Xã hội Úc là một xã hội du thừa. Chúng ta đừng mất công đi sửa những vật dụng bị hư hỏng. Chúng ta hãy vứt nó đi và mua cái mới. Tới nghĩ, cái gì đã lỗi thời thì không nên tiếc rẻ nữa. Có vậy xã hội mới tiến bộ được."

[illegible]

14. Dịch lá thư sau đây ra tiếng Việt:

Dear Resident,

I am pleased to announce Bayview Council's Recycling Service will operate weekly from Monday 23rd July 1998. The service will collect recyclable materials from your kerbside on the same day as your garbage collection.



Recycling is a community project and your participation is vital. Recyclable materials currently include:

- glass bottle and jars
- plastic soft drink bottles
- bundled newspapers
- cardboard boxes
- aluminium cans
- used engine oil.

I urge all residents to assist the Council by separating recyclable materials from their garbage. Newspapers should be separately bundled and tied so that they don't blow away. Bottles, jars and aluminium cans should be put in a container box, and used engine oil placed in sealed containers of a maximum of 4 litres capacity. Unfortunately, plastic shopping bags, glossy magazines and old telephone books cannot be collected and should be placed in your garbage bin.

May I remind you that recycling benefits your community by conserving energy and valuable natural resources, minimises garbage disposal costs, reduces litter and protects our environment.

Please help us by supporting this important service.

Yours sincerely,

Ald. B. Barry
Mayor

15. Tưởng tượng em đang sống trong một khu vực có nhiều rác rưởi độc hại bên đường. Hãy viết một lá thư khiếu nại với hội đồng thành phố địa phương.

.....

16. Đọc và tóm tắt bài sau đây:

BẢO ĐẢM AN TOÀN MÔI SINH

Biết đến bao giờ tất cả mọi người trong xã hội mới cùng ý thức bảo vệ môi sinh? Trong khi đại đa số quần chúng Úc càng ngày càng ý thức, lo lắng bảo vệ môi sinh thì xã hội Úc càng lúc càng có nhiều dịp chứng kiến những màn giới thiệu, quảng cáo chào mời nhiều loại sản phẩm có tên gọi là “bảo đảm an toàn môi sinh” được bày bán khắp các siêu thị. Nhiều nhà sản xuất đã chụp bắt ngay mối quan tâm bảo vệ môi sinh của người tiêu dùng để tung ra thị trường lắm mặt hàng nhắm vào thị hiếu bảo vệ môi sinh và dĩ nhiên để hốt bạc.

Liệu những lời lẽ quảng cáo sản phẩm bảo vệ môi sinh của những nhà sản xuất đó có thật sự "bảo đảm an toàn môi sinh" như nhiều khách hàng mong muốn hay không? Đó là lý do thúc đẩy chính phủ phải dự phần kiểm chứng tính trung thực của

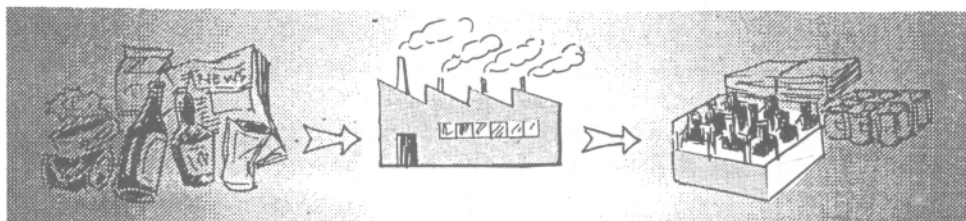
những màn quảng cáo giới thiệu đó trong mục tiêu chung là cần phải bảo vệ môi sinh. Kết quả là trong năm vừa qua, các chính phủ tiểu bang tại Úc đã cộng tác phát triển chương trình "Bảo Đảm An Toàn Môi Sinh" để kiểm tra sản phẩm trên thị trường.

Chương trình này lập ra một hệ thống nhân sự làm việc tự nguyện, gồm các khoa học gia chuyên kiểm tra những chương trình, bích chương, nhãn hiệu quảng cáo sản phẩm nhằm quy định những quy luật về nhãn hiệu, loại trừ những loại nhãn hiệu giới thiệu sản phẩm một cách mù mờ, gạt găm hoặc vô nghĩa. Chương trình hoạt động này nhằm đào thải những loại quảng cáo bất lương, lường gạt người tiêu dùng như mẫu quảng cáo "Xà bông này không có các chất CFC"; vì trong thực tế, xà bông chẳng bao giờ có chất CFC nào cả!

Những nhà sản xuất muốn gia nhập chương trình này để sản phẩm và nhãn hiệu sản phẩm của họ được chứng thực thì phải trả lệ phí. Một khi nhãn hiệu và sản phẩm của họ được xét nghiệm là hợp với tiêu chuẩn quy định thì nhãn hiệu và sản phẩm đó được xác nhận là đã sản xuất đúng theo tiêu chuẩn "bảo đảm an toàn môi sinh". Việc xác nhận này phải phụ thuộc đúng theo ý nghĩa của từ ngữ được dùng, chẳng hạn 100% tái chế biến (recycled) thì sản phẩm phải đúng là một trăm phần trăm tái chế biến. Sau đó họ phải đóng lệ phí bằng khoán và được phép trưng bày nhãn hiệu "bảo đảm an toàn môi sinh" trên từng sản phẩm. Chỉ lúc đó người tiêu dùng mới có thể chọn lựa hàng hoá "bảo đảm an toàn môi sinh" một cách chính xác. Nếu một sản phẩm mang nhãn hiệu "Bảo đảm an toàn môi sinh" thì quả là sản phẩm đó thực sự "bảo đảm an toàn môi sinh".

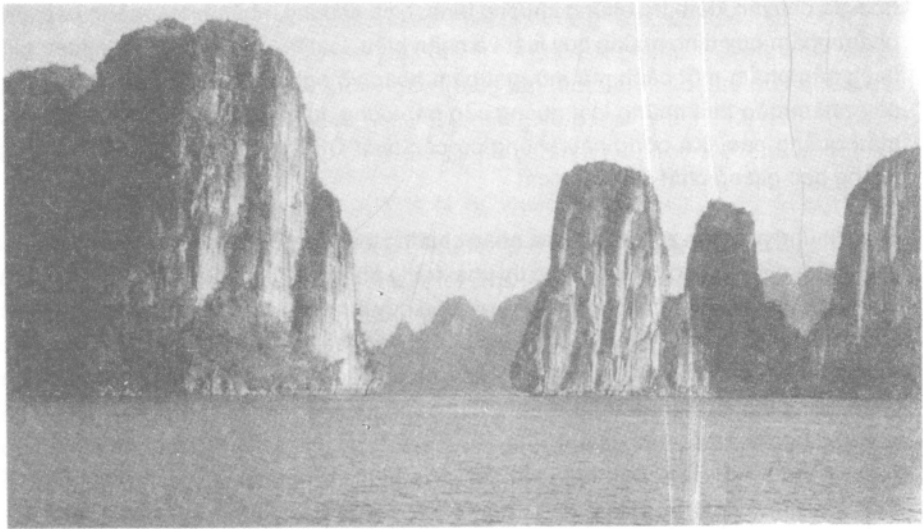
Nhiều hãng sản xuất đã nộp sản phẩm để được chứng thực và đã được Ủy ban khoa học của chương trình "bảo đảm an toàn môi sinh" chấp nhận. Nhiều hãng khác cũng đang chờ đợi được tham gia chương trình này.

Chương trình "Bảo Đảm An Toàn Môi Sinh Úc Đại Lợi" sẽ thực hiện nhiều cuộc kiểm tra bất ngờ để chứng thực các sản phẩm mệnh danh "bảo đảm an toàn môi sinh" trong thị trường Úc.



17. Đọc thêm bài sau đây:

Vịnh Hạ Long



Vịnh Hạ Long - duyên dáng, thơ mộng, nằm dọc theo đường biên giới phía Nam Trung Quốc - đôi khi làm người ta liên tưởng đến những tuyệt phẩm hội họa xa xưa. Khoảng 3.000 núi đá lớn nhỏ có hình thù khác nhau, với nhiều hang động tự nhiên, nổi rõ như những con rồng ẩn hiện trong vùng vịnh rộng 3.880 km² quanh năm mù sương.

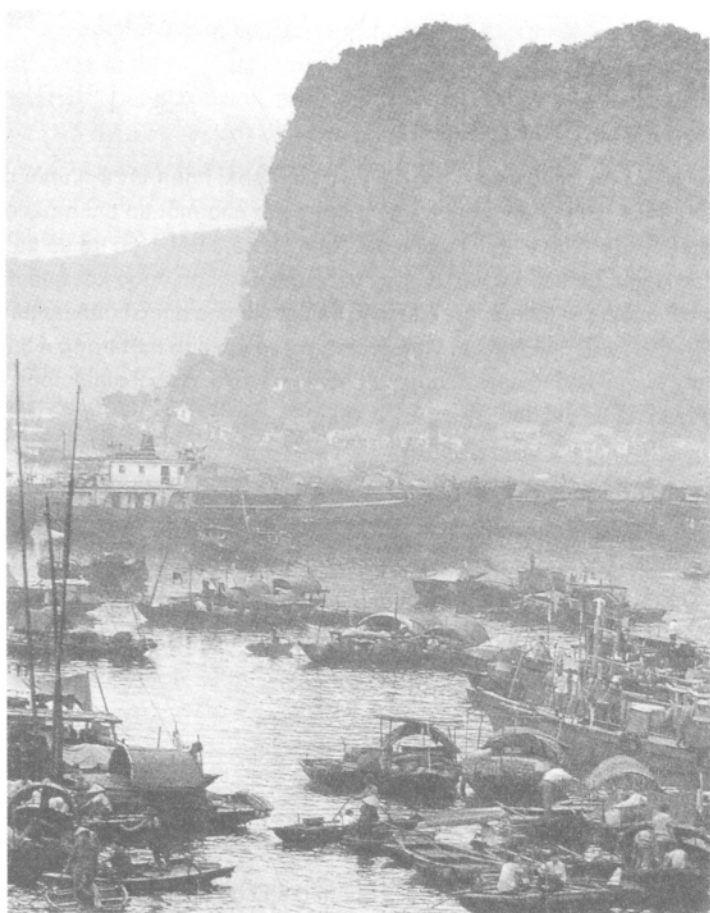
Do điều kiện thiên nhiên đặc biệt, những hòn đảo, hang động trong vịnh Hạ Long được mang những tên gọi gắn liền với những truyền thuyết truyền kỳ. Ngay cả cái tên Hạ Long, có nghĩa là "rồng xuống", cũng gắn liền với một truyền thuyết lâu đời cho là xưa kia ngay tại vùng vịnh ấy đã có rồng hiện xuống.

Một trong những hang động đẹp nhất ở vịnh Hạ Long là hang Đầu Gỗ mà vào cuối thế kỷ 19 người Pháp lần đầu tiên tìm đến và say mê với vẻ đẹp của nó. Về sau, người Pháp đã đặt tên cho hang này là "Grotte des Merveilles" (Động Tiên). Một số đảo nhỏ xíu, không bằng một ngôi nhà, nhưng cũng có những hòn đảo lớn đủ làm nơi nương náu cho nhiều làng đánh cá, lại có cả những khu rừng nguyên sơ không mấy may thay đổi dù đã có con người sinh sống quanh đó từ hàng trăm năm nay.

Hầu hết khách du lịch đều đến khu vực chính trong vùng vịnh là Bãi Cháy; nơi đây có đủ loại khách sạn. Có những khách sạn mang nét cổ xưa của lối kiến trúc tiền bán thế kỷ 20 và cũng có nhiều khách sạn chỉ mới được xây dựng cách đây vài năm.

Ngoài vẻ đẹp thiên nhiên, Hạ Long còn có nhiều điều kỳ thú hấp dẫn du khách. Một trong những điều kỳ thú đó là nguồn hải sản phong phú, tươi ngon gồm có cá tôm đủ loại, cua và mực.

Do biết rằng càng ngày du khách kéo tới vịnh Hạ Long càng đông, những người làm kế hoạch đang dự trù những chương trình kiến tạo tại Hạ Long. Nếu những kế hoạch đó được chính phủ chấp thuận thì sẽ có thêm nhiều nét đẹp do con người tạo dựng tô vẽ thêm lên cho nét đẹp tự nhiên muôn thuở của vùng vịnh Hạ Long.



• Một làng đánh cá tại vịnh Hạ Long

Bài này nhằm giúp học sinh hiểu rõ mục tiêu, phương thức và tiêu chuẩn của 8 bài làm bắt buộc và 3 bài đánh giá chung. Những vấn đề này phần lớn dựa vào phương thức, tiêu chuẩn VCE (Victoria Certificate of Education) ở Victoria và NAFLaSSL (National Assessment Framework for Languages at Senior Secondary Level) áp dụng chung cho các tiểu bang.

A. BÀI LÀM BẮT BUỘC (*Work Requirements*)

A.1 Tại sao phải làm bài bắt buộc?

Ở năm cuối bậc trung học (Lớp 12), học sinh phải hoàn tất 2 tín chỉ tiếng Việt (Units 3 & 4). Học sinh phải làm 4 bài làm bắt buộc cho mỗi tín chỉ mới có thể đậu được các tín chỉ này. Như vậy, học sinh phải làm tất cả 8 bài. Nếu tất cả bài làm của học sinh đáp ứng mục tiêu và tiêu chuẩn, học sinh sẽ nhận được kết quả đậu tức là nhận được kết quả S (Satisfactory). Nếu các bài làm không được hoàn tất đầy đủ, học sinh sẽ nhận được kết quả N (Non-Satisfactory). Trường hợp một trong 4 bài làm bắt buộc của một tín chỉ không đạt kết quả (N), học sinh sẽ được coi như không đạt được kết quả nguyên cả tín chỉ đó.

A.2 Bài làm bắt buộc là gì?

Bài làm bắt buộc (*Work Requirements*) là những hoạt động dùng tiếng Việt trong khi học liên quan đến một trong các đề tài (topic) học trong năm. Những hoạt động dùng tiếng Việt (*activities*) khi nói (*oral*) như thảo luận (*discussion*), trình bày một bài văn (*short scripted performance*) hoặc viết (*written*) như viết thư (*letter*), viết một bản tường trình (*report*) v.v...

A.3 Các loại bài làm bắt buộc trong tín chỉ 3:

Trong tín chỉ 3 có 4 bài làm bắt buộc:

A.3.1 Bài làm bắt buộc 1 (*Speaking to inform*)

Bài làm bắt buộc 1 trong tín chỉ 3 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng đối ứng với người khác qua việc thảo luận (*discussion*) hoặc thương thảo (*negotiation*) về một vấn đề gì.

Học sinh sẽ chọn đề tài và đưa ra thảo luận với học sinh khác trong khoảng thời gian 3 phút.

Ví dụ: Thảo luận về cái lợi và cái hại của việc nhiều thế hệ sống chung trong một đại gia đình Việt Nam (Xem bài 1: Gia đình Việt Nam).

Luyện bài làm này sẽ giúp cho việc làm bài đánh giá chung (CAT2) ở phần trình bày một đề tài và thảo luận với giám khảo (discussion).

A.3.2 Bài làm bắt buộc 2 (*Focussing on performance*)

Bài làm bắt buộc 2 trong tin chỉ 3 nhằm giúp học sinh đọc trình bày một bài văn (short scripted), đặc biệt chú trọng đến phần diễn cảm (performance).

Học sinh sẽ đọc một câu chuyện ngắn hoặc đọc lời giới thiệu chương trình một buổi lễ v.v... trong khoảng thời gian 2 phút.

Ví dụ: Đọc diễn cảm đoạn thơ về Thuý Kiều (Xem Bài học 2: Văn chương Việt Nam, trang 9).

A.3.3 Bài làm bắt buộc 3 (*Writing*)

Bài làm bắt buộc 3 trong tin chỉ 3 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng viết tiếng Việt trong các thể loại thuyết phục (persuasive), kinh nghiệm cá nhân (personal account), tưởng tượng (imaginative), đánh giá bình luận (evaluative), thông tin và truyền đạt (informative). Đặc biệt chú trọng phát triển khả năng viết thuyết phục và bình luận.

Ví dụ: Em có một người bạn vừa mới đến Úc đã muốn đi làm ngay và không chịu đi học tiếng Anh. Hãy viết một lá thư khuyên bạn (thuyết phục) nên dự một vài lớp tiếng Anh trước khi xin đi làm. (Xem Bài học 3: Kinh nghiệm di dân).

A.3.4 Bài làm bắt buộc 4 (*Reorganising information*)

Bài làm bắt buộc 4 trong tin chỉ 3 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng hiểu, lựa chọn và diễn dịch các ý chính trong nội dung tài liệu đọc và nghe.

Học sinh sẽ tự chọn một đề tài, sưu tầm tài liệu viết (ít nhất là 2) và tài liệu nghe (ít nhất là một) để viết một bài tường trình mà nội dung gồm các ý lấy trong các tài liệu đọc và nghe (thông thường lấy 5 đến 6 ý trong mỗi tài liệu). Các tài liệu này không được cùng một thể loại (discourse form).

Những tài liệu được sử dụng phải được ghi ở cuối bài tường trình theo thứ tự tên tác giả, năm xuất bản, tên tác phẩm, nhà xuất bản và nơi xuất bản. Ví dụ: Phan, V.G. (1995), *Tiếng Việt Hiện Đại*, Trung tâm nghiên cứu Á châu và Thái Bình Dương, Melbourne.

Bài tường trình dài khoảng 450 đến 500 chữ. Bài này có thể được lấy làm một trong 2 bài đánh giá chung 1 (CAT1).

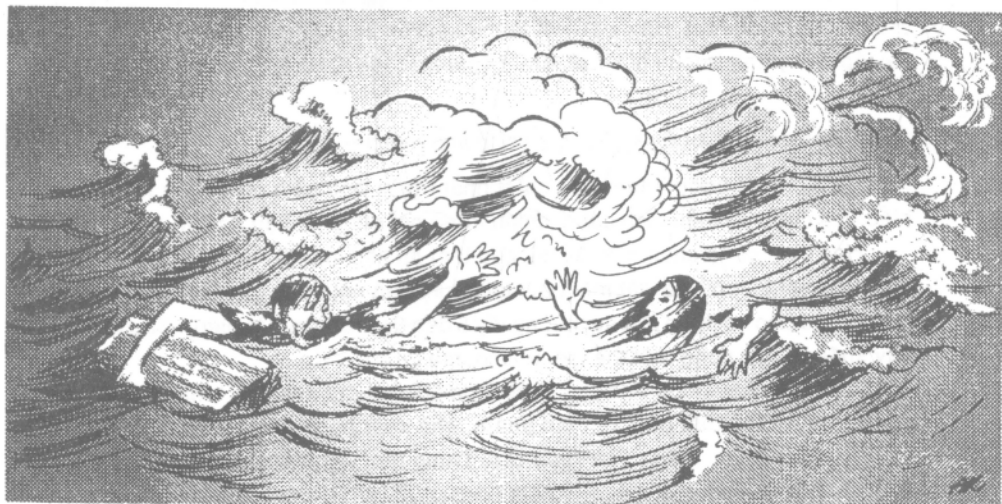
Ví dụ: Em được mời đến nói chuyện về tình thương của người mẹ Việt Nam đối với con cái cho một nhóm thanh niên bỏ nhà ra ở riêng. Hãy dùng một vài tác phẩm văn chương để chứng minh cho tình mẹ Việt Nam.

Sau đây là bài làm của một học sinh lớp 12:

Từ xưa đến nay, trong văn học nghệ thuật cũng như trong đời sống thực tế của xã hội Việt Nam, tình mẫu tử bao giờ cũng được thể hiện và ca tụng là một tình cảm thiêng liêng và cao cả. Những lời ca tiếng hát, những vần thơ điệu nhạc, tục ngữ ca dao, và văn thơ Việt Nam đều nói đến tình mẹ Việt Nam như một khung trời yêu mến dịu ngọt và bao la. Tục ngữ Việt Nam có câu:

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp mật, như đường mía lau.*

Văn chương Việt Nam còn có những mẫu chuyện về sự hy sinh cao cả của người mẹ đối với con, cho dù người mẹ phải hy sinh chính mạng sống của mình. Trong truyện "Anh phải sống", Khái Hưng và Nhất Linh viết về một người mẹ đã buông tay cho dòng nước cuốn để chồng bà có thể sống sót mà trở về nuôi con. Trước khi chết, người mẹ ấy nói: "Thằng cu, cái lớn, cái bé... KHÔNG! Anh phải sống!"



"Thằng cu, cái lớn, cái bé... KHÔNG! Anh phải sống!"

Tác phẩm "*Lạnh Lùng*" của Khái Hưng cũng là một câu chuyện về tình mẹ. Vì thương con, người mẹ đã chấp nhận hy sinh mỗi tình đầu êm đẹp, hy sinh cả cuộc đời xuân sắc của mình để quyết định ở lại với con chứ không bỏ ra đi với người mình yêu: "Mẹ không bỏ con! Mẹ ở lại với con suốt đời".

Sự hy sinh, chịu đựng vì con, hết lòng lo lắng cho con của người mẹ Việt Nam cũng được bày tỏ trong nhiều bài hát như:

*...Thương con thao thức bao đêm trường
Con đã yên giấc, mẹ hiền vui sướng biết bao.
Thương con khuya sớm bao tháng ngày
Lặn lội gieo neo, nuôi con tới ngày lớn khôn...*
(Lòng mẹ - Y Vân)

Và người Việt Nam, chắc hẳn ai cũng biết câu ca dao nói lên lòng tận tụy của người mẹ khi nuôi dưỡng con:

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chấy thức đủ vừa năm.*

Việc dưỡng dục con cái nên người quả là công lao trời biển của mẹ. Ca dao Việt Nam có câu:

*Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẫu tử.*

Có thể nói, tình mẹ đã được văn chương chú trọng và ca ngợi đến tột bậc:

*Ơn cha nặng lắm ai ơi
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.*

và

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Tình mẹ Việt Nam vẫn nồng nàn muôn thuở và luôn được ca ngợi và thể hiện mạnh mẽ trong các bộ môn văn học nghệ thuật Việt Nam. Tình mẹ cao quý ấy vẫn mãi là những đóa hoa tươi, những làn hơi ấm, những luồng ánh sáng dịu dàng và nhất là nguồn tình cảm mang sức sống cho cuộc đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Khái Hưng & Nhất Linh (1986), *Anh phải sống*, Đại Nam, California.
Nguyễn Văn Ngọc (1986), *Tục ngữ phong dao tập 1 & 2*, Đại Nam, California.
Thúy Nga (1987), *Paris by Night*, Trung tâm Thúy Nga, Paris.

A.4 Các loại bài làm bắt buộc trong tín chỉ 4:

Trong tín chỉ 4 cũng có 4 bài làm bắt buộc:

A.4.1 Bài làm bắt buộc 1 (*Speaking to inform: Presentation and defence of a point of view*)

Bài làm bắt buộc 1 trong tín chỉ 4 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng diễn đạt và bảo vệ quan điểm, ý kiến của mình.

Học sinh sẽ trình bày trong khoảng 2 phút quan điểm hay ý kiến của mình về một vấn đề trước lớp và giáo viên. Sau đó, học sinh phải trả lời ít nhất 4 câu hỏi liên quan đến đề tài.

Ví dụ: Em đã không đi bầu trong một cuộc bầu cử địa phương và em bị Hội đồng bầu cử phạt. Hãy trình bày quan điểm của em về quyền bầu cử.

Bài làm: Hãy bày tỏ quan điểm ủng hộ của em đối với việc nước Úc nên trở thành một nước cộng hòa.

[illegible]

A.4.2 Bài làm bắt buộc 2 (Focussing on performance)

Bài làm bắt buộc 2 trong tín chỉ 4 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng diễn tả bằng lời nói, ví dụ như đóng một vai trong vở kịch hay làm diễn giả trình bày một vấn đề. Bài nói chuyện dài khoảng 3 phút.

Ví dụ: Hình ảnh người phụ nữ trong ca dao Việt Nam.

(Xem Bài học 6: Phụ nữ Việt Nam)

Bài làm: Kể lại trường hợp thành công của một phụ nữ Việt Nam tại Úc.

[illegible]

A.4.3 Bài làm bắt buộc 3 (Writing)

Bài làm bắt buộc 3 trong tin chỉ 4 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng viết các thể loại dùng ngôn ngữ khác nhau như thuyết phục (persuasive), kinh nghiệm cá nhân (personal account), tưởng tượng (imaginative), đánh giá hay bình luận (evaluative), thông tin và truyền đạt (informative); đặc biệt chú trọng đến khả năng viết thể loại thuyết phục và bình luận.

Bài viết này dài khoảng 350 đến 400 chữ và có thể được chọn làm một trong hai bài cho CAT1.

Ví dụ: Em có một người bạn vừa mới nhập quốc tịch Úc. Hãy viết một lá thư khuyên bạn nên ghi danh bầu cử (Xem Bài học 5: Hệ thống chính quyền Úc).

Bài làm: Một tờ báo Việt Nam ở địa phương định ra một số báo đặc biệt về các cộng đồng sắc tộc và sự đóng góp của họ vào xã hội Úc. Hãy viết một bài báo nói về sự đóng góp của cộng đồng người Việt tại Úc.

A.4.4 Bài làm bắt buộc 4 (Writing)

Bài làm bắt buộc 4 trong tín chỉ 4 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng hiểu, diễn dịch và đánh giá các dữ kiện trong tài liệu viết và nghe, sau đó đưa các dữ kiện này vào một bài viết theo một thể loại khác với thể loại của hai tài liệu nói và nghe.

Bài viết này dài khoảng 350 đến 400 chữ và có thể được chọn làm một trong hai bài cho CAT1.

Ví dụ: Lấy 6 điểm trong bài đàm thoại ở (10) và 6 điểm trong bài tường trình ở (12), viết một lá thư cho một người bạn sắp qua Úc về những khó khăn của phụ nữ Việt Nam khi mới đến Úc. (Xem Bài học 6: Phụ nữ Việt Nam)

Bài làm: Nghe bài "Cơ cấu chính quyền và sự phân quyền" và đọc bài "Đảng phái chính trị tại Úc". Dùng 6 điểm trong bài nghe và 6 điểm trong bài đọc để soạn một bài nói chuyện về tổ chức hành pháp và lập pháp ở Úc.

B. BÀI ĐÁNH GIÁ CHUNG (Common Assessment Tasks - CATs)

Bài viết muốn đạt yêu cầu phải trả lời được các điểm sau đây:

- Ai viết và viết cho ai?
- Trong vai trò gì?
- Trong bối cảnh hoặc trường hợp nào?
- Với mục đích gì?
- Thể loại (dùng ngôn ngữ) nào?
- Loại văn nào?
- Tối đa bao nhiêu chữ?

Sau đây là một vài ví dụ:

B.1.1 Bài viết 1

Đề tài: Em có một người bạn ở Việt Nam muốn biết về nền giáo dục tại Úc. Hãy viết một lá thư nói cho bạn biết một vài đặc điểm của việc học ở Úc.

Bài làm:

Oanh mến,

Liên mới nhận được thư Oanh hôm qua. Hôm nay rảnh rỗi Liên viết thư này để kể cho Oanh nghe về việc học ở Úc.

Ở Úc có hai loại trường: trường công và trường tư. Ở trường công, mọi chi phí giáo dục đều được chính phủ đài thọ; học sinh chỉ lo mua sách giáo khoa và học cụ cần dùng. Còn ở trường tư thì ngoài việc mua sách và học cụ, học sinh còn phải đóng một khoảng học phí nhất định mỗi năm tùy theo trường.

Ở Úc có một điểm đặc biệt là tài liệu giảng dạy ở các trường không nhất thiết phải đồng nhất. Mỗi trường có thể tự chọn loại sách giáo khoa để dạy cho học sinh. Nhưng đến lúc thi tốt nghiệp trung học thì tất cả học sinh lớp 12 trong một tiểu bang đều thi chung một đề.

Mục đích của nền giáo dục ở Úc là khuyến khích học sinh tự học và tự khép mình vào kỷ luật, phát triển óc sáng tạo và tính hiếu học ở học sinh. Trong lớp, bài học được đưa ra thảo luận giữa học sinh và thầy cô để học sinh có cơ hội đặt câu hỏi, nêu ra các vấn đề, từ đó có thể hiểu bài sâu hơn. Nhờ vậy, học sinh không phải học thuộc lòng nhưng vẫn nhớ bài vì đã nắm được nội dung của bài.

Ngoài giờ học thường xuyên trong lớp, tất cả học sinh đều phải tham gia hoạt động thể thao và những buổi tham quan do nhà trường tổ chức. Hệ thống giáo dục ở Úc rất chú trọng đến việc rèn luyện thân thể, do đó thể thao là một phần quan trọng trong chương trình học.

Liên đã kể cho Oanh nghe về những đặc điểm chính của nền giáo dục ở Úc. Liên hy vọng năm tới khi qua Úc đoàn tụ với gia đình, Oanh sẽ không gặp phải nhiều bỡ ngỡ khi vào học lớp 12 ở đây.

Thân mến

Liên

Bài tập: Hãy viết một lá thư cho một người bạn ở Việt Nam kể về việc tổ chức bầu cử Quốc hội ở Úc.

B.1.2 Bài viết 2

Đề tài: Cộng đồng Việt Nam có tổ chức một buổi nói chuyện với những người ly thân ly dị trong cộng đồng. Hãy soạn một bài tường trình về tình nghĩa gắn bó của vợ chồng Việt Nam qua một số tác phẩm văn chương.

Bài làm:

Sự gắn bó bền chặt là một trong đặc điểm nổi bật của quan hệ vợ chồng trong xã hội Việt Nam từ xưa đến nay. Dù phải trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm, nhiều cặp vợ chồng Việt Nam đã chia xẻ gánh nặng với nhau, hy sinh cho nhau để có thể chung sống với nhau trọn đời. Những yếu tố nào đã tạo nên tính bền vững của tình vợ chồng trong xã hội Việt Nam?

Yếu tố đầu tiên có lẽ là yếu tố tinh thần. Theo truyền thống văn hoá dân tộc, tình nghĩa vợ chồng rất thiêng liêng và cao quý. Các cặp vợ chồng Việt Nam đều mong ước chung sống với nhau đến "tóc bạc răng long". Ngày xưa, những vấn đề xung khắc trong gia đình Việt Nam thường được hoá giải bởi những điều đã được người xưa khuyên bảo: "phu xướng, phụ tùy" (chồng bảo, vợ nghe theo), hay:

Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi bớt lửa chẳng rơi hạt nào.

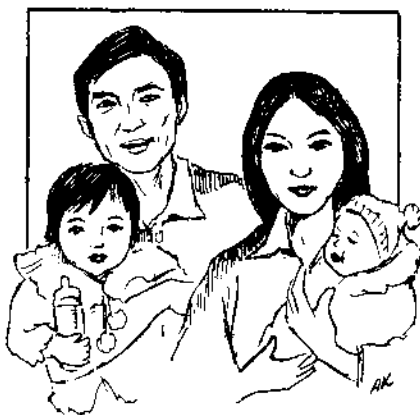
Yếu tố thứ hai là yếu tố tình cảm. Trong quan hệ vợ chồng, chữ "tình" và nhất là chữ "nghĩa" rất được coi trọng. Kiểu tuy không được làm vợ Kim Trọng nhưng vẫn coi trọng chữ tình và chữ nghĩa giữa hai người đã thề nguyện kết nghĩa vợ chồng:

Tình sâu mong trả nghĩa dày

Hoa kia đã chấp cành này cho chưa?

Một yếu tố không kém quan trọng khác là yếu tố xã hội. Để cho gia đình đi đến chỗ tan vỡ là một điều không được xã hội Việt Nam dễ dàng chấp nhận. Vì thế, dù không hợp nhau, các cặp vợ chồng Việt Nam cũng cố gắng không đi tới việc ly thân hay ly dị.

Yếu tố bốn phận cũng đã giúp duy trì tình nghĩa vợ chồng. Cùng hướng về một tương lai tươi đẹp hơn cho gia đình, họ vui vẻ phân chia bốn phận: chồng lo công danh và sự nghiệp, vợ lo chăm sóc con cái và cha mẹ già. Việc có bốn phận đối với nhau và cùng nhau có bốn phận đối với gia đình



khuyến cho tình nghĩa vợ chồng càng thêm thắm thiết:

*Anh đi em ở lại nhà
Hai vai em gánh mẹ già, con thơ.
Lắm than bao quản muối dưa
Anh đi, anh liệu chen đưa với đời.*

Cuối cùng là yếu tố hy sinh. Trong lúc lâm bồn phận của mình theo quan niệm truyền thống, vợ chồng không ngại khó, thường gánh vác công việc cho nhau, hy sinh cho nhau. Đức hy sinh cao quý thường là ở người vợ, như vất vả nuôi con và nuôi chồng ăn học:

*Một quan là sáu trăm đồng
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi.*

Chị Lạc, nhân vật trong truyện ngắn *Anh phải sống* của Khải Hưng và Nhất Linh (1986), đã lặng lẽ buông tay chìm theo dòng nước để chồng được sống sót mà lo cho con.

Tình nghĩa vợ chồng bền chặt giúp cho hạnh phúc gia đình được giữ vững lâu dài. Sự hoà thuận giữa vợ chồng trong gia đình Việt Nam có thể tạo nên một sức mạnh phi thường có khả năng dời non lấp bể: *"Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn"*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Khải Hưng & Nhất Linh (1986), *Anh phải sống*, Đại Nam, California.
Nguyễn Văn Ngọc (1986), *Tục ngữ phong dao tập 1 & 2*, Đại Nam, California.
Nguyễn Du (1987), *Truyện Kiều*, Đại Nam, California.

Bài tập: Em có người hàng xóm thường mở nhạc quá lớn cả ngày lẫn đêm. Hãy viết một lá thư thuyết phục người hàng xóm không nên sử dụng âm thanh quá lớn ảnh hưởng đến sức khỏe.

B.1.3 Bản tiêu chuẩn đánh giá hai bài viết đánh giá chung 1

Criteria for CAT 1: Discourse creation

CRITERIA FOR THE PERSONAL / IMAGINATIVE / PERSUASIVE PIECE

1. Quality of the content of the writing, including relevance and comprehensiveness

(demonstration of writing skills through content appropriate to the context, purpose, audience and task for the writing; for example, skills in, describing, discussing, re-creating, responding to and/or conveying events, emotions, ideas, opinions, values and/or beliefs)

2. **Originality of approach, including dramatic effect or impact** ☐
(demonstration of originality in writing through such means as one or more of the following techniques, for example, graphic description of people, places, events or experiences; creation of a climax or telling surprise; unusual and effective use of language or organisation of content; particular success in engaging and maintaining the reader's interest; skilful persuasion)
3. **Knowledge of the features of the discourse form(s) and skill in organising the writing** ☐
(inclusion of at least four identifiable features of the discourse form; degree of suitability of the structure for the context, purpose, audience and task, including clarity in the development of content and appropriateness or sequencing)
4. **Level of writing skills demonstrated through the range of vocabulary and sentence structures used** ☐
(variety in the vocabulary used; range of sentence structures used; evidence of use of the drafting process; for example, through incorporating more difficult vocabulary and structures than would normally be used in spontaneous writing;)
5. **Level of writing skills demonstrated through the appropriateness of vocabulary and sentence structures used** ☐
(vocabulary and sentence structure culturally appropriate and appropriate to the discourse form and meaning expressed; style and register which reflects the content, purpose, audience and task; avoidance of anglicisms; evidence of use of the drafting process; for example, appropriateness in the use of vocabulary and sentence structures beyond that produced in spontaneous writing;)
6. **Accuracy in the use of linguistic elements** ☐
(clarity of expression through accurate use of linguistic elements; few careless errors; mistakes, where they occur, in exceptions to the general rule rather than in the rule itself; evidence of use of the drafting process; for example, accuracy in the use of linguistic elements and the mechanics of writing beyond that expected in spontaneous writing; where relevant, accurate use of the script; for example, consistent and accurate use of common characters, evidence of use of the drafting process to extend the range of characters used)

CRITERIA FOR THE INFORMATIVE / EVALUATIVE PIECE

7. **Quality of information, ideas and opinions** ☐
(well chosen, relevant and accurate information; well chosen ideas and opinions which indicate reflection about the topic and seem tenable; a sufficiently broad range of aspects of the topic dealt with)
8. **Effectiveness of the presentation of information, ideas and opinions** ☐
(use of clear, interesting and effective examples; unusual juxtapositioning of ideas; unusual and effective use of language or organisation of content; particular success in engaging and maintaining the readers' interest; maintenance of objectivity in style)

9. **Knowledge of the features of the discourse form(s) and skill in organising the writing**
(inclusion of at least four identifiable features of the discourse form; degree of suitability of the structure for the context, purpose, audience and task, including clarity in the development of content and appropriateness of sequencing)
10. **Level of writing skills demonstrated through the range of vocabulary and sentence structures used**
(variety in the vocabulary used; range of sentence structures used; evidence of use of the drafting process; for example, through incorporating more difficult vocabulary and structures than would normally be used in spontaneous writing;)
11. **Level of writing skills demonstrated through the appropriateness of vocabulary and sentence structures used**
(vocabulary and sentence structure culturally appropriate and appropriate to the discourse form and meaning expressed; style and register which reflects the content, purpose, audience and task; avoidance of anglicisms; evidence of use of the drafting process; for example, appropriateness in the use of vocabulary and sentence structures beyond that produced in spontaneous writing;)
12. **Accuracy in the use of linguistic elements**
(clarity of expression through accurate use of linguistic elements; few careless errors; mistakes, where they occur, in exceptions to the general rule rather than in the rule itself; evidence of use of the drafting process; for example, accuracy in the use of linguistic elements and the mechanics of writing beyond that expected in spontaneous writing; where relevant, accurate use of the script; for example, consistent and accurate use of common characters, evidence of use of the drafting process to extend the range of characters used)

CRITERIA FOR THE FOLIO AS A WHOLE

13. **Overall quality and breadth of writing skills demonstrated in the folio**
(topics and tasks sufficiently different from one another [and from the CAT 3 topic, where prescribed] to present evidence of different aspects of students' writing skills; at least two discourse forms and two kinds of writing included; adherence to specifications regarding length).

B.2 Thi vấn đáp (Oral examination)

Cuộc thi vấn đáp nhằm đánh giá sự hiểu biết và kỹ năng dùng tiếng Việt đúng ngữ pháp và có hợp với văn hoá Việt Nam hay không.

Học sinh sẽ đối đáp với 2 vị giám khảo (các vị này không phải là giáo viên trong lớp của các em mà được Hội đồng Học vụ bổ nhiệm).

Cuộc thi gồm có 3 phần và chỉ kéo dài trong vòng 15 phút.

B.2.1 Phần 1: Đàm thoại về những vấn đề tổng quát (General conversation)

Trong phần này, học sinh sẽ đối đáp với giám khảo về các đề tài tổng quát như gia đình, học đường, giải trí, việc làm hoặc ước vọng trong tương lai (không được hỏi hoặc nói tên trường và giáo viên mình vừa học).

Phần đàm thoại này kéo dài không quá 3 phút.

B.2.2 Phần 2: Tường trình và thảo luận (Report and discussion)

Học sinh phải chuẩn bị một bài tường trình bằng miệng về một đề tài thích hợp đã học. Đề tài này có thể lấy từ bài làm bắt buộc 1 trong tín chỉ 4 (Speaking to inform: Presentation and defence of a point of view) nhưng không được trùng với đề tài làm CAT1 và CAT3. Học sinh chỉ tường trình trong khoảng 2 phút mà thôi.

Học sinh sẽ trình bày quan điểm của mình về đề tài trong bài tường trình. Sau đó sẽ trả lời các câu hỏi của ban giám khảo.

Chú ý: Học sinh nói chứ không phải đọc bài tường trình. Học sinh có thể cầm dàn bài ghi các ý chính; tuy nhiên, hay nhất vẫn là không dùng dàn bài này.

Ví dụ: Trình bày đề tài: "Sự đóng góp của Cộng đồng người Việt vào xã hội Úc, kể cả vấn đề những tệ nạn đang xảy ra trong cộng đồng".

E. 2.3 Phần 3: Đối đáp trong tình huống như thực (Situational role-play)

Học sinh sẽ nhận được một bản đề tài do Hội đồng Học vụ soạn. Bản này gồm 3 đề tài, trình bày rõ tình huống và vai trò của học sinh. Học sinh sẽ chọn một đề tài và được cho chuẩn bị trong vòng 15 phút.

Trước khi vào phần vấn đáp, học sinh có thể xem lại phần soạn của mình, hỏi giám khảo thêm về vai trò của mình hoặc về tình huống của cuộc đối thoại.

Điều cần ghi nhớ khi vào thi vấn đáp là học sinh nên chào hỏi và cáo biệt giám khảo theo cung cách văn hoá Việt Nam.

Ví dụ: Sau đây là đề tài do Hội đồng Học vụ soạn cho kỳ thi năm 1995:

Prescribed situations for Part 3: Situational role-play

1. Organising with the help of a parent or relative a day's outing in Melbourne for a visitor from a country where Vietnamese is spoken.
2. Assisting a cousin to select a joint present for a close relative after finding out about the close relative's likes and dislikes and the amount of money to be spent, and coming to agreement on what to buy after an initial difference of opinion.
3. Complimenting the organiser of an activity for teenagers on the success of the program and persuading the person to repeat it for an occasion you are organising.

Criteria for CAT 2: Oral examination

Each criterion is to be assessed separately with a rating of 0, 1, 2, 3, 4 or 5, taking into account of information provided by the indicators (in brackets). Remember that 0 should be used where there is little evidence relevant to the criterion, as well as when there is no evidence at all.

PART 1 - GENERAL CONVERSATION

- 1. Degree of success in dealing with the content of a conversation about a range of general topics** ☐

(Quality of the discussion of at least three different areas listed in the study design; degree of success in developing aspects of at least one of these areas in a way which demonstrates previous reflection.)

- 2. Capacity to demonstrate the characteristics of a conversational partner** ☐

(Relevance of utterances; capacity to expand on topics appropriately; appropriateness of body language and manner of delivery; avoidance of obviously prepared statements; degree of accommodation required of the assessor to maintain the conversation.)

PART 2 - REPORT AND DISCUSSION

- 3. Degree of success in introducing the topic and developing the content of the report** ☐

(Appropriateness of the report structure, including its introduction and conclusion; effectiveness and logic of its presentation; quality of information, ideas and opinions expressed; success in arousing interest; for example, by presenting some unusual but appropriate ideas or opinions, illustrating points with interesting examples, using some well-chosen illustrative material; success in indicating possible aspects for discussion.)

- 4. Degree of success in conveying information and developing opinions and ideas during discussion of the report** ☐

(Success in expressing two or three ideas or opinions and elaborating on at least one of these; clarity of explanations and appropriateness of examples, where included; effectiveness of the interaction, including appropriateness of responses to at least one comment; capacity to influence the direction of the discussion in a culturally appropriate way.)

- 5. Level of language used in completing the report and discussion, including credit for difficult structures handled well** ☐

(Degree to which the content and language level in the report provide evidence of careful preparation and rehearsal; capacity overall to express the message clearly,

with few careless errors and reasonable accuracy in linguistic elements.)

PART 3 - SITUATIONAL ROLEPLAY

6. Degree of success in developing the content of the scenario

(Appropriateness of utterances for the situation and role; capacity to assist in moving the action forward such as by providing detail, asking questions, making requests, adding new ideas; demonstration of cultural knowledge, where possible.)

☐

7. Capacity to use language interactively in the situational roleplay

(Capacity to link with the roleplay partner; for example by asking questions, making or inviting comments, confirming, approving or contradicting statements, where appropriate, referring to or repeating words or phrases from the previous utterance; effectiveness of communication and repair strategies to cope with communication gaps, if they occur; degree of accommodation required of the assessor to maintain the interaction).

☐

ALL PARTS OF THE TASK

8. Manner of delivery and degree of accuracy in pronunciation (including sounds, phrasing and intonation) throughout the assessment

Capacity to adapt the manner of delivery to the type of interaction taking place; consistency of speaking in syntactic units and not individual words; accuracy in sound discrimination where it is essential for meaning; appropriateness of intonation such as that associated with a statement or question; avoidance of unnatural silent periods between utterances; avoidance of excessive repetition and/or frequent false starts.

☐

9. Degree of variety and level of appropriateness in vocabulary and sentence structures overall

Range and cultural appropriateness of vocabulary and sentence structures for the task and the meaning expressed; adoption and consistent use of language and style to suit the role and situation (register).

☐

TOTAL:

☐

B.3 Bài thi viết chung 3 (Written examination)

Bài thi viết chung 3 (CAT3) nhằm đánh giá việc đọc hiểu và nghe hiểu của học sinh đồng thời đánh giá kỹ năng phối hợp những dữ kiện trong hai tài liệu nghe và đọc để viết một bài văn theo thể loại được yêu cầu. Đề tài cho bài đọc và bài nghe được Hội đồng Học vụ phổ biến vào đầu mỗi năm học. Ví dụ đề tài của năm 1995 là Tình bạn.

Bài thi viết này gồm có 3 phần:

B.3.1 Phần 1 (Phần đọc):

Học sinh sẽ đọc một bài văn trong vòng 20 phút. Trong khi đọc, học sinh cần ghi chép những điểm chính trong bài.

Ví dụ: Đọc bài sau đây:

Tết Nguyên Đán



• Chợ hoa Nguyễn Huệ - Sài Gòn

Người Việt Nam có tục lệ ăn Tết Nguyên Đán vào đầu năm Âm lịch. Đây là lễ trọng thể nhất trong năm.

Từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng rộn ràng đón Tết. Mọi người đều lo trang hoàng nhà cửa lại cho đẹp đẽ. Có người mua tranh Tết và câu đối đỏ để treo và dán trong nhà chuẩn bị đón mừng năm mới. Trẻ em, thanh niên thiếu nữ được may sắm quần áo mới để chưng diện trong ba ngày Tết. Hầu như gia đình nào cũng có dưa hành, bánh chưng, bánh tét, dưa hấu và các loại mứt. Có gia đình lại sẵn sàng một cây nêu, tức là một cây tre dẫn tận gốc, tróc hết lá để cắm trong sân nhà theo cổ tục. Có gia đình khác đã nuôi heo, gà, vịt trước cả năm để Tết về mổ thịt ăn uống linh đình sau một năm làm lụng vất vả. Người Việt Nam ai cũng biết câu:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.

là hình ảnh tượng trưng cho ngày Tết của dân tộc Việt.

Vui nhất trước ngày Tết là việc đi chợ Tết mua sắm và nhất là đi chợ hoa. Cảnh muôn ngàn loại hoa như hoa mai, hoa đào, hoa cúc, hoa thược dược... khoe sắc cùng với những tà áo dài tha thướt của các bà, các cô đi mua hoa tạo nên một khung cảnh thơ mộng tuyệt vời mà chỉ ở quê hương ta mới có.

Tết Nguyên Đán đến bằng lễ giao thừa, vào đêm ba mươi, là lúc cái cũ và cái mới giao tiếp nhau. Mọi người thành tâm, trang nghiêm cúng lễ. Bàn thờ sáng choang, hương trầm nghi ngút khói. Pháo Tết vang rền đón mừng xuân mới. Tại các đền chùa, tiếng chuông ngân nga, tiếng trống thùng thình inh ỏi. Là người Việt, nghe tiếng pháo giao thừa nổ đi đúng hoặc râm ran từ xa vọng lại, lòng ai không khỏi xốn xang rạo rực trong giờ phút long trọng đón xuân của dân tộc. Sau lễ giao thừa, người ta xuất hành, đến đền chùa để cầu phúc hay hái lộc đem về nhà để lấy hên.

Tết là ngày đoàn tụ của gia đình và là ngày hội của dân tộc. Con cháu dù ở xa xôi đến đâu vẫn cố gắng tề tựu về với gia đình. Người ta xông nhà nhau, thăm viếng nhau, mừng tuổi nhau, chúc tụng nhau những lời nồng nàn đẹp đẽ. Người ta xoá bỏ những giận hờn cũ, chia nhau những niềm vui và hy vọng đầu năm mới. Trẻ em tung tăng trong những bộ quần áo mới, xum xoe với những bao tiền lì xì màu đỏ. Ngoài đường phố, mọi người chung diện quần áo lịch sự, tấp nập du xuân.

Ngày trước, ông bà ta ăn Tết nhiều ngày: *"Tháng giêng ăn Tết ở nhà"*; nay đơn giản lại chỉ còn có ba ngày. Qua mồng ba, người ta làm lễ hoá vàng (đốt giấy màu vàng, bạc đặt trên bàn thờ) để tiễn ông bà đi, rồi con cháu họp lại ăn bữa cỗ cuối cùng của ngày Tết.

Tết vui đến mấy rồi cũng qua đi. Tuy nhiên, dư hương của ba ngày Tết vẫn còn phảng phất đâu đó trong nếp sống của người dân và trong hương hoa của mùa xuân ấm áp.

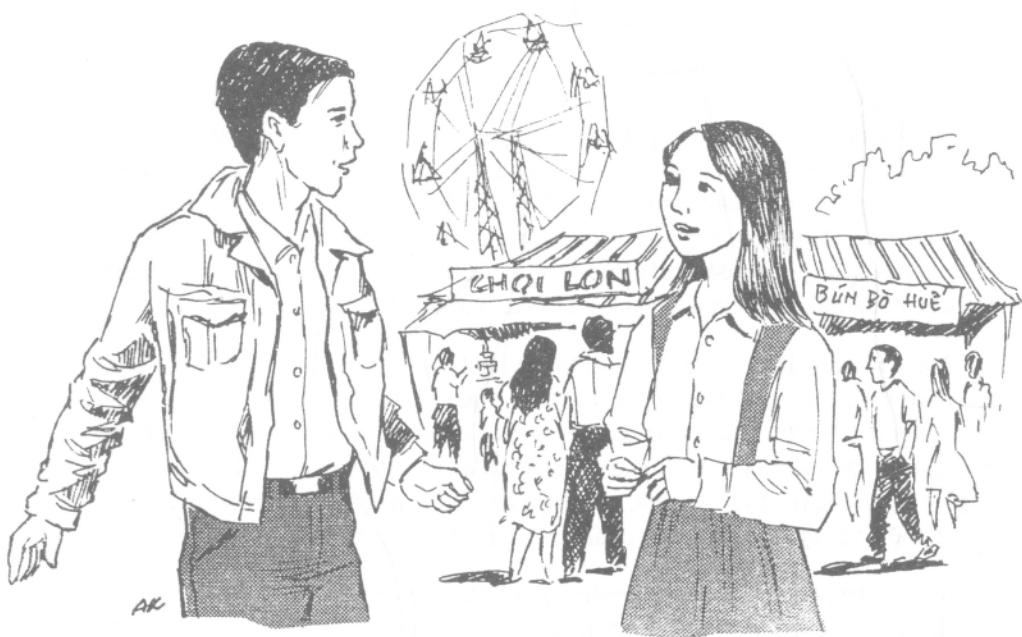
B.3.2 Phần 2 (Phần nghe):

Học sinh sẽ nghe một bài qua máy ghi âm. Bài này được đọc qua hai giọng khác nhau: một giọng nam và một giọng nữ hay một giọng Bắc và một giọng Nam, và được phát 3 lần.

Trong khi nghe, học sinh phải theo dõi, ghi chép lại những điểm chính vào tờ hướng dẫn ghi chép (guided notetaking sheet). Việc nghe và ghi chép sẽ diễn ra trong vòng 20 phút.

Ví dụ: Nghe và ghi chép bài sau đây:

GẶP NHAU TẠI HỘI CHỢ TẾT



- Ngọc : Chào cô Lan, cô còn nhớ tôi không?
- Lan : Dạ anh là... Xin lỗi, tôi không nhớ nổi anh là ai.
- Ngọc : Tôi là Ngọc, hàng xóm của cô ở Việt Nam đây.
- Lan : À anh Ngọc. trông anh thay đổi nhiều, tôi không nhận ra được. Sao, mạnh giỏi không anh? Anh qua Úc lâu chưa?
- Ngọc : Tôi qua đây cũng được bảy năm rồi. Còn cô thì sao?
- Lan : Lan qua mới được có ba tháng.
- Ngọc : Lan thấy hội chợ Tết ở đây vui không?
- Lan : Vui chứ anh. Hội chợ Tết ở đây lớn quá.
- Ngọc : Năm nào hội chợ Tết cũng được tổ chức ở Footscray Park này. Có rất nhiều tiết mục hấp dẫn. Ngoài buổi lễ chính thức khai mạc hội chợ tại sân khấu với sự tham dự của đại diện các hội đoàn Việt Nam cùng các nhân vật chính quyền Úc và đại diện Đảng đối lập, hội chợ còn có nhiều tiết mục hứng thú khác như các trò chơi thuần túy Việt Nam và các trò chơi Úc. Hội chợ cũng có đủ các quán ăn với các món ăn Việt Nam. Ngoài ra, còn có các gian hàng trưng bày của các hội đoàn.

- Lan : Thế có trình diễn văn nghệ không anh?
- Ngọc : Có chứ. Đó là phần hào hứng nhất của hội chợ. Bắt đầu từ bảy giờ tối sẽ có múa lân, biểu diễn võ thuật. Sau đó các ban nhạc, các ca sĩ nổi tiếng tại Melbourne sẽ tranh tài. Lại còn có hài kịch và cải lương nữa. Nếu Lan có thể ở lại khuya, Lan sẽ có dịp được coi pháo bông rất ngoạn mục vì đêm nay là đêm cuối.
- Lan : Vui quá há anh. Nhưng sao lại tổ chức hội chợ vào cuối tuần? Nếu hội chợ được tổ chức vào đúng ngày mồng một và mồng hai có phải có nhiều ý nghĩa hơn không?
- Ngọc : Không được Lan ạ. Tết Việt Nam đâu phải là ngày lễ của Úc, mọi người vẫn phải đi làm như thường lệ. Nếu hội chợ được tổ chức đúng vào ngày mồng một và mồng hai thì chắc chắn sẽ có rất ít người tham dự. Ở đây, lễ gì cũng phải tổ chức vào cuối tuần.
- Lan : À ra thế. Đêm ba mươi ba má Lan có cúng giao thừa. Những người Việt ở đây lâu có còn giữ phong tục này không anh?
- Ngọc : Có chứ. Dù xa nước lâu năm, người Việt nói chung vẫn còn giữ phong tục cũ. Hầu như mọi gia đình đều cúng giao thừa. Nhà nào cũng có bánh chưng, bánh tét, các loại mứt... Chẳng thiếu thứ gì.
- Lan : Có điều Lan thấy lạ là đêm giao thừa không thấy người Việt mình đốt pháo.
- Ngọc : Không được Lan ạ. Mình sống ở Úc phải tôn trọng luật pháp của người ta. Nếu đốt pháo làm kinh động giấc ngủ của mọi người có thể bị phạt. Tuy nhiên, vào ban ngày, ở những nơi tập trung nhiều người Việt, mình có thể đốt pháo, nhưng phải xin phép trước.
- Lan : Gia đình Lan mới qua, bạn bè không có nhiều. Ba Lan phải xống nhà lấy. Còn gia đình anh thì sao?
- Ngọc : Sáng mồng một, ông bác tôi đến xống nhà cho gia đình chúng tôi. Chính sách của chính phủ Úc là chính sách đa văn hoá, nhờ đó, người Việt có thể giữ được phong tục tập quán của mình một cách dễ dàng: Tết đến cũng xống nhà, cũng lì xì, cũng chọn hướng xuất hành như ở Việt Nam. Lan biết không, ở đây có mấy ngôi chùa, người ta đi lễ rất tấp nập vào mấy ngày Tết.
- Lan : Kìa anh, có cả người Úc đi hội chợ của mình.
- Ngọc : Có chứ. Vì hiếu kỳ, vì muốn tìm hiểu văn hoá Việt Nam, người Úc đi hội chợ Tết mình rất đông. Ở chợ Tết Richmond, có tới một phần ba tổng số người tham dự là người ngoại quốc.

- Lan : Hội chợ Tết năm nay đông người quá anh nhỉ?
- Ngọc : Vâng, người mình tham dự hội chợ Tết hằng năm càng ngày càng đông. Số người tham dự hội chợ năm nay vào khoảng bảy tám chục ngàn... Chết, mãi nói chuyện với Lan tôi quên khuấy mấy người bạn đi cùng với tôi. Thôi, chúc Lan một năm mới vui vẻ, vạn sự như ý. Xin chào Lan.
- Lan : Cảm ơn anh. Lan cũng xin chúc anh một năm mới dồi dào sức khỏe. Hy vọng sẽ được gặp lại anh vào một dịp khác.

Guided notetaking sheet

HỘI CHỢ TẾT TẠI MELBOURNE

Địa điểm :

Lễ khai mạc :

Quán ăn, gian hàng :

Trò chơi :

Văn nghệ :

Các tiết mục khác :

Các phong tục Tết còn được giữ tại Úc:

Thành phần và số lượng người tham dự :

B.3.3 Phần 3 : Phối trí dữ kiện (Reorganisation) để viết thành một bài văn. Học sinh sẽ có 80 phút để hoàn tất bài viết này.

Ví dụ: Tưởng tượng em là một nhà báo. Em hãy kết hợp các sự kiện của bài "Tết Nguyên Đán" và bài đàm thoại ở hội chợ Tết ở Úc để viết một bài báo nói rõ Tết Nguyên Đán ở Úc và ở Việt Nam giống và khác nhau như thế nào. Trước khi viết bài báo này, em hãy ghi lại những chi tiết cần thiết của bài đàm thoại và đọc kỹ bài "Tết Nguyên Đán". Sau đó, em hãy lấy mười hai điểm chính (một nửa trong bài đọc và một nửa trong bài đàm thoại) để đưa vào nội dung của bài báo.

Bài báo dài khoảng 250-300 chữ.

B.3.4 Bản tiêu chuẩn đánh giá bài thi viết 3

Criteria for CAT 3: Written examination

QUALITY AND APPROPRIATENESS OF INFORMATION

1. **Capacity to identify and pass on accurately five main points taken solely from the graphic and/or written information provided** ☐

Number and appropriateness of points identified, taking into account omission of unimportant and unrelated points and of information not conveyed by the resources provided; accuracy of the information conveyed, particularly in the points requiring deduction and/or combination of information.

2. **Capacity to identify and pass on accurately five main points taken solely from the information provided orally** ☐

Number and appropriateness of points identified, taking into account omission of unimportant and unrelated points and of information not conveyed by the resources provided; accuracy of the information conveyed, particularly in the points requiring deduction and/or combination of information.

3. **Capacity to identify and pass on accurately information from two additional main points produced by linking related ideas from different sections of both the written and oral resources** ☐

Existence and quality of at least two additional main points produced by combining related information from both oral and written sources; possibly requiring deduction.

SUITABILITY OF THE FORM AND ORGANISATION

4. **Success in demonstrating knowledge of the conventions of the discourse form or forms required to complete the task** ☐

Inclusion of at least four appropriate, identifiable features of the discourse form or forms in the reorganised piece of writing.

5. **Capacity to organise the main ideas into a meaningful sequence which is appropriate for the task** ☐

Effectiveness of the linking of sentences and paragraphs to form a cohesive passage, success in sequencing information and ideas so that the new passage makes sense and fulfils the purpose of the task.

EFFECTIVENESS OF THE REORGANISED PIECE

6. **Degree of coherence in the language of the reorganised piece** ☐

Adaptation of the different registers and styles of the resources into a consistent register and style suitable for the purpose and audience of the task; avoidance, wherever possible, of merely transcribing sentences or phrases from the resources provided.

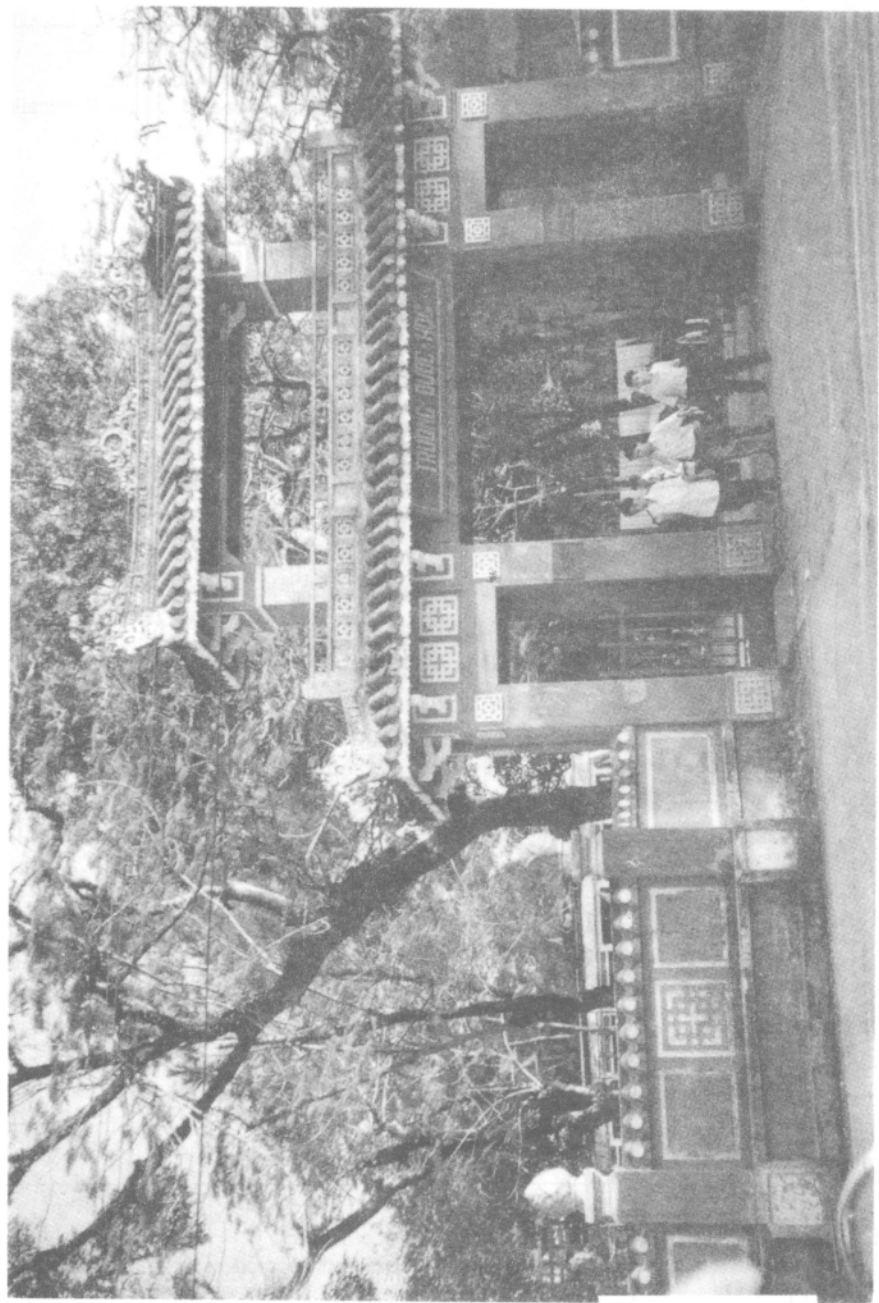
7. **Quality of expression, including control of the language required to complete the task** ☐

Effectiveness of expression, including sufficient accuracy in the use of linguistic elements to convey the required information appropriately; avoidance of careless errors.

8. **Degree of success in completing the task** ☐

Effectiveness of the language, content and organisation of the finished piece in achieving the purpose for the audience and context described in the task.

Tổng số điểm của 3 bài đánh giá chung (CAT1, CAT2 và CAT3) sẽ là kết quả của môn tiếng Việt. Phương thức cho điểm khác nhau tùy theo mỗi tiểu bang. Tại tiểu bang Victoria, phương thức cho điểm là: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, E+, E và UG (ungraded). Những chữ này tương đương với điểm cho từ 0 đến 10.



◦ Trường Quốc Học - Huế

REFERENCES

TEXTS

- BUU K. - *Learning Vietnamese, A Guide to Pronunciation*,
Melbourne: Vietnamese Language and Culture Publication,
1990.
- HUYNH S.T. - *Spoken Vietnamese*,
New York: Spoken Language Services Inc, 1979.
- NGUYEN Đ.H. - *Colloquial Vietnamese*,
Illinois, USA: Illinois University Press, 1974.
- PHAN V.G. - *Functional Vietnamese*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies,
Victoria University of Technology, 1992.
- *Vietnamese for Beginners 1*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1990.
- *Vietnamese for Beginners 2*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1993.
- *Vietnamese for Intermediate 3*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1994.
- *Vietnamese for Intermediate 4*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1994.
- *Modern Vietnamese - Stage 1*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1993.
- *Modern Vietnamese - Stage 2*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1994.
- *Modern Vietnamese - Stage 3*,
Melbourne: Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1995.
- TRAN D.B. - *Easy Vietnamese for You*,
Saigon: Trung Tin, 1963.
- VIETNAMESE DEPARTMENT - *Tiếng Việt Thực Hành*,
Hanoi: Vietnamese Department, Hanoi University, 1980.
- VUONG G.T. - *Vietnamese in a Nutshell*,
Montclair, USA: Institute for Language Study, 1975.

GRAMMAR BOOKS

- BUU K. - *A formalized Syntax of Vietnam*,
Washington DC: University Microfilms International, 1972.

- BUI D.T. - *Văn Phạm Việt Nam*,
Vietnam: Khai Trí, 1972.
- BUI V. B. - *Luyện Tập Quốc Văn*,
Canada: Quê Hương, 1987.
- CLARK M. - *Coverbs and Case in Vietnamese*,
Canberra: Pacific Linguistics,
The Australian National University, 1978.
- DUONG T.B. - *A Tagmemic Comparison of The Structure
of English and Vietnamese Sentences*,
The Hyne: Mouton, 1971.
- DIEP Q.B. - *Ngữ Pháp Tiếng Việt*,
Vietnam: NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1989.
- DOAN Q.S. & DOAN V.B. - *Lược Khảo về Ngữ Pháp Việt Nam*,
Vietnam: Trường Sư Phạm Saigon, 1970.
- LE V.L. - *Sơ Thảo Ngữ Pháp Việt Nam*,
Vietnam: Bộ Giáo Dục, 1968.
- NGUYEN T.C. - *Ngữ Pháp Tiếng Việt*,
Vietnam: NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1981.
- NGUYEN D.L. - *Vietnamese Grammar, A Combined Tagmemic
and Transformational Approach*,
Canberra: Pacific Linguistics, The Australian
National University, 1975.
- THOMPSON H.C. - *A Vietnamese Grammar*,
Hawaii: University of Hawaii Press, 1985.
- TRUONG V.C. &
NGUYEN H.L. - *Khảo Luận về Ngữ Pháp Việt Nam*,
Vietnam: Đại học Huế, 1963.

BOOKS ON VIETNAMESE CULTURE

- HUYNH D.T. - *Introduction to Vietnamese culture*,
USA: Multifunction Resource Centre,
San Diego State University, 1987.
- NGUYEN D.H. - *Some Aspects of Vietnamese Culture*,
Illinois, USA: Centre for Vietnamese Culture Studies,
Illinois University, 1976.
- PHAM K.V. - *The Vietnamese Culture*,
USA: The Pham Kim Vinh Research Institute, 1990.
- BRICK J. & LOUIE G. - *Language and Culture: Vietnam*,
NSW: AMES, 1984.
- DEPARTMENT OF EDUCATION & YOUTH AFFAIRS - *Cultural Background Paper: Vietnam*,
Canberra: Australian Government Publishing Service, 1983.

DICTIONARIES

- LE B.K. - *Vietnamese-English Dictionary*,
USA: Zien Hong, 1987.
- NGUYEN D.H. - *Vietnamese-English Dictionary*
Tokyo: Chances E. Tuttle, 1966.
- PARNWELL E.C. &
TRAN T.H. - *The New Oxford Picture Dictionary (English-Vietnamese)*,
England: Oxford University Press, 1989.

• Phan Văn Giưỡng

Chịu trách nhiệm xuất bản :

ĐỖ THỊ PHẤN

Chịu trách nhiệm nội dung :

TRÚC PHƯƠNG

Biên tập :

NGÔ LIÊM KHOAN

Sửa bản in :

TÂM MINH

Trình bày bìa :

HỒNG SƠN

Đơn vị liên kết : CTY TNHH VĂN HÓA THIÊN LỘC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Ký Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (848) 8 216 009 - 9 142 419 Fax : (848) 9 142 890

E-mail : nxbsaigon@vnn.vn - bientapvhsg@yahoo.com

VICTORIA UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
CENTRE FOR ASIA-PACIFIC STUDIES
**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU Á CHÂU
VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG**



**The following Vietnamese teaching/ learning materials
were written by Phan Văn Giưỡng and published by CAPS:**

1. **Vietnamese for Beginners 1** (Tiếng Việt 1)
for students at tertiary level and adults
2. **Vietnamese for Beginners 2** (Tiếng Việt 2)
for students at tertiary level and adults who
have finished **Vietnamese for Beginners 1**
3. **Vietnamese for Intermediate 3** (Tiếng Việt 3)
for students at tertiary level and adults who
have finished **Vietnamese for Beginners 1&2**
4. **Vietnamese for Intermediate 4** (Tiếng Việt 4)
for students at tertiary level and adults who
have finished **Vietnamese for Intermediate 3**.
5. **Functional Vietnamese** (Tiếng Việt thực dụng)
for business people and travellers
6. **Modern Vietnamese 1** (Tiếng Việt hiện đại 1)
for second language learners at Years 7 and 8 of high schools
7. **Modern Vietnamese 2** (Tiếng Việt hiện đại 2)
for second language learners at Years 9 and 10 of high schools
who have finished **Modern Vietnamese 1**
8. **Modern Vietnamese 3** (Tiếng Việt hiện đại 3)
for second language learners at Year 11 of high schools
who have finished **Modern Vietnamese 2**
9. **Modern Vietnamese 4** (Tiếng Việt hiện đại 4)
for second language learners at Year 12 of high schools
who have finished **Modern Vietnamese 3**
10. **Vietnamese Syllabus Stage 1** (Giáo trình Tiếng Việt 1)
Syllabus for Years 7 and 8 at high schools
11. **Vietnamese Syllabus Stage 2** (Giáo trình Tiếng Việt 2)
Syllabus for Years 9 and 10 at high schools
12. **Vietnamese Syllabus Stages 3&4** (Giáo trình Tiếng Việt lớp 11 và 12)
Syllabus for Years 11 and 12 at senior high schools

